

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
THEO BỘ CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN
NĂNG LỰC CÁC TRƯỜNG SƯ PHẠM
(Năm 2017)**

Đà Nẵng, năm 2017

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
DANH SÁCH CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	3
Phần I. MỞ ĐẦU	4
1. Bối cảnh chung của Nhà trường và bối cảnh tham gia ETEP	4
1.1. Đội ngũ giảng viên	4
1.2. Về chương trình đào tạo	5
1.3. Về tài liệu phục vụ đào tạo bồi dưỡng.....	5
1.4. Cơ sở vật chất về hạ tầng công nghệ thông tin, quản trị.....	6
1.5. Về nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế	7
1.6. Phối hợp với các trường sư phạm và các cơ sở GD phổ thông trong nước	7
2. Xác định nhiệm vụ của Trường trong Chương trình ETEP.....	8
3. Mục đích thực hiện đánh giá theo TEIDI.....	9
4. Quy trình đánh giá theo TEIDI và phương pháp thực hiện	10
4.1. Quy trình tự đánh giá theo TEIDI	10
4.2. Nguyên tắc tự đánh giá theo TEIDI	10
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ.....	11
Tiêu chuẩn 1	11
TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC, QUẢN LÝ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG	11
Tiêu chí 1. Tầm nhìn chiến lược	11
Tiêu chí 2. Quản lý.....	13
Tiêu chí 3. Đảm bảo chất lượng.....	17
Tiêu chuẩn 2	21
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	21
Tiêu chí 4. Phát triển chương trình	21
Tiêu chí 5. Nội dung chương trình và tổ chức thực hiện.....	29
Tiêu chuẩn 3	36
NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN VÀ ĐỔI MỚI	36
Tiêu chí 6. Chính sách về nghiên cứu, phát triển và đổi mới	36
Tiêu chí 7. Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và đổi mới.....	40
Tiêu chuẩn 4	44
HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI.....	44
Tiêu chí 8. Hợp tác vùng/ địa phương.....	44
Tiêu chí 9. Hợp tác quốc tế.....	47
Tiêu chí 10: Hợp tác với các tổ chức khác	51
Tiêu chí 11. Thông tin và truyền thông.....	56
Tiêu chuẩn 5	60
MÔI TRƯỜNG SƯ PHẠM VÀ CÁC NGUỒN LỰC.....	60
Tiêu chí 12: Môi trường sư phạm	60
Tiêu chí 13: Cơ sở vật chất, tài nguyên dạy và học	62

Tiêu chí 15. Nguồn nhân lực	70
Tiêu chuẩn 6	75
HỖ TRỢ DẠY HỌC.....	75
Tiêu chí 16. Hỗ trợ, bồi dưỡng giảng viên	75
Tiêu chí 17. Đánh giá và công nhận giảng viên.....	80
Tiêu chuẩn 7	85
HỖ TRỢ HỌC TẬP	85
Tiêu chí 18. Tuyển sinh và hỗ trợ người học.....	85
Tiêu chí 19. Đánh giá và công nhận kết quả học tập	88
Tiêu chí 20. Các hoạt động ngoại khóa	91
KẾT LUẬN	95
3.1. Tổng hợp điểm tự đánh giá các tiêu chuẩn, tiêu chí PHỤ LỤC	97
3.2. Quy đổi mức năng lực các tiêu chuẩn, tiêu chí.....	99
Phần 4. KẾT LUẬN.....	100
PHỤ LỤC	102
Phụ lục 1: Quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá.....	102

DANH SÁCH CÁC TỪ VIẾT TẮT

ATGT	:	An toàn giao thông
ANTT	:	An ninh trật tự
BGH	:	Ban Giám hiệu
CBVC	:	Cán bộ viên chức
CBGD	:	Cán bộ giảng dạy
CBGV	:	Cán bộ, giảng viên
CBQL	:	Cán bộ quản lí
CNK	:	Chủ nhiệm Khoa
CGCN	:	Chuyển giao công nghệ
CTSV	:	Công tác Sinh viên
CSVV	:	Cơ sở vật chất
CTĐT	:	Chương trình đào tạo
ĐBCL	:	Đảm bảo chất lượng
ĐHĐN	:	Đại học Đà Nẵng
ĐHSP	:	Đại học Sư phạm
ĐH&CĐ	:	Đại học và Cao đẳng
ĐTN	:	Đoàn Thanh niên
HTQT	:	Hợp tác quốc tế
GD&ĐT	:	Giáo dục và Đào tạo
GV	:	Giảng viên
HTQT	:	Hợp tác quốc tế
HSSV	:	Học sinh, sinh viên
HSV	:	Hội sinh viên
KĐ&ĐBCL	:	Kiểm định và Đảm bảo chất lượng
KT&ĐBCL	:	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục
KHCN	:	Khoa học công nghệ
KT	:	Khen thưởng
KT-XH	:	Kinh tế - xã hội
NCKH	:	Nghiên cứu khoa học
NVSP	:	Nghị quyết sư phạm
PPGD	:	Phương pháp giảng dạy
SV	:	Sinh viên
TC-HC	:	Tổ chức – Hành chính
THPT	:	Trung học phổ thông
TĐG	:	Tự đánh giá
TĐTT	:	Thể dục thể thao
VLVH	:	Vừa làm vừa học
XH-NV	:	Xã hội - Nhân văn

Phần I. MỞ ĐẦU

1. Bối cảnh chung của Nhà trường và bối cảnh tham gia ETEP

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng được thành lập theo Nghị định 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ, trên cơ sở tổ chức và sắp xếp lại các đơn vị: Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Nam- Đà Nẵng, Cơ sở Đại học Ngoại ngữ Đà Nẵng, Bộ môn Cơ bản của Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Bộ môn văn hóa của Trường Công nhân kỹ thuật Nguyễn Văn Trỗi. Là trường thành viên thuộc ĐHĐN, Trường có chức năng và nhiệm vụ: Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên các cấp, đào tạo cử nhân khoa học và đào tạo sau đại học; giảng dạy các môn khoa học cơ bản cho các trường thành viên thuộc ĐHĐN; nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Trải qua hơn 42 năm xây dựng và trưởng thành, hiện nay Trường Đại học Sư phạm – ĐHĐN là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa cấp với cơ cấu 6 phòng, 12 khoa, 3 trung tâm nghiên cứu và 2 tổ trực thuộc.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Nhà trường đã vinh dự được các cấp chính quyền, đoàn thể tại trung ương và địa phương trao tặng nhiều huân chương, cờ thi đua và bằng khen ở nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau. Năm 2016, Nhà trường được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương lao động hạng Nhất.

Nhà trường đã xác định sứ mạng *“Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng thực hiện trọng trách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao và nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trên các lĩnh vực khoa học giáo dục, khoa học tự nhiên và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn; phục vụ cộng đồng với cam kết đảm bảo chất lượng giáo dục, hội nhập quốc tế”*.

Giá trị cốt lõi của Nhà trường được xác định cụ thể cho từng lĩnh vực hoạt động. Cụ thể là: Đối với khoa học: *Sáng tạo và tự do học thuật*; Đối với công tác đào tạo và nghiên cứu: *Chất lượng hàng đầu*; Đối với công tác quản lý: *Chuẩn mực & Khách quan*; Đối với giảng dạy: *Kiến tạo tri thức & định hướng khởi nghiệp*; Đối với người học: *tôn trọng năng lực cá nhân & tinh thần tập thể*; Đối với đồng nghiệp: *Chân thành & Đoàn kết*; Đối với cộng đồng: *Cống hiến và Phục vụ*.

Từ cơ sở xuất phát và chiến lược phát triển lâu dài, Nhà trường đã xác định chức năng và nhiệm vụ của trường được thực hiện là triển khai đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý các cấp với các trình độ và phương thức phù hợp; nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ và thực hiện các hoạt động phục vụ cộng đồng nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

1.1. Đội ngũ giảng viên

Tổng số cán bộ, viên chức của Trường hiện nay là 376 người; trong đó có 256 cán bộ giảng dạy với cơ cấu trình độ: 1 giáo sư, 12 phó giáo sư, 85 tiến sĩ và tiến sĩ khoa

học (đạt 32,1% số GV), 165 thạc sĩ; 52 cán bộ giảng dạy đang đi học nghiên cứu sinh và cao học trong và ngoài nước.

1.2. Về chương trình đào tạo

- Đối với chương trình đào tạo sau đại học và đại học hệ chính quy, Nhà trường đang tổ chức đào tạo 3 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ (Hóa hữu cơ, Ngôn ngữ học, Văn học Việt Nam), 16 chuyên ngành đào tạo thạc sĩ (Phương pháp toán sơ cấp, Giải tích, Đại số, Hệ thống thông tin, Phương pháp dạy học Vật lý, Hóa hữu cơ, Sinh thái học, Văn học Việt Nam, Ngôn ngữ học, Quản lý giáo dục, Giáo dục học, Tâm lý học, Việt Nam học, Lịch sử Việt Nam, Sinh học thực nghiệm, Hóa lý thuyết và hóa lý), 29 ngành đào tạo đại học (12 ngành sư phạm: SP Toán học, SP Tin học, SP Vật lý, SP Hóa học, SP Sinh học, SP Văn học, SP Lịch sử, SP Địa lý, SP Âm nhạc, Giáo dục Chính trị, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non và 17 ngành cử nhân khoa học: Toán ứng dụng, Công nghệ Thông tin, Vật lý học, Hóa học phân tích - môi trường, Hóa dược, Khoa học môi trường, Công nghệ sinh học, Quản lý tài nguyên môi trường, Văn học, Văn hóa học, Báo chí, Lịch sử, Địa lý tài nguyên - môi trường, Địa lý Du lịch, Tâm lý học, Công tác xã hội, Việt Nam học).

- Đối với hệ vừa làm vừa học, Nhà trường đang tổ chức đào tạo tại trường cũng như liên kết với các trung tâm giáo dục thường xuyên, các cơ sở đào tạo trong nước tổ chức đào tạo các trình độ đại học, cao đẳng, đào tạo liên thông và bồi dưỡng giáo viên, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục các cấp...

Chương trình đào tạo, bồi dưỡng luôn được cập nhật, rà soát định kỳ, đáp ứng và phù hợp với đối tượng người học cũng như các cơ sở sử dụng lao động.

Năm học 2016-2017, tổng số sinh viên hệ chính quy bậc đại học đang học tại trường là 6.329 sinh viên, 720 học viên sau đại học. Tổng số học viên hệ vừa làm vừa học là 5.600 học viên. Tổng số lưu học sinh nước ngoài học tại trường là 115 sinh viên. Tính đến nay Trường đã đào tạo được 1.636 tiến sĩ và thạc sĩ.

1.3. Về tài liệu phục vụ đào tạo bồi dưỡng

Thư viện của Nhà trường khá đa dạng và phong phú, đầy đủ sách, tài liệu chuyên môn, giáo trình tiếng Việt cũng như tiếng nước ngoài, đáp ứng yêu cầu sử dụng của giảng viên và sinh viên trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

Thư viện của Trường có diện tích 955m², được bố trí tại một khu vực độc lập, rộng rãi, yên tĩnh và thoáng mát, bao gồm hệ thống phòng đọc, phòng mượn, phòng nghiệp vụ thông tin thư mục và kho lưu trữ sách, tài liệu, báo chí riêng biệt. Thư viện có 16.141 đầu sách, với số lượng 107.197 cuốn trong đó số lượng số sách gắn với ngành đào tạo cấp bằng của Trường là 100.827 cuốn, có 50 máy tính được nối mạng internet, có hệ thống phần mềm quản lý sách, giáo trình và tài liệu.

Các khâu quản lý và nghiệp vụ đều được tin học hoá. Tài liệu tra cứu bằng hệ thống máy tính nối mạng. Hệ thống các kho sách được chuyển thành kho mở, thủ tục mượn trả tài liệu được cảm ứng bằng quét mã vạch.

Bên cạnh đó, cán bộ và sinh viên Nhà trường còn được sử dụng nguồn tư liệu tại Trung tâm Học liệu ĐHQĐ dùng chung cho toàn Đại học Đà Nẵng. Trường cũng đang tiến hành thực hiện đề án tiếp tục xây dựng và phát triển thư viện theo hướng hiện đại, tạo mối liên kết với các trường đại học, các thư viện khác trong khu vực, trong nước để giao lưu, trao đổi tư liệu.

1.4. Cơ sở vật chất về hạ tầng công nghệ thông tin, quản trị

Khuôn viên của Trường có tổng diện tích 4,67 ha với 31.132 m² sàn xây dựng. Diện tích nơi làm việc 2118 m², nơi vui chơi giải trí 6000 m². Tổng diện tích phòng học 5.448 m², đạt 1,3m²/ 1SV, bao gồm 63 phòng học, trong đó có 19 giảng đường lớn, đều được trang bị đủ hệ thống thiết bị âm thanh, máy chiếu. Trường hiện có 22 phòng thí nghiệm Lý, Hóa, Sinh - Môi trường được trang bị, nâng cấp hằng năm với nhiều thiết bị hiện đại đáp ứng được việc học tập, nghiên cứu của sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh...; 8 phòng máy tính với trang bị hơn 400 máy tính xách tay; 4 phòng thực hành phương pháp dạy học gồm các thiết bị hiện đại như hệ thống bảng tương tác, máy chiếu lập thể, tăng âm, camera ghi hình bài giảng...

Phòng thí nghiệm của các khoa Vật lý, Hóa học, Sinh - Môi trường... đã được trang bị các thiết bị hiện đại như máy quang phổ hồng ngoại, sắc ký khí, quang phổ hấp thụ nguyên tử, máy đo chỉ số môi trường, nồng độ ôxi hòa tan, phòng nuôi cấy mô nuôi cấy tế bào invitro.

Phòng thực hành báo chí với đầy đủ thiết bị đảm bảo cho việc giảng dạy và thực hành các loại hình phù hợp cho lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.

Nhà tập đa chức năng đảm bảo tốt việc rèn luyện thể dục thể thao thường xuyên và phong trào cho cán bộ và sinh viên toàn trường.

Các phòng thực hành phương pháp dạy học đáp ứng tốt cho việc phục vụ đổi mới phương pháp dạy học.

Khuôn viên ký túc xá dành cho sinh viên và lưu học sinh nước ngoài đảm bảo diện tích phòng ở 4446 m², có cảnh quan đẹp, rộng rãi, thoáng mát, đảm bảo tốt mọi sinh hoạt và đảm bảo an ninh.

Về công nghệ thông tin, Trường đã trang bị và thiết lập hệ thống dạy học trực tuyến tiên tiến, có thể liên kết nội bộ trong 6 phòng học lớn có sức chứa hơn 1200 SV cùng học tập đồng thời có thể liên kết đến các trường đại học trong và ngoài nước.

Hệ thống máy chủ và mạng cáp quang nội bộ cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo cùng với các phần mềm quản lý hiện đại. Nhà trường đã xây dựng có hiệu quả website để giới thiệu và cung cấp đầy đủ các thông tin có liên quan về công tác quản lý, điều hành dạy học của trường, được thường xuyên cập nhật.

Nhìn chung, về cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, Trường đã đáp ứng tương đối đầy đủ trang thiết bị dạy học hiện đại hỗ trợ tích cực cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, quản lý chuyên môn và quản lý; đảm bảo tốt cho việc tổ chức các hội nghị, hội thảo, đáp ứng tốt mọi yêu cầu của người sử dụng. Với qui hoạch sử dụng phòng thí nghiệm theo hướng liên thông, tạo điều kiện cho việc dạy học, nghiên cứu khoa học, khai thác tối đa cơ sở vật chất thiết bị, phát huy hiệu quả đầu tư, tăng tần suất phục vụ.

Về công tác quản trị, Nhà trường đang quản lý điều hành theo hệ thống quản trị hiện đại theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục. Trường có các phần mềm hỗ trợ quản lý tiên tiến như phần mềm quản lý đào tạo; quản lý đăng ký tín chỉ; theo dõi kết quả học tập của sinh viên; quản lý hồ sơ; quản lý công tác rèn luyện của sinh viên; quản lý tài chính, quản lý phòng học; quản lý thiết bị; quản lý cán bộ...

1.5. Về nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Hoạt động nghiên cứu khoa học từng bước phát triển, đạt hiệu quả tốt. Nhiều kết quả nghiên cứu khoa học của Trường được ứng dụng vào thực tiễn giáo dục - đào tạo và đời sống sản xuất như đổi mới phương pháp giảng dạy, chuyển giao công nghệ nuôi cấy mô cho cây trồng giúp các địa phương trong khu vực nâng cao năng suất cây trồng.

Hợp tác quốc tế không ngừng được phát triển theo đúng quy định của pháp luật và đã mang lại nhiều lợi ích cho Nhà trường. Trường đã trao đổi, hợp tác với nhiều trường đại học trong khu vực và trên thế giới; nhiều biên bản ghi nhớ với các trường đối tác đã được triển khai và tiếp tục triển khai trong thời gian tới.

1.6. Phối hợp với các trường sư phạm và các cơ sở GD phổ thông trong nước

Với tư cách là thành viên của 07 trường sư phạm trọng điểm, Nhà trường đã thường xuyên phối hợp chặt chẽ, tham gia, hỗ trợ, chia sẻ kinh nghiệm giữa các trường trong việc xây dựng chương trình, xây dựng chuẩn đầu ra... Các hội thảo chia sẻ kinh nghiệm trong quản lý, dạy học... được tổ chức luân phiên hàng năm tại các trường. Điều này đã giúp công tác điều hành quản lý của Nhà trường đi đúng hướng, tạo ra mặt bằng chất lượng chung giữa các trường sư phạm trong nước.

Nhà trường luôn giữ mối quan hệ hợp tác thường xuyên với các Sở Giáo dục - Đào tạo, các Trung tâm Giáo dục thường xuyên trong nước và tại khu vực miền Trung, Tây Nguyên trong việc bồi dưỡng giáo viên, bồi dưỡng cán bộ quản lý... Trong nhiều năm qua, việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng chuẩn giáo viên, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, nghiệp vụ sư phạm mà Nhà trường triển khai đã góp phần tích cực cho việc cung cấp nguồn nhân lực cho các địa phương. Đối với các trường phổ thông tại địa phương, Trường đã phối hợp có hiệu quả trong việc tổ chức các đợt kiến tập, thực tập sư phạm cuối khóa, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên; đồng thời với vai trò là người sử dụng sản phẩm đào tạo, các trường cũng đã thường xuyên đóng góp ý kiến giúp Nhà

trường hiệu chỉnh, cập nhật chương trình, nội dung đào tạo và đặt các vấn đề thiết thực giúp Nhà trường xây dựng các chuyên đề bồi dưỡng giáo viên.

Để phù hợp với tình hình mới, trong bối cảnh là trường sư phạm đa cấp, triển khai đào tạo theo hệ thống tín chỉ, Nhà trường đã triển khai thực hiện mô hình thực tập sư phạm tại các trường phổ thông vệ tinh trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, nhằm giúp sinh viên thường xuyên tiếp xúc với thực tế nghề nghiệp một cách có hiệu quả.

Trong những năm qua, Nhà trường cũng đã có kinh nghiệm tổ chức và thực hiện thành công một số dự án, chương trình phát triển giáo dục như:

- Mô hình thực tập vệ tinh cho sinh viên các ngành sư phạm của Trường giúp sinh viên được sớm tiếp xúc với môi trường giảng dạy ở phổ thông từ năm thứ hai.

- Xây dựng và triển khai thực hiện chương trình "Giáo dục về sức khỏe giới tính-tình dục-sinh sản" cho giáo viên, học sinh tại các trường trung học tại Đà Nẵng, Quảng Nam, và các thành phố khác và các tỉnh;

- Bồi dưỡng GV, CBQLGD, nhân viên thực hành – thí nghiệm cho các địa phương khu vực Miền Trung và Tây Nguyên;

- Đào tạo giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục ở huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng trong chương trình Xây dựng nông thôn mới;

- Đào tạo giáo viên phụ trách tư vấn tâm lý học đường và xây dựng mô hình tham vấn tâm lý học đường cho thành phố Đà Nẵng;

- Bồi dưỡng hè dành cho giáo viên;

- Đào tạo nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ giảng viên các trường đại học, cao đẳng, trường trung học, trường dạy nghề ở các địa phương;

- Xây dựng mô hình dạy các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh cho sinh viên các trường đại học sư phạm.

2. Xác định nhiệm vụ của Trường trong Chương trình ETEP

Là thành viên của 7 trường sư phạm trọng điểm trong cả nước, Trường ĐHSP-ĐHĐN luôn ý thức được nhiệm vụ chính trị là tham gia đào tạo bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cho các địa phương trong nước nhằm góp phần thực hiện được những thay đổi quan trọng trong đổi mới căn bản toàn diện giáo dục Việt Nam trong giai đoạn mới.

Định hướng cốt lõi của Trường trong đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ GV và CBQLGD là phát triển ở người học tư duy đổi mới và tăng cường thực hành nghề sư phạm.

Nhà trường đã xác định các nhiệm vụ chính trong công tác đào tạo bồi dưỡng giáo viên trong tình hình mới là:

- a) Tiếp tục cập nhật, đổi mới chương trình, nâng cao chất lượng đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông theo định hướng đổi mới căn bản và toàn diện GD;

- b) Thiết kế các khóa bồi dưỡng và thực hiện hiệu quả công tác bồi dưỡng đội ngũ GV và CBQLGD cốt cán của trường phổ thông;
- c) Thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động bồi dưỡng của GV và CBQL cốt cán tại các trường phổ thông;
- d) Tăng cường cơ sở vật chất (phòng học, thiết bị dạy học) và nền tảng công nghệ thông tin phục vụ nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng GV, CBQLGD;
- e) Phát triển hệ thống cung cấp học liệu, quản lý và hỗ trợ thông tin nhằm đáp ứng yêu cầu tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực của giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông;
- f) Tham gia vào hệ thống giám sát, đánh giá và phản hồi thường xuyên về chất lượng giảng dạy của của giáo viên và chất lượng hoạt động quản lý của cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông;
- g) Phối hợp với các trường sư phạm khác và các Sở Giáo dục – Đào tạo phát triển chương trình, cung cấp tài liệu, tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng và hướng dẫn, hỗ trợ giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục cốt cán nâng cao hiệu quả hoạt động tại các trường phổ thông.

**** Những thuận lợi của Nhà trường trong việc thực hiện nhiệm vụ:***

- + Được sự chỉ đạo thống nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Đà Nẵng;
- + Sự đoàn kết, nhất trí và quyết tâm cao của đội ngũ cán bộ, nhân viên trong Nhà trường;
- + Sự hợp tác và hỗ trợ của các trường bạn và các địa phương trong khu vực miền Trung, Tây Nguyên và cả nước;
- + Có kinh nghiệm trong đào tạo và bồi dưỡng giáo viên;
- + Cơ sở vật chất và đội ngũ đáp ứng các yêu cầu đào tạo bồi dưỡng;
- + Sự liên thông giữa hệ thống quản lý trong trường qua các phần mềm hỗ trợ.

**** Tham gia Chương trình ETEP, ĐHSP - ĐHDN cam kết:***

- + Tham gia tích cực với tinh thần trách nhiệm cao nhất trong việc thực hiện nhiệm vụ;
- + Đảm bảo chất lượng và hiệu quả trong công tác đào tạo, bồi dưỡng;
- + Phối hợp đồng bộ với các trường đại học sư phạm trong nước trong việc thực hiện các trách nhiệm chung;
- + Sẵn sàng khắc phục khó khăn trở ngại trong việc nhận nhiệm vụ, địa bàn được giao.

3. Mục đích thực hiện đánh giá theo TEIDI

Nhà trường thực hiện đánh giá theo bộ chỉ số phát triển năng lực trường sư phạm (TEIDI) nhằm mục đích đánh giá đúng hiện trạng của Nhà trường, xác định những điểm mạnh, những hạn chế còn tồn tại, từ đó xây dựng chiến lược của Nhà trường phù hợp, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ chất lượng cao về đào tạo,

bồi dưỡng, phát triển chuyên môn cho người học, giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông, đồng thời giúp cho Nhà trường thể chế hóa thành công mối quan hệ giữa trường với các trường khác trong hệ thống sư phạm và với các trường phổ thông.

4. Quy trình đánh giá theo TEIDI và phương pháp thực hiện

4.1. Quy trình tự đánh giá theo TEIDI

Việc thực hiện tự đánh giá theo TEIDI được thực hiện theo 8 bước sau đây:

Bước 1: Phổ biến quán triệt mục đích ý nghĩa của việc đánh giá theo TEIDI đến tất cả cán bộ viên chức và sinh viên trong Nhà trường.

Bước 2: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký và nhóm chuyên trách (Đại diện các đơn vị trong Nhà trường)

Bước 3: Nghiên cứu Bộ tiêu chuẩn và Hướng dẫn Tự đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn theo TEIDI

Bước 4: Tập hợp minh chứng phục vụ cho viết báo cáo tự đánh giá theo TEIDI (trên cơ sở phân tích nội hàm của từng tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ báo).

Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá theo TEIDI (bản dự thảo)

Bước 6: Thẩm định báo cáo tự đánh giá theo TEIDI (Thẩm định chéo và thẩm định chuyên gia)

Bước 7: Lấy ý kiến của các bên liên quan trong và ngoài Nhà trường về bản Dự thảo Báo cáo Tự đánh giá theo TEIDI.

Bước 8: Hoàn thiện Báo cáo tự đánh giá theo ý kiến góp ý.

4.2. Nguyên tắc tự đánh giá theo TEIDI

- Tính hệ thống: Phương pháp tự đánh giá cần phải được lập kế hoạch kỹ lưỡng và toàn diện. Đảm bảo đề cập đến tất cả các khía cạnh, các yêu cầu trong Bộ chỉ số TEIDI, các thông tin, nhận định, đánh giá đảm bảo tính nhất quán và không có sự mâu thuẫn.

- Tính trung thực, khách quan và cân bằng: Các thông tin được đưa ra trong báo cáo phải trung thực; những nhận định, đánh giá phải dựa trên các thông tin chính xác đảm bảo tính khách quan. Cần đưa ra những nhận định cân bằng về những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức hiện tại và xác định hành động cần thiết để giải quyết những vấn đề này và tối đa hóa tiềm năng. Trong việc thu thập dữ liệu và đánh giá kết quả cần dựa vào nhiều nguồn khác nhau để đảm bảo tính khách quan và tin cậy.

- Sự tham gia: Hoạt động tự đánh giá cần sự tham gia của tất cả cán bộ viên chức và sinh viên trong Nhà trường để đảm bảo hoạt động tự đánh giá mang tính toàn diện và phản ánh sự quyết tâm của cả tập thể.

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1

TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC, QUẢN LÝ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

Mở đầu:

Tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của Nhà trường được xây dựng phù hợp với sứ mạng và nguồn lực. Trường đã cụ thể hóa được sứ mạng, tầm nhìn vào trong kế hoạch chiến lược. Các chính sách, quy trình, quy định của Nhà trường được xây dựng một cách phù hợp và được cập nhật thường xuyên. Đây là những công cụ hiệu quả phục vụ các hoạt động quản lý. Trách nhiệm, quyền hạn của các cá nhân, đơn vị trong Trường được phân định rõ ràng làm cơ sở cho việc thực hiện kế hoạch chung, tạo sự phát triển bền vững, lâu dài. Hoạt động đảm bảo chất lượng được Nhà trường triển khai bằng nhiều hoạt động đa dạng. Trường đã được kiểm định và được công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục. Tất cả các hoạt động của Nhà trường đều hướng tới chất lượng và nhằm thực hiện tốt sứ mạng và đạt được tầm nhìn đã đề ra.

Tiêu chí 1. Tầm nhìn chiến lược

1. Mô tả

1.1. Tầm nhìn và kế hoạch chiến lược phù hợp với sứ mạng của Trường

Trường Đại học Sư phạm (ĐHSP) là cơ sở giáo dục thành viên thuộc Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN), được thành lập theo Nghị định 32/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ; tất cả hoạt động của Trường ĐHSP - ĐHĐN được thực hiện theo Luật Giáo dục đại học và Điều lệ trường Đại học [MC.01.01.01].

Trường đã xác định rõ tầm nhìn chiến lược của Nhà trường trong trung hạn và dài hạn. Tầm nhìn của Nhà trường được xác định trong Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ Trường Đại học Sư phạm số 34/NQ-ĐU, ngày 9/3/2010 và được chỉnh sửa bổ sung năm 2016 [MC.01.01.02]. Theo đó, tầm nhìn của Nhà trường được xác định như sau “*Đến năm 2030, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng là cơ sở giáo dục đại học tự chủ hội đủ năng lực đào tạo, nghiên cứu khoa học trên một số lĩnh vực mũi nhọn đạt chuẩn chất lượng quốc tế; được phân tầng và xếp hạng cao, có vị thế uy tín trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới*”.

Tầm nhìn này hoàn toàn phù hợp với sứ mạng và nhiệm vụ chiến lược của Nhà trường. Sứ mạng của Nhà trường được xác định là “*Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng thực hiện trọng trách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao và nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trên các lĩnh vực khoa học giáo dục, khoa học tự nhiên và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn; phục vụ cộng đồng với cam kết đảm bảo chất lượng giáo dục, hội nhập quốc tế.*” [MC.01.01.02].

Tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường không phải cố định mà được tiến hành rà soát và điều chỉnh để phù hợp với sự phát triển của Nhà trường và xã hội. Năm 2016, Nhà trường đã điều chỉnh sứ mạng và tầm nhìn sau 5 năm ban hành. Tầm nhìn và Sứ mạng mới đã mở rộng phạm vi, lĩnh vực hoạt động và phát triển của Nhà trường. Nhà trường không chỉ dừng lại ở việc phấn đấu ở trong nhóm những trường đại học hàng đầu ở Việt Nam mà còn mong muốn vươn tầm hội nhập với khu vực và thế giới [MC.01.01.03]. Để triển khai sứ mạng và tầm nhìn mới, Nhà trường đã điều chỉnh Kế hoạch chiến lược trong đó cập nhật những mục tiêu, xác định những giải pháp phù hợp cho từng lĩnh vực hoạt động để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường [MC.01.01.04].

1.2. Tầm nhìn, sứ mạng của Trường được công bố công khai và được triển khai trong các hoạt động của Trường

Trên cơ sở Tầm nhìn và Sứ mạng, Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch chiến lược cho từng lĩnh vực hoạt động từ đó xác định những mục tiêu trong trung và dài hạn, phân tích những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức và đã đề ra những giải pháp nhằm thực hiện thành công được sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường [MC.01.01.04].

Kế hoạch chiến lược của Nhà trường đã xác định rõ mục tiêu và đề ra những giải pháp để thực hiện từng lĩnh vực hoạt động. Trên cơ sở kế hoạch chiến lược, Nhà trường cụ thể hóa trong mục tiêu, nhiệm vụ của từng năm học. Các nhiệm vụ của từng năm học được rà soát, đánh giá định kỳ theo từng quý và được đánh giá tổng kết cuối năm [MC.01.01.05].

Trường có đủ các nguồn lực để thực hiện sứ mạng và tầm nhìn: đội ngũ giảng viên của Trường là những người có trình độ cao, có biên chế cơ hữu, hợp đồng không xác định thời hạn và ổn định; đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên có kinh nghiệm; uy tín của Trường có sức thu hút các giảng viên, sinh viên, công ty, tổ chức trong và ngoài nước; cơ sở vật chất (phòng học, phòng Lab, phòng máy tính, mạng Internet...) về cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo và bồi dưỡng [MC.01.01.06].

Nhà trường quan tâm giới thiệu và quảng bá sứ mạng bằng cách đặt bảng trong khuôn viên nhà hiệu bộ, khu giảng đường, hội trường. Tầm nhìn, Sứ mạng và chính sách chất lượng cũng được công bố theo bộ tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và công bố công khai trên website của Trường. Cán bộ viên chức trong Trường và sinh viên có thể hiểu và nắm bắt nội dung cơ bản về sứ mạng của Trường bằng nhiều hình thức khác nhau [MC.01.01.07].

2. Điểm mạnh:

- Trường có sứ mạng, tầm nhìn rõ ràng, cụ thể. Sứ mạng, tầm nhìn của Trường phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội, đã được công bố công khai và phổ biến đến CBVC và SV của Trường qua nhiều kênh thông tin.
- Sứ mạng của Trường được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khả

năng phát triển của Trường và đã được rà soát, điều chỉnh.

3. Điểm tồn tại:

- Một số người học còn chưa hiểu kỹ về sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường.
- Việc triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên ngoài trường trong việc xây dựng và điều chỉnh tầm nhìn sứ mạng chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức khảo sát ý kiến của các bên ngoài trường trong địa bàn thành phố Đà Nẵng về Sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và tổ chức Hội thảo để lấy ý kiến các bên liên quan, từ đó điều chỉnh tầm nhìn sứ mạng.	Các đơn vị	2017	2018
2		Tổ chức tuyên truyền cho sinh viên hiểu rõ về sứ mạng và tầm nhìn của Trường.	Các đơn vị	2017	2021
3	Khắc phục tồn tại	Rà soát những kết quả hoạt động của Nhà trường so với kế hoạch và nhiệm vụ chiến lược	Các đơn vị	2017	2019
4		Thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch chiến lược.	Các đơn vị	2017	2020

5. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 1	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 1.1				4			
Chỉ số 1.2				4			
Điểm TB của tiêu chí	4.0						

Tiêu chí 2. Quản lý

1. Mô tả

2.1. Trường có đầy đủ chính sách, quy trình, quy định, công cụ để thực hiện sứ mạng, triển khai kế hoạch chiến lược và khuyến khích đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên, kỹ thuật viên phát huy năng lực của mình.

Trường ĐHSP - ĐHĐN áp dụng cơ cấu tổ chức và quản lý theo Luật Giáo dục; Điều lệ trường Đại học; Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên; Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của ĐHĐN, các cơ sở giáo

dục đại học thành viên và các đơn vị trực thuộc [MC.01.02.01]. Cơ cấu tổ chức của Trường bao gồm Hội đồng Trường; Ban Giám hiệu, các phòng chức năng; các khoa và bộ môn; tổ trực thuộc, các trung tâm trực thuộc, Hội đồng Khoa học và Đào tạo và các Hội đồng tư vấn của Nhà trường [MC.01.02.02].

Trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHSP – ĐHDN giai đoạn 2010-2020 và tầm nhìn đến 2030, trong đó đã phân tích rõ bối cảnh, phân tích những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức và xác định được định hướng cũng như mục tiêu và giải pháp thực hiện cho từng lĩnh vực hoạt động của Nhà trường [MC.01.02.03].

Bên cạnh các văn bản pháp quy và các quy định của ĐHDN về tổ chức, quản lý; Nhà trường đã ban hành các văn bản phân định rõ ràng chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị trực thuộc, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên: *Quy định chức năng và nhiệm vụ của các phòng chức năng, khoa và tổ trực thuộc của Trường Đại học Sư phạm – ĐHDN; Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị và quyền hạn, trách nhiệm của các Trưởng đơn vị; Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và quyền lợi của các chức danh viên chức; Thực hiện chế độ làm việc của giảng viên* nhằm mục đích quản lý các hoạt động một cách có hiệu quả để thực hiện sứ mạng, triển khai kế hoạch chiến lược và khuyến khích đội ngũ CBQL, GV và NV, kỹ thuật viên phát huy năng lực của mình [MC.01.02.04]. Nhà trường đã xây dựng *Đề án vị trí việc làm (phụ lục 6)* trong đó cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của từng cá nhân [MC.01.02.05]. Việc phân định trách nhiệm và quyền hạn cho tập thể lãnh đạo và cá nhân đã tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý, điều hành của Nhà trường.

Ngoài ra, Nhà trường còn xây dựng mô hình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và đã được Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng đánh giá và cấp giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng [MC.01.02.06]. Các quy trình được tiến hành rà soát theo định kỳ và bổ sung cập nhật [MC.01.02.07].

2.2. Năng lực chuyên môn của nhân sự được tuyển dụng đáp ứng vai trò, chức năng của từng vị trí công việc.

Đội ngũ nhân sự của Trường được tuyển dụng theo đúng yêu cầu về trình độ và chuyên môn. Hàng năm Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng cán bộ viên chức đáp ứng nhu cầu về nhân lực cho các đơn vị. Vị trí và đối tượng tuyển dụng được thông báo công khai bằng văn bản và trên website của Trường và Đại học Đà Nẵng. Tất cả đối tượng này đều trải qua sơ tuyển từ các đơn vị sử dụng và kỳ thi tuyển viên chức hoặc sát hạch về chuyên môn, nghiệp vụ [MC.01.02.08].

Đội ngũ giảng viên hướng dẫn thực hành của Trường được đào tạo cơ bản, đúng chuyên môn và được bố trí làm việc ở phòng thí nghiệm, thực hành của các Khoa Hóa học, Sinh - Môi trường, Tin học, Vật lý, Địa lý và tại các bộ phận quản trị mạng, phòng

giáo trình điện tử để hỗ trợ và phục vụ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học cho các giảng viên của Nhà trường [MC.01.02.09]. Đội ngũ chuyên viên làm việc ở các phòng đảm bảo đủ về số lượng và trình độ. Tất cả chuyên viên làm ở các phòng, tổ trực thuộc đều có trình độ đại học và sau đại học; có trình độ ngoại ngữ và tin học đáp ứng tốt các yêu cầu nhiệm vụ được giao [MC.01.02.10].

Nhằm đảm bảo tốt vai trò, chức năng của từng vị trí nhân sự với năng lực chuyên môn, sau khi được tuyển dụng, Nhà trường đã bồi dưỡng cho các nhân sự được tuyển dụng theo đúng yêu cầu của ngạch, bậc [MC.01.02.11].

Cùng với việc bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ giảng dạy, Nhà trường cũng rất quan tâm, cho các chuyên viên, kỹ thuật viên đi học chương trình sau đại học tại các cơ sở đào tạo trong nước [MC.01.02.12].

2.3. Toàn bộ nhân sự trong Trường thực hiện đầy đủ các quy định về trách nhiệm và giải trình.

Để đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, chuyên viên, kỹ thuật viên và nhân viên phục vụ, Trường xây dựng hệ thống phiếu đánh giá và xếp loại bằng các mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân [MC.01.02.13]. Sau 2 năm thực hiện công tác đánh giá, xếp loại viên chức, Nhà trường tổ chức góp ý quy chế đánh giá, xếp loại viên chức để đánh giá tính hiệu quả của quy chế này, qua đó nhằm điều chỉnh, bổ sung xếp loại cán bộ quản lý, giảng viên viên chức hành chính và nhân viên phục vụ [MC.01.02.14].

Việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được đánh giá từ ba phía: tự đánh giá, đánh giá từ đồng nghiệp và đánh giá của cán bộ lãnh đạo, quản lý. CBVC phải có trách nhiệm tự đánh giá công tác của cá nhân sau mỗi năm học và Thủ trưởng các đơn vị (khoa/phòng) có trách nhiệm đánh giá cá nhân theo các mảng công tác được giao. Trên cơ sở đánh giá VC của các đơn vị, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Nhà trường cùng xem xét và đánh giá kết quả công tác của CBQL và cá nhân trong các đơn vị và đề nghị Hiệu trưởng ra quyết định công nhận kết quả xếp loại CBVC và người lao động [MC.01.02.15] và chi lương tăng thêm theo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của mỗi cá nhân [MC.01.02.16]. Kết quả đánh giá cho thấy đa số đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên, nhân viên phục vụ giảng dạy đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [MC.01.02.17].

Ngoài đánh giá kết quả hoạt động của cá nhân theo năm học, Nhà trường cũng yêu cầu CBQL và các VC có trách nhiệm thực hiện công khai minh bạch tài sản đối với người thuộc diện phải kê khai [MC.01.02.18]; giải trình kết quả công tác của mình theo nhiệm kỳ hoặc trước khi quy hoạch, bổ nhiệm như: cá nhân thuộc diện CBQL hoặc đề nghị bổ nhiệm, tái bổ nhiệm thực hiện bản tự đánh giá nhiệm vụ công tác sau đó trình bày trước tập thể đơn vị để lấy ý kiến nhận xét và trình bày trước Ban Giám hiệu hoặc Ban Thường vụ Đảng ủy. Ban Thường vụ Đảng ủy căn cứ vào bản kiểm

điểm công tác của cá nhân thuộc diện nêu trên, nhận xét của tập thể, của địa phương để đưa ra nhận xét đánh giá có đủ điều kiện được bổ nhiệm hay không [MC.01.02.19]. Ngoài ra, Nhà trường cũng giải trình những kiến nghị của VC và người lao động tại Hội nghị cán bộ viên chức hằng năm [MC.01.02.20].

2. Điểm mạnh

- Cơ cấu tổ chức quản lý của Trường hợp lý, đáp ứng được các tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo thực hiện hiệu quả nhiệm vụ được giao.

- Hệ thống quản lý của Trường được thiết kế đầy đủ và thực hiện khá hiệu quả để đội ngũ quản lý, giảng viên và nhân viên, kỹ thuật viên phát huy năng lực của mình.

- Trường đã áp dụng mô hình quản lý chất lượng ISO 9001:2008 vào quản lý các hoạt động của Nhà trường.

- Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của nhân sự được tuyển dụng đáp ứng vai trò, chức năng của từng vị trí công việc.

- Toàn bộ nhân sự trong Trường đều thực hiện đầy đủ các quy định về trách nhiệm giải trình theo định kỳ năm học thông qua công tác đánh giá, xếp loại CBVC, giảng viên, người lao động.

3. Điểm tồn tại

- Cải tiến lĩnh vực đánh giá, xếp loại VC đảm bảo chính xác mức độ hoàn thành công việc của cán bộ, giảng viên và cán bộ quản lý.

- Số chuyên viên và kỹ thuật viên tham gia sáng kiến kinh nghiệm hoặc giải pháp cải tiến công việc chưa nhiều.

- Nhà trường chưa thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ chuyên viên, kỹ thuật viên và nhân viên;

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Khuyến khích và tạo động lực để đội ngũ quản lý, giảng viên và nhân viên, kỹ thuật viên phát huy năng lực của mình.	Phòng TC-HC	2018	2019
2		Tiếp tục áp dụng mô hình quản lý chất lượng ISO 9001:2008 vào trong việc quản lý các hoạt động của Nhà trường.	Phòng Khảo thí & ĐBCL	2017	2021
3		Tối ưu hóa đội ngũ cán bộ; tăng cường hiệu quả và hiệu suất làm việc	Phòng TC-HC	2018	2019

1	Khắc phục tồn tại	Cải tiến Bộ Tiêu chí và hệ thống đánh giá cán bộ	Phòng TCHC	2018	2019
2		Mở 08 lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho chuyên viên, kỹ thuật viên và nhân viên.	P.CSVC & P. TC-HC	2018	2021
3		Rà soát đề án vị trí việc làm để điều chỉnh nhân sự ở một số đơn vị theo chức năng và nhiệm vụ	Phòng TCHC	2018	2019

5. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 2	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 2.1				4			
Chỉ số 2.2				4			
Chỉ số 2.3				4			
Điểm TB của tiêu chí	4.0						

Tiêu chí 3. Đảm bảo chất lượng

1. Mô tả

3.1. Trường có các chính sách thích hợp, đơn vị đảm bảo chất lượng và nhân sự có chuyên môn để thực hiện hiệu quả các hoạt động đảm bảo chất lượng nội bộ cấp trường và cấp chương trình đào tạo.

Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng luôn đặt chất lượng lên hàng đầu. Tất cả các hoạt động của Nhà trường đều hướng đến chất lượng trong các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Trường đã xây dựng và quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008. Với hệ thống này, các hoạt động của Nhà trường trong tất cả các khâu từ đầu vào, quá trình, đầu ra đều được quy trình hóa đảm bảo các hoạt động diễn ra một cách thông suốt và thuận lợi. Nhà trường đã được Tổng Cục Đo lường chất lượng cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn ISO và hàng năm Nhà trường đều tổ chức rà soát nội bộ các Quy trình ISO [MC.01.03.01]. Bên cạnh việc quản lý chất lượng theo ISO, Nhà trường cũng tích cực tham gia các hoạt động kiểm định chất lượng và xây dựng các hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong. Nhà trường đã ban hành Chiến lược đảm bảo chất lượng giáo dục giai đoạn 2015 - 2020 và tầm nhìn 2030 [MC.01.03.02].

Để thực hiện chiến lược, Nhà trường đã thành lập Hội đồng Đảm bảo chất lượng cấp Trường và cấp khoa [MC.01.03.03]. Trường cũng đã có đơn vị chuyên trách về đảm bảo chất lượng giáo dục là Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục [MC.01.03.04]. Phòng có nhiệm vụ tham mưu cho Ban Giám hiệu về công tác Khảo thí

và Đảm bảo chất lượng giáo dục; xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động tự đánh giá và khảo thí trong phạm vi toàn Trường nhằm không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng. Biên chế hiện nay của Phòng Khảo thí - ĐBCLGD có 6 CBVC; trong đó có 3 thạc sĩ và 03 cử nhân. Cán bộ của Phòng Khảo thí - ĐBCLGD đã được tham dự nhiều lớp tập huấn về đảm bảo chất lượng bên trong, tự đánh giá và đánh giá ngoài; các hội thảo chuyên đề về hoạt động đảm bảo chất lượng đại học do Bộ GD&ĐT, Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Đại học Đà Nẵng tổ chức. Đội ngũ cán bộ của Phòng Khảo thí - ĐBCLGD là những người có năng lực, có kinh nghiệm trong lĩnh vực giáo dục, có khả năng tham mưu, triển khai và tổ chức thực hiện các hoạt động đánh giá, đảm bảo chất lượng giáo dục nhằm nâng cao hoạt động toàn diện của Trường [MC.01.03.05].

3.2. Trường đã tiến hành tự đánh giá với mục đích cải thiện chất lượng cấp trường hoặc cấp chương trình.

Trường đã triển khai tự đánh giá cấp cơ sở giáo dục và cấp chương trình đào tạo. Trường là cơ sở đầu tiên trong cả nước được kiểm định và được công nhận đạt chuẩn chất lượng bởi Trung tâm Kiểm định chất lượng Đại học Quốc gia Hà nội vào năm 2016. [MC.01.03.06]

Bên cạnh công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, Nhà trường còn tiến hành triển khai Tự đánh giá chương trình đào tạo. Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá tất cả 12 chương trình đào tạo ngành sư phạm theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT giáo viên trung học phổ thông trình độ đại học, trong đó ngành SP Ngữ văn đã được Bộ GD&ĐT đánh giá ngoài vào năm 2013. Thông qua hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài, Nhà trường đã thấy rõ được những điểm mạnh, những hạn chế còn tồn tại và triển khai những kế hoạch hành động nhằm không ngừng phát triển nhà trường [MC.01.03.07].

3.3. Trường có hệ thống thông tin thích hợp để định kỳ thu thập và xử lý dữ liệu và giảng viên và người học.

Trường có hệ thống quản lý cán bộ, giảng viên và người học bằng phần mềm chuyên dụng. Thông tin của từng giảng viên về trình độ đào tạo, ngạch viên chức... được quản lý bằng phần mềm quản lý cán bộ tại địa chỉ <http://hrm.udn.vn>, khi có những biến động về cán bộ, giảng viên như về trình độ học vấn, bằng cấp sẽ được cập nhật vào phần mềm; việc quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học cũng được quản lý bằng phần mềm trực tuyến. Giảng viên cập nhật các thông tin về lý lịch khoa học trên phần mềm tại địa chỉ <http://scv.ued.udn.vn/>. Hàng năm, trên cơ sở các dữ liệu được cập nhật trên hệ thống phần mềm kết hợp với các minh chứng bằng văn bản, Nhà trường tính điểm công trình nghiên cứu khoa học cho giảng viên. Các thông tin thu thập bằng phần mềm được gửi cho các đối tượng liên quan để kiểm tra, đối chiếu nhằm đảm bảo tính chính xác, khách quan và công bằng [MC.01.03.08].

Việc quản lý thông tin người học mang tính toàn diện từ đầu vào, quá trình và đầu ra và được thực hiện bằng phần mềm chuyên dụng. Các thông tin của sinh viên được cập nhật theo từng kỳ và được liên kết trực tiếp đến tài khoản của sinh viên đảm bảo SV có thể dễ dàng cập nhật, đối chiếu và so sánh [MC.01.03.09]. Bên cạnh quản lý các thông tin cơ bản của giảng viên về khối lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học; Nhà trường cũng xây dựng hệ thống thu thập thông tin từ các bên liên quan về chất lượng giảng dạy. Nhà trường hàng kỳ triển khai lấy ý kiến sinh viên về công tác giảng dạy của giảng viên; triển khai lấy ý kiến của giảng viên, sinh viên về chất lượng phục vụ của các phòng ban chức năng, thư viện. Những thông tin thu thập được từ các đợt khảo sát được gửi tới những đối tượng có liên quan để thực hiện điều chỉnh, phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm còn tồn tại để không ngừng nâng cao chất lượng giảng dạy, đào tạo, phục vụ của Nhà trường. [MC.01.03.10].

Trường thực hiện phản hồi sự tiến bộ của người học thông qua việc tổ chức đánh giá người học bao gồm đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết. Thông qua các bài kiểm tra đánh giá, sinh viên và cố vấn học tập có thể nắm bắt được sự tiến bộ của bản thân sinh viên và cố vấn học tập có căn cứ tư vấn cho sinh viên về lộ trình học tập cũng như phương pháp học tập. Những sinh viên nào thuộc diện cảnh báo học tập sẽ được thông báo trên hệ thống phần mềm và những sinh viên này được yêu cầu rút bớt tín chỉ đăng ký để có thể hoàn thành nhiệm vụ học tập trong học kỳ tiếp theo. [MC.01.03.11].

2. Điểm mạnh

+ Trường là cơ sở giáo dục đại học đầu tiên được kiểm định và công nhận đạt chuẩn chất lượng bởi một tổ chức kiểm định chất lượng độc lập và đã hoàn thành tự đánh giá tất cả chương trình đào tạo giáo viên.

+ Trường có hệ thống quản lý thông tin về cán bộ, giảng viên, sinh viên bằng phần mềm đảm bảo truy xuất dữ liệu một cách nhanh chóng.

3. Điểm tồn tại

+ Một số quy trình ISO 9001:2008 chưa được cập nhật kịp thời.

+ Trường chưa có chương trình đào tạo được đánh giá theo tiêu chuẩn của các tổ chức khu vực và quốc tế (AUN-QA)

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Chuyển đổi hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 sang hệ thống QLCL ISO 9001:2015.	Các đơn vị	2017	2018
2		Tổ chức đánh giá ngoài chương trình đào tạo ngành SP Vật lý theo Bộ tiêu chuẩn	Trường, Khoa Vật	2017	2018

		AUN-QA	lý		
3	Khắc phục tồn tại	Triển khai tự đánh giá và đánh giá ngoài các chương trình đào tạo theo Thông tư 04 và AUN-QA	Các khoa	2017	2021
4		Hoàn thiện Hệ thống Đảm bảo chất lượng bên trong theo mô hình của AUN-QA	Phòng Khảo thí & các đơn vị	2017	2020

5. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 3	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 3.1				4			
Chỉ số 3.2				4			
Chỉ số 3.3				4			
Chỉ số 3.4			3				
Điểm TB của tiêu chí	3.8						

*** Kết luận tiêu chuẩn 1:** Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng đã xác định rõ sứ mạng và tầm nhìn trong trung và dài hạn. Sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường đã được rà soát điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh của Nhà trường.

Nhà trường đã có đầy đủ các chính sách, quy trình, quy định, công cụ để triển khai các hoạt động nhằm thực hiện sứ mạng, tầm nhìn. Công tác quản lý được tin học hóa đảm bảo công việc diễn ra thuận lợi, nhanh chóng và chính xác. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, cá nhân được phân định rõ ràng đảm bảo thực hiện tốt công việc. Công tác đảm bảo chất lượng được Nhà trường đặc biệt coi trọng và đã triển khai được nhiều hoạt động có hiệu quả.

Trong thời gian tới, Nhà trường đẩy mạnh các hoạt động đảm bảo chất lượng, cải tiến lĩnh vực đánh giá, xếp loại viên chức và cập nhật mô hình quản lý hiện đại để không ngừng nâng cao chất lượng của Nhà trường đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan.

Tiêu chuẩn 2

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu

Chương trình đào tạo (CTĐT) của Trường được xây dựng theo các văn bản quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Đại học Đà Nẵng; phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và chức năng, nhiệm vụ của Trường; đồng thời gắn với nhu cầu của người học và nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động.

Chương trình đào tạo từng ngành của Trường được thiết kế một cách hệ thống, có cấu trúc hợp lý và mục tiêu rõ ràng, cụ thể, hợp lý, khoa học, liên thông giữa các trình độ. Các chương trình đào tạo đã được bổ sung thường xuyên, điều chỉnh cho phù hợp với thực tế quản lý đào tạo.

Tiêu chí 4. Phát triển chương trình

1. Mô tả

4.1. Các quy trình thiết kế, phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh chương trình gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn chiến lược, mục tiêu của Trường và với nhiệm vụ mà Nhà nước giao phó.

Trường đã xác định, chương trình đào tạo (CTĐT) là yếu tố then chốt cho việc đào tạo có chất lượng. Nhà trường thiết lập hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát và rà soát CTĐT, đảm bảo mục tiêu chiến lược.

CTĐT của Trường được xây dựng theo các văn bản quy định hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo, Đại học Đà Nẵng; phù hợp với sứ mạng, mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Trường và được rà soát cải tiến thông qua quá trình đánh giá toàn diện để kịp thời bắt kịp với nhu cầu của người học và nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động.

Trường Đại học Sư phạm có đầy đủ các CTĐT cho các ngành học thuộc các bậc đào tạo đang thực hiện tại Trường, cụ thể như sau:

a. CTĐT đại học, cao đẳng

** Đối với hệ chính quy, bậc đại học gồm 29 CTĐT, bậc cao đẳng có 01 CTĐT*

** Đối với hệ vừa làm vừa học, Nhà trường đã xây dựng các CTĐT từ trung cấp, cao đẳng, đại học các ngành sư phạm, trong đó đặc biệt chú trọng các ngành GD Tiểu học, GD Mầm non.*

b. CTĐT của bậc sau đại học gồm có: Trường có 16 CTĐT trình độ thạc sĩ, 03 CTĐT trình độ tiến sĩ.

Đối với các CTĐT và bồi dưỡng, Trường xây dựng các CTĐT theo nguyên tắc đảm bảo đúng quy trình, tuân thủ theo các văn bản pháp quy hướng dẫn xây dựng chương trình do Bộ GD&ĐT ban hành và chú trọng tới tính khoa học, hiện đại, đáp ứng nhu cầu thực tiễn giáo dục [MC.02.04.01].

Căn cứ sứ mạng, tầm nhìn chiến lược và mục tiêu, Nhà trường xây dựng các CTĐT thuộc 4 lĩnh vực: khoa học giáo dục, khoa học tự nhiên, khoa học sự sống, khoa học môi trường phù hợp với thực tế nhu cầu nguồn nhân lực ở các tỉnh miền Trung – Tây Nguyên và cả nước.

Trong mỗi CTĐT và bồi dưỡng, Trường quy định rõ thời lượng đào tạo cho toàn khóa, các khối kiến thức, các học phần đối với từng ngành. Trường có đầy đủ chương trình chi tiết của các học phần, tài liệu tham khảo phong phú, đa dạng và cập nhật [MC.02.04.02].

Đối với việc mở ngành học mới, Nhà trường có văn bản hướng dẫn thực hiện các CTĐT cho các đơn vị và quy trình mở ngành đào tạo (QT710-04, Bộ TCVN ISO 9001: 2008) [MC.02.04.03].

CTĐT ở các bậc đào tạo được xây dựng từ cấp Khoa với sự tham gia của các tổ chuyên môn với đầy đủ tất cả giảng viên. Các chương trình đều được tổ chức đánh giá, nghiệm thu của Hội đồng Khoa học - Đào tạo cấp khoa và cấp Trường. Trong Hội đồng Khoa học – Đào tạo của Trường và Hội đồng Khoa học – Đào tạo của các khoa ngoài những cán bộ, giảng viên của khoa còn có thành phần là các chuyên gia ngoài trường, các nhà tuyển dụng lao động. Những chuyên gia ngoài Trường, các nhà sử dụng lao động cùng với các giảng viên của Trường sẽ tham gia đánh giá chất lượng CTĐT với mục tiêu giúp sinh viên sau khi hoàn thành CTĐT có thể đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động [MC.02.04.04].

Các CTĐT đảm bảo yêu cầu chung về tỉ lệ giữa các học phần tự chọn và các học phần bắt buộc [MC.02.04.05]. Trên cơ sở đánh giá mức độ đạt được các tiêu chuẩn đặt ra, Hội đồng Khoa học Đào tạo tổ chức nghiệm thu và trình Hiệu trưởng duyệt trước khi tổ chức đào tạo [MC.02.04.06]. Trên cơ sở các chương trình đã được phê duyệt, các bộ môn xây dựng đề cương chi tiết học phần [MC.02.04.07].

Tất cả CTĐT của các ngành và chương trình chi tiết các học phần đều được thực hiện theo mẫu do Bộ GD&ĐT quy định [MC.02.04.08].

Khi xây dựng CTĐT, các Khoa đều tham khảo CTĐT của các trường đại học đào tạo lâu năm, có uy tín trong nước tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Huế như ĐHSP Hà Nội, ĐHSP Huế, ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh... và một số CTĐT tiên tiến của các nước như: Mỹ, Úc, Bỉ... Ngoài ra, các CTĐT của Trường còn được xây dựng và điều chỉnh trên cơ sở lấy ý kiến của sinh viên tốt nghiệp thông qua bảng khảo sát ý kiến sinh viên tốt nghiệp về toàn khóa học được Trường tiến hành hàng năm [MC.02.04.09].

Trên cơ sở xem xét nhu cầu xã hội, khả năng đào tạo và đề nghị của Khoa, Ban Giám hiệu cho phép làm thủ tục mở ngành, chuyên ngành mới theo đúng quy định của Bộ [MC.02.04.10]. Dựa trên đề nghị của Khoa, Hội đồng Khoa học - Đào tạo của Trường sẽ họp và xét duyệt [MC.02.04.11].

Khoa phối hợp với Phòng Đào tạo hoàn thành hồ sơ xin mở ngành, chuyên ngành mới, gửi về Ban Đào tạo ĐHĐN. Sau khi Hội đồng Khoa học - Đào tạo ĐHĐN thông

qua, Giám đốc ban hành quyết định cho phép mở ngành mới hoặc trình Bộ xét duyệt [MC.02.04.12].

Các CTĐT được phê duyệt và thể hiện qua kế hoạch đào tạo toàn khóa và được lưu trữ tại Phòng Đào tạo, tại các khoa dưới dạng cơ sở dữ liệu và bản in, công bố công khai trên trang website Phòng Đào tạo: <http://daotao.ued.vn> [MC.02.04.13].

Dựa trên sứ mạng, tầm nhìn chiến lược, mục tiêu của Trường, theo Thông tư 07/2015, Đại học Đà Nẵng có văn bản chỉ đạo, Trường đưa vào nghị quyết Đảng ủy, triển khai chỉ đạo Phòng Khảo thí & ĐBCLGD, Phòng Đào tạo tham mưu, các Khoa thực hiện rà soát chương trình đào tạo hàng năm theo đúng quy định [MC.02.04.14].

4.2. Các CTĐT và bồi dưỡng giáo viên được phát triển dựa theo nhu cầu của các bên liên quan, thể hiện tính hệ thống và nhất quán.

Trường hiện có 12 CTĐT cử nhân sư phạm chính quy, 05 CTĐT bồi dưỡng. Bên cạnh những CTĐT, các chương trình bồi dưỡng giáo viên hiện có được xây dựng theo nhu cầu từng địa phương, các đơn vị liên kết, Trường còn thiết kế các chương trình cấp giấy chứng nhận, như các chương trình: Nghiệp vụ công tác Đoàn – Đội; Nghiệp vụ quản lý thiết bị, thí nghiệm trường học; Nghiệp vụ Cô nuôi dạy trẻ Mầm non, thiết kế bài giảng điện tử e-Learning...

Trường xây dựng các CTĐT và bồi dưỡng giáo viên có tính kế thừa, khoa học, hiện đại và cập nhật, gắn kết các CTĐT và bồi dưỡng giáo viên với sứ mạng, mục tiêu, tầm nhìn và luôn có kế hoạch cải tiến liên tục thông qua quá trình đánh giá toàn diện [MC.02.04.15].

CTĐT và bồi dưỡng giáo viên được thiết kế một cách hệ thống và nhất quán giữa các khối kiến thức, đảm bảo tính logic giữa các học phần, giữa chuẩn đầu ra CTĐT với mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ năng lực được thể hiện trong từng học phần. Đồng thời, Trường xây dựng các CTĐT và bồi dưỡng giáo viên được phát triển dựa vào nhu cầu các bên liên quan: cựu sinh viên, các trường phổ thông, nhu cầu người học từ các đơn vị liên kết phù hợp với nhu cầu của người học, nhằm đáp ứng sự phát triển của khoa học công nghệ, phát triển giáo dục và phát triển kinh tế xã hội của đất nước [MC.02.04.16].

CTĐT và bồi dưỡng giáo viên của Trường có cấu trúc hợp lý, đảm bảo được các khối kiến thức tối thiểu của các ngành đào tạo, gồm các kiến thức đại cương; khối kiến thức chuyên nghiệp; bao gồm kiến thức cơ sở khối ngành, cơ sở ngành và chuyên ngành; kiến thức bổ trợ; thực tập nghề nghiệp và tốt nghiệp [MC.02.04.17].

Chương trình chi tiết của từng học phần cũng thể hiện rõ mục tiêu cụ thể của từng ngành học [MC.02.04.18].

Các học phần trong chương trình được cấu trúc thành kế hoạch đào tạo của từng học kỳ, đảm bảo tính tiên quyết và vị trí của các học phần trong toàn bộ chương trình. Tất cả học phần đều được đánh mã số, phân loại dựa trên nhóm kiến thức và theo bộ môn khoa quản lý. Các học phần tiên quyết, học phần học trước được tổ chức khoa học

thuận lợi cho phân công giảng dạy và đăng ký học tập của SV [MC.02.04.19].

Tất cả các ngành đào tạo và bồi dưỡng giáo viên của Trường đã xây dựng chuẩn đầu ra, trong đó đã xác định rõ mục tiêu của CTĐT về cả kiến thức, kỹ năng và thái độ với người học sau khi hoàn thành chương trình [MC.02.04.20].

Mỗi chương trình có 110 tín chỉ bắt buộc và khoảng từ 40 đến 50 tín chỉ tự chọn trong đó chọn ra 25 tín chỉ. Ngay từ học kỳ 2 đã có các học phần tự chọn giúp cho người học linh hoạt trong việc tăng cường những kiến thức, kỹ năng chuyên môn đáp ứng được những đòi hỏi của thực tế thị trường lao động [MC.02.04.21].

Khi xây dựng CTĐT và bồi dưỡng giáo viên, Trường luôn quan tâm đến tính liên thông của CTĐT giữa các bậc đào tạo và các ngành đào tạo. CTĐT hệ VLVH được xây dựng trên cơ sở chương trình của hệ chính quy nhưng có điều chỉnh thời lượng cho phù hợp đối tượng người học. Nhà trường cũng xét cho miễn giảm những học phần đã học có cùng nội dung và thời lượng, tính liên thông giữa các CTĐT luôn được chú trọng giữa các ngành trong một khối ngành. Các CTĐT liên thông đều được xây dựng phù hợp với các quy định của Bộ GD&ĐT và ĐHĐN. Các hình thức liên thông này đã giúp người học rút ngắn thời gian đào tạo nhờ sử dụng các học phần đã học cho khối kiến thức đại cương [MC.02.04.22].

Ngoài ra, đối với hệ chính quy, Trường đã tổ chức đào tạo chương trình thứ hai bậc đại học từ năm học 2012 - 2013 cho SV đang theo học các bậc đại học ở Trường và các trường thành viên thuộc ĐHĐN. Đây là hình thức liên thông khác ngành giúp sinh viên có cơ hội chuyển đổi ngành học. Việc thực hiện đào tạo chương trình thứ hai, các điều kiện để sinh viên được học chương trình thứ hai được thực hiện theo quy chế 43/2006 và Thông tư 57/2012 của Bộ GD&ĐT và Quy định của ĐHĐN về đào tạo cùng lúc 2 chương trình giữa các Trường thành viên của ĐHĐN [MC.02.04.23].

Các loại hình đào tạo và các ngành đào tạo trong Trường cũng như ở các trường thành viên thuộc ĐHĐN có sự liên thông. Cùng một học phần có số tín chỉ tương đương, SV sư phạm có thể theo học ở các ngành khác nhau trong Trường và trong ĐHĐN [MC.02.04.24].

Các hoạt động đào tạo đều tuân thủ theo Quy định của Bộ GD&ĐT [MC.02.04.01].

4.3. CTĐT và bồi dưỡng giáo viên được định kì rà soát, đánh giá, chỉnh sửa và bổ sung với sự tham gia của các bên liên quan.

Để phù hợp với những biến đổi của tình hình giáo dục nói chung và những thay đổi của yêu cầu xã hội với các ngành nghề đào tạo, các CTĐT và bồi dưỡng giáo viên của Trường thường xuyên được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn.

Trường đã ban hành Quy trình phát triển và cập nhật CTĐT. Việc cập nhật CTĐT dựa trên khảo sát ý kiến sinh viên tốt nghiệp và cựu sinh viên về các CTĐT; [MC.02.04.25].

Đầu năm học 2006 - 2007, Nhà trường bắt đầu triển khai hình thức đào tạo theo học chế tín chỉ. CTĐT của Trường được xây dựng, điều chỉnh từ phương thức đào tạo

niên chế, tính theo đơn vị học trình chuyển sang phương thức đào tạo tín chỉ; trong đó mỗi học phần có cấu trúc từ 1 đến 4 tín chỉ. Sau 4 năm học, khi sinh viên đã tích lũy đủ từ 120 tín chỉ trở lên và đảm bảo đủ các điều kiện theo Quy chế 43/2006 sẽ được xét công nhận tốt nghiệp. Từ năm 2010, nhằm tạo điều kiện cho sinh viên tích lũy đầy đủ và hoàn chỉnh kiến thức, Nhà trường đã tiếp tục hiệu chỉnh CTĐT bậc đại học, nâng tổng số tín chỉ phải tích lũy tối thiểu để được xét công nhận tốt nghiệp lên 135 tín chỉ. Qua đó đã bổ sung thêm nội dung các học phần cần thiết của các ngành đào tạo, đảm bảo sự thống nhất giữa khối kiến thức bắt buộc và khối kiến thức tự chọn theo tỉ lệ 110:25 tín chỉ [MC.02.04.26].

Năm 2013, các CTĐT của Trường tiếp tục được hiệu chỉnh. Lần điều chỉnh này tập trung thiết kế lại nội dung các học phần thuộc khối kiến thức dùng chung cho các nhóm ngành theo hướng liên thông giữa các ngành, tạo điều kiện cho sinh viên học tập theo phương thức đăng ký và tích lũy tín chỉ, tăng cường khối kiến thức tự chọn [MC.02.04.27].

Trường đã chuyển đổi mục tiêu đào tạo cụ thể của một số ngành cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội và nhu cầu xã hội. Chẳng hạn như ngành Giáo dục Đặc biệt trước đây từ đào tạo chuyên về trẻ khuyết tật đã chuyển sang đào tạo chuyên ngành Giáo dục hòa nhập bậc Tiểu học; ngành Sư phạm Toán - Tin chuyển thành Sư phạm Toán; ngành Sư phạm Sinh - Môi trường chuyển thành Sư phạm Sinh học nhằm tạo sự tương thích giữa đội ngũ giáo viên được đào tạo với nhu cầu sử dụng của các trường phổ thông [MC.02.04.28].

Năm 2015, Hiệp hội các trường sư phạm toàn quốc (07 trường đại học sư phạm trọng điểm) đã họp bàn và đề xuất cùng thực hiện một CTĐT. Trường đã thực hiện đổi mới chương trình trong đó gồm 135 tín chỉ (120 tín chỉ bắt buộc và khoảng từ 40 đến 50 tín chỉ tự chọn trong đó chọn ra 15 tín chỉ). Chương trình được thiết kế theo hướng liên thông giữa các ngành, tạo điều kiện cho sinh viên học tập theo phương thức đăng ký và tích lũy tín chỉ, tăng cường khối kiến thức tự chọn; hướng tới đào tạo giáo viên cả 2 bậc THCS và THPT theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học; tăng cường và tái cấu trúc lại các môn liên quan đến NVSP chuẩn bị cho việc dạy học tích hợp ở bậc THCS; tăng cường nhiều hơn các giờ thực hành NVSP, đổi mới phương thức thực tập sư phạm theo mô hình trường thực hành sư phạm vệ tinh [MC.02.04.29].

Khi chỉnh sửa, bổ sung CTĐT, Trường yêu cầu Hội đồng khoa học của khoa xây dựng dự thảo; trên cơ sở tham khảo một số chương trình tiên tiến ở trong nước cũng như quốc tế và lấy chuẩn đầu ra làm thước đo [MC.02.04.30].

Trong một vài năm gần đây, Trường mời các chuyên gia ở các trường đại học từ nước ngoài đến tham quan, trao đổi, giao lưu hợp tác về công tác đào tạo được tổ chức thường xuyên để tiếp cận với các chuẩn và CTĐT quốc tế [MC.02.04.31].

Nhà trường đã xây dựng chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ cho tất cả các ngành và đưa kỹ năng tin học, ngoại ngữ vào CTĐT. Ngoài khối lượng kiến thức cơ bản của hai

lĩnh vực này, Trường còn xây dựng thêm một số học phần tin học ứng dụng và ngoại ngữ chuyên ngành để hỗ trợ thiết thực cho nội dung đào tạo chuyên ngành nhằm giúp sinh viên đáp ứng được chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học.

CTĐT các ngành sư phạm được xây dựng thống nhất trong toàn trường về số tín chỉ SV phải tích lũy, có tỉ lệ hợp lý giữa các học phần đại cương, các học phần cơ sở, học phần chuyên ngành và có nhiều học phần tự chọn giúp SV các ngành khác có thể chuyển sang học cùng lúc 2 chương trình.

Trường thu thập các ý kiến đánh giá, những yêu cầu về CTĐT thông qua các hội nghị, hội thảo với các nhà tuyển dụng lao động; Trường đã tổ chức các hội nghị về công tác thực tập sư phạm; các hội nghị học tốt, tọa đàm, giao lưu giữa SV với CBQL và GV; các hội thảo, giao lưu với doanh nghiệp đóng trên địa bàn để nắm bắt được những đánh giá và góp ý về sản phẩm đào tạo từ đó có những điều chỉnh thích hợp đối với CTĐT cho phù hợp hơn với thực tiễn [MC.02.04.32].

Trường đã tiến hành tự đánh giá 12 CTĐT giáo viên trình độ đại học theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT và đã báo cáo kết quả về Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT [MC.02.04.33].

Tháng 01/2013 CTĐT giáo viên THPT có trình độ đại học ngành Sư phạm Ngữ Văn đã được Bộ GD&ĐT đánh giá ngoài [MC.02.04.34].

Trường đã tiếp thu ý kiến phản hồi của các cán bộ quản lý và giáo viên tất cả các trường phổ thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đánh giá về mức độ đáp ứng công việc của sinh viên tốt nghiệp của Trường. Kết quả tổng hợp ý kiến cho thấy đa số SV tốt nghiệp của Trường đã đáp ứng tốt cả về kiến thức, kỹ năng và phẩm chất chính trị đạo đức [MC.02.04.35].

Những kết quả sau các đợt kiến tập và thực tập cuối khóa tại các cơ sở thực tập cho thấy sự phù hợp của CTĐT, kiến thức và kỹ năng mà SV đạt được [MC.02.04.36].

Việc thực hiện lấy ý kiến phản hồi của SV tốt nghiệp về CTĐT còn được thực hiện hàng năm thông qua việc phát phiếu khảo sát đến các sinh viên tốt nghiệp [MC.02.04.37].

Trường cũng tham khảo các thông tin về dự báo nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước trong quá trình điều chỉnh CTĐT của Nhà trường. Cụ thể, Trường đã tham khảo Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 và Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 của Thủ tướng chính phủ; Quy hoạch phát triển nhân lực thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011-2020 và các thông tin từ các điều tra về lao động việc làm của Cục thống kê Thành phố Đà Nẵng, các kết quả khảo sát nguồn nhân lực của Trung tâm Hỗ trợ Đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Trung tâm Dự báo nguồn nhân lực và thông tin thị trường lao động Thành phố Hồ Chí Minh, các báo cáo về xu hướng nhân lực trực tuyến của VietnamWorks... để làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung CTĐT [MC.02.04.38]. Từ những căn cứ và ý kiến đóng góp đó, Hội đồng Khoa học và Đào tạo

của Khoa đã xem xét chỉnh sửa nội dung CTĐT sao cho phù hợp và đề xuất với Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường xem xét thực hiện việc chỉnh sửa đó.

2. Điểm mạnh

- Đội ngũ giảng viên có thể đáp ứng về chất lượng, số lượng tất cả các chương trình đào tạo.
- Tất cả các chương trình được xây dựng theo đúng quy trình khoa học; đảm bảo thực hiện đúng quy chế của Bộ GD&ĐT, có sự tham gia của các cựu SV, GV, CBQL từ cấp bộ môn, cấp khoa đến cấp trường.
- Các học phần trong CTĐT, bồi dưỡng giáo viên đều có đề cương chi tiết theo hướng mở, phát huy tính tự học, tự nghiên cứu và tính tích cực học tập của SV.
- Các CTĐT đã được Nhà trường rà soát, điều chỉnh định kỳ 2 năm 1 lần để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.
- Nhiều CTĐT của Trường đã được tự đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT.
- Các CTĐT và bồi dưỡng giáo viên của Trường đã đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực theo yêu cầu của các bên liên quan, phù hợp thực tiễn.
- Các CTĐT của Trường có sự giao thoa với nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên theo học các chương trình liên thông.

3. Điểm tồn tại

- Công tác tổ chức lấy ý kiến phản hồi đánh giá về CTĐT, bồi dưỡng giáo viên từ các bên liên quan số lượng các phiếu khảo sát còn hạn chế.
- Đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên chưa được bồi dưỡng các nội dung để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đại học và giáo dục phổ thông.
- Mở mới các chương trình đào tạo giáo viên đáp ứng nhu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới ở Việt Nam.
- Rà soát và điều chỉnh chương trình đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, theo nhu cầu các bên liên quan và đáp ứng yêu cầu giáo dục hiện nay chưa được thực hiện một cách đồng bộ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Kết thúc
1	Phát huy điểm mạnh	Mở mới các ngành đại học chất lượng cao	- Khoa: Lịch Sử, N.Văn, Sinh-MT	9/2017	1/2018
2		Mở mới 6 chương trình đào tạo giáo viên đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới; 05 sau đại học; các chương trình bồi	- Các khoa theo tình hình thực tế	2018	2020

		đường giáo viên mà xã hội có nhu cầu và loại bỏ các chương trình không phù hợp.			
3		Tham gia đánh giá chương trình theo chuẩn AUN	- Khoa Vật lý	2018	2019
4		Mở mới các chương trình bồi dưỡng giáo viên theo nhu cầu xã hội được Bộ GD&ĐT cho phép.	- Phòng Đào tạo	1/2018	12/2018
5		Tiếp tục đánh giá 02 CTĐT theo chuẩn AUN - Rà soát 16 chương trình ThS, 03 CT tiến sĩ	- Khoa Tin học, Khoa Ngữ Văn	2019	2020
6		Tiếp tục mở mới thêm 05 các ngành sau đại học mà xã hội có nhu cầu và loại bỏ các chương trình không phù hợp và mở mới 2 chương trình sau đại học liên quan đến PPDH: Phương pháp dạy học Khoa học tự nhiên và Phương pháp dạy học Khoa học xã hội.	Các khoa	2018	2019
7		Mở 05 ngành tiên tiến bậc đại học liên kết với nước ngoài	- Phòng ĐT và Phòng HTQT	2020	2021
8		Liên kết đào tạo nước ngoài, phối hợp cấp bằng bậc sau đại học 05 ngành	Các khoa: Toán Tin, Hóa, Sinh MT, Vật lý.	2018	2021
9		Xây dựng 05 học phần về bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý	Trường ĐHSP	2018	2021
10	Khắc phục tồn tại	Thực hiện bồi dưỡng cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục; Đào tạo giảng viên nhằm giúp giảng viên đạt chuẩn khu vực và thế giới	Trường ĐHSP	2018	2021
11		Tổ chức có hệ thống lấy ý kiến các bên liên quan để rà soát điều chỉnh CTĐT, bồi dưỡng GV.	- Tất cả các khoa	2018	2019
12		Lấy ý kiến các bên liên quan về chương trình bồi dưỡng giáo viên	06 tỉnh miền Trung, Tây		

		hiện hành; chương trình đào tạo giáo viên; năng lực cần có của giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục các cấp; nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng giáo viên	Nguyên		
13		Rà soát và điều chỉnh chương trình đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, theo nhu cầu các bên liên quan và đáp ứng yêu cầu giáo dục hiện nay. Từ đó, xây dựng đề cương, tài liệu bồi dưỡng GV và cán bộ quản lý các cấp, đáp ứng nhu cầu xã hội.	- Các khoa có giảng viên giảng dạy		
14		Lấy ý kiến các bên liên quan về chương trình đào tạo 2015.	11 Khoa, P. ĐT, P. KT &ĐBCLGD	2018	2019

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 4	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 4.1				4			
Chỉ số 4.2			3				
Chỉ số 4.3				4			
Điểm TB của tiêu chí	3.6						

Tiêu chí 5. Nội dung chương trình và tổ chức thực hiện

1. Mô tả

5.1. Nội dung chương trình đáp ứng chuẩn đầu ra, gắn kết với chuẩn nghề nghiệp, đảm bảo tính khoa học, hiện đại và cập nhật, tích hợp các vấn đề giáo dục phát sinh trong thực tế và những thay đổi trong bối cảnh địa phương, quốc gia và quốc tế.

Trường đã xây dựng chuẩn đầu ra tương ứng cho từng chương trình đào tạo và có văn bản Quy định rõ trong việc xây dựng, điều chỉnh CTĐT, CĐR theo Quy định số: 2196 /BGDDT-GDDH năm 2010 của Bộ GD&ĐT. CTĐT có cấu trúc hợp lý được thiết kế đáp ứng CĐR gắn với chuẩn nghề nghiệp [MC.02.05.01].

Nội dung chương trình đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT. CTĐT được cụ thể hóa bằng các học phần; CĐR, mục tiêu của từng học phần góp phần tạo nên chuẩn đầu ra của CTĐT [MC.02.05.02]. CTĐT và CĐR được định kỳ đánh giá, điều chỉnh hằng

năm theo văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các phiên bản được công bố rộng rãi trên mạng và trong quá trình học của sinh viên [MC.02.05.03].

CĐR được xây dựng trên căn cứ chuẩn nghề nghiệp, có ý kiến của đơn vị sử dụng lao động, các tổ chức xã hội nghề nghiệp..., có sự rà soát, điều chỉnh qua từng giai đoạn. Trường có thông báo quy định về việc xây dựng CĐR cho các CTĐT [MC.02.05.04].

Thường xuyên đánh giá, rà soát việc đạt được CĐR của người học, cập nhật mới các học phần theo hướng gắn liền với nhu cầu nghề nghiệp mới [MC.02.05.05].

Theo những ý kiến đóng góp về mức độ đáp ứng của SV tốt nghiệp so với chuẩn nghề nghiệp do Bộ GD&ĐT đã ban hành, sinh viên tốt nghiệp đều được đánh giá cao về mức độ đáp ứng cho nội dung phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, kiến thức giảng dạy. Tuy nhiên SV của Trường vẫn còn một số hạn chế về năng lực tìm hiểu đối tượng giáo dục và môi trường giáo dục, kỹ năng xây dựng kế hoạch giảng dạy. Qua thực tế các ý kiến từ các trường phổ thông, các cơ sở SV đến thực tập và kết quả thực tập tốt nghiệp trong những năm gần đây đã cho thấy CTĐT của Trường đã đáp ứng được yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy ở các trường trung học phổ thông hiện nay, giúp SV có thể đảm nhận công việc sau khi ra trường một cách thuận lợi [MC.02.05.06].

5.2. Chương trình thể hiện tính hợp lý giữa lý thuyết và thực hành, đảm bảo cho người học có sự hiểu biết toàn diện, có đầy đủ các năng lực và phẩm chất để thực hiện hiệu quả các hoạt động dạy học.

Trường có kế hoạch, thông báo cho các khoa xây dựng các chương trình theo hướng phân bổ hợp lý tỉ lệ thời lượng giữa lý thuyết và thực hành hợp lý, CTĐT không chỉ chú trọng đến việc truyền đạt kiến thức mà còn yêu cầu cao trong việc hình thành kỹ năng, xây dựng năng lực ở người học, hướng đến phát triển người học một cách toàn diện về chuyên môn và nghề nghiệp [MC.02.05.07].

CTĐT của Trường hướng đến việc tăng cường kỹ năng thực tế chuyên sâu (chuyên ngành); tăng thời lượng thực hành, thực tập, seminar môn học chuyên đề, có sự tham gia giảng dạy của các cán bộ có kinh nghiệm trong và ngoài Trường [MC.02.05.08]. Từ năm 2015 trở về sau, mỗi chương trình có 120 tín chỉ bắt buộc và khoảng từ 40 đến 50 tín chỉ tự chọn trong đó chọn ra 15 tín chỉ. Ngay từ học kỳ 2 đã có các học phần tự chọn giúp cho người học linh hoạt trong việc tăng cường những kiến thức, kỹ năng chuyên môn đáp ứng được những đòi hỏi của thực tế thị trường lao động [MC.02.05.09].

Trường còn xây dựng thêm một số học phần tin học ứng dụng và ngoại ngữ chuyên ngành để hỗ trợ thiết thực cho nội dung đào tạo chuyên ngành nhằm giúp sinh viên đáp ứng được chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học [MC.02.05.10].

Các hoạt động kiến tập và thực tập sư phạm được tổ chức có hiệu quả, là cơ hội để người học tiếp xúc, vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học tại Trường để giải quyết các tình huống sư phạm thực tế qua đó người học được rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, phát triển năng lực chuyên môn một cách toàn diện [MC.02.05.11].

5.3. Việc phân bổ các học phần đảm bảo tính hợp lý đáp ứng nhu cầu cá nhân và kế hoạch học tập của người học.

Trong CTĐT, các học phần được phân bổ hợp lý để người học lập kế hoạch học tập dễ dàng.

Ngoài CTĐT chính quy, chương trình VLVH, Trường cũng xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình theo hướng phân từng học kỳ [MC.02.05.12].

Mỗi chương trình chính quy có 110 tín chỉ bắt buộc và khoảng từ 40 đến 50 tín chỉ tự chọn trong đó chọn ra 25 tín chỉ. Các học phần trong chương trình được phân bổ, cấu trúc thành kế hoạch đào tạo của từng học kỳ, mỗi học kỳ sinh viên có thể học tích lũy từ 20 đến 30 tín chỉ tùy vào năng lực của mình [MC.02.05.13].

Tất cả học phần đều được đánh mã số, phân loại dựa trên nhóm kiến thức và theo bộ môn khoa quản lý. Các học phần tiên quyết, học phần học trước được tổ chức khoa học thuận lợi cho phân công giảng dạy và đăng ký học tập của SV. Các học phần tự chọn được bố trí ngay từ học kỳ 2 giúp cho người học linh hoạt trong việc tăng cường những kiến thức, kỹ năng chuyên môn đáp ứng được những đòi hỏi của thực tế thị trường lao động [MC.02.05.14].

Đối với chương trình VLVH, từ năm 2017 Trường đã chuyển đổi sang đào tạo theo học chế tín chỉ áp dụng Thông tư 06/2017/TT-BGDĐT ngày 15/3/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. CTĐT hệ VLVH có nội dung như CTĐT chính quy, được tổ chức theo từng học kỳ, mỗi học kỳ từ 15 đến 20 tín chỉ. Kế hoạch tổ chức đào tạo thường vào các buổi tối và các ngày cuối tuần (thứ 7, chủ nhật) nhằm tạo thuận lợi cho người học vừa đi làm vừa đi học [MC.02.05.15].

Tất cả các chương trình bồi dưỡng giáo viên của Trường được triển khai theo kế hoạch bồi dưỡng trên cơ sở đề xuất của người học thông qua các đơn vị liên kết, do đó các học phần có thể linh động dịch chuyển sao cho phù hợp. Kế hoạch bồi dưỡng được thực hiện chủ yếu vào dịp hè thứ 7 và Chủ nhật [MC.02.05.16].

5.4. Việc tổ chức thực hiện chương trình tích hợp/bao quát được nhiều tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông.

CTĐT của Trường hướng đến là “*Giáo dục theo định hướng hình thành năng lực*” nhằm đảm bảo chất lượng đầu ra của việc dạy học, thực hiện mục tiêu phát triển toàn diện các phẩm chất nhân cách, chú trọng năng lực vận dụng tri thức trong những tình huống thực tiễn nhằm chuẩn bị cho người học năng lực giải quyết các tình huống của cuộc sống và nghề nghiệp. Tập trung vào việc mô tả chất lượng đầu ra, có thể coi là “*Sản phẩm cuối cùng*” của quá trình dạy học [MC.02.05.17].

Xuất phát từ định hướng đó, Nhà trường xây dựng CTĐT cho khối ngành Sư phạm gồm nhiều học phần có thể trang bị cho người học các kỹ năng nghề nghiệp. Các học phần Tâm lý giáo dục, Giáo dục học, Lý luận dạy học bộ môn là thành phần không thể thiếu trong các CTĐT giáo viên tại Trường. Qua các học phần này người học được trang

bị kiến thức về các vấn đề giáo dục có thể phát sinh, định hướng cho SV có khả năng giải quyết các tình huống giáo dục đó [MC.02.05.18].

Hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm được tổ chức ở năm thứ 3 và thứ 4 là cơ hội để người học làm quen với môi trường giáo dục thực tế. Qua các đợt kiến tập, thực tập sư phạm dưới sự hướng dẫn của cán bộ, giảng viên bộ môn phương pháp và các giáo viên phổ thông có kinh nghiệm để người học được trải nghiệm, làm quen và đề xuất phương án giải quyết các tình huống thực tế, góp phần hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp cho người học. Hiện nay, Trường tiến hành các hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm theo mô hình thực tập trường vệ tinh như một biện pháp tăng cường thời lượng rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho người học [MC.02.05.19].

Nhà trường chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học giúp người học làm quen với chương trình giáo dục phổ thông ngay cả khi đang được học tại Trường. Trường có phòng thực hành phương pháp với nhiều trang thiết bị dạy học hiện đại giúp người học có điều kiện thực hành, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm một cách thường xuyên. Ngoài ra, hằng năm Trường còn tổ chức hội thi Nghiệp vụ sư phạm dành cho người học khối ngành sư phạm, qua đây giúp người học làm quen, học tập biện pháp giải quyết các tình huống sư phạm có thể phát sinh trong thực tế [MC.02.05.20].

5.5. Trường đảm bảo tính phù hợp của nguồn lực, thời lượng của chương trình, sự phân bổ thời gian và thời khóa biểu cho các hoạt động đào tạo và bồi dưỡng trong suốt quá trình thực hiện chương trình để đáp ứng chuẩn đầu ra.

Trường đã ban hành kế hoạch điều chỉnh CTĐT 2017 khối lượng 135 tín chỉ phân bổ trong 8 học kỳ tương đương 4 năm học (cho phép người học học vượt để hoàn thành trong 6 hoặc 7 học kỳ, tương đương 3 năm hay 3,5 năm). Trường đã cụ thể hóa chương trình đào tạo bằng các kế hoạch đào tạo cho cả khóa học và năm học. Các học phần được sắp xếp khoa học từ kiến thức cơ bản đến kiến thức ngành, chuyên ngành đảm bảo sinh viên sau khi hoàn thành khóa học có năng lực đáp ứng được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo [MC.02.05.21].

Trường đã có đầy đủ cơ sở vật chất (phòng học, phòng thí nghiệm, thư viện, các trang thiết bị), đội ngũ cán bộ giảng viên, nguồn lực tài chính để đáp ứng được hoạt động đào tạo [MC.02.05.22]. Nhà trường xây dựng kế hoạch năm học hằng năm dựa trên nguồn lực hiện có nhằm đảm bảo tốt nhất kế hoạch học tập cho người học và đảm bảo chất lượng cũng như thời gian học được thiết kế của CTĐT [MC.02.05.23].

Báo giảng và xây dựng thời khóa biểu được Trường xây dựng bám sát kế hoạch năm học đã có kèm theo hướng dẫn lộ trình học để người học có thể đáp ứng khối lượng kiến thức cần có theo thiết kế của CTĐT [MC.02.05.24].

Kết quả học tập của người học được tổng kết theo từng học kỳ nhằm mục đích định hướng lộ trình học đúng nhất để người học có thể hoàn thành CTĐT một cách tốt nhất với thời gian ngắn nhất [MC.02.05.25].

5.6. Việc thực hiện chương trình bồi dưỡng đảm bảo tính linh hoạt và đáp ứng nhu cầu, mối quan tâm của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông.

Bên cạnh các CTĐT hệ chính quy, Trường có các chương trình bồi dưỡng, liên thông vừa làm vừa học được tổ chức với thời gian linh hoạt (ban đêm, cuối tuần) đáp ứng tối đa nhu cầu về đào tạo vào bồi dưỡng của người học [MC.02.05.26].

Đối với các Chương trình bồi dưỡng, Trường đảm bảo linh hoạt về thời gian học tập cho học viên có thể học vào mùa hè, hoặc ban đêm; linh hoạt về nội dung phù hợp với từng đối tượng, theo nhu cầu công việc, thực tiễn địa phương; linh hoạt về phương pháp giảng dạy theo từng đối tượng học tập: học nhóm, học với hình thức trải nghiệm; linh hoạt về địa điểm tổ chức các lớp học tại địa phương và tại trường; linh hoạt về hình thức giảng dạy, trực tuyến, bài giảng điện tử, trực tiếp.... [MC.02.05.27]

2. Điểm mạnh

- Nhà trường định hướng dạy học trên cơ sở phát triển năng lực cho người học, chú trọng việc tăng cường thời lượng thực hành/ thí nghiệm, kiến tập thực tập giúp hình thành kỹ năng và xây dựng năng lực chuyên môn ở người học.

- Trường xây dựng được mô hình thực tập thường xuyên tại các trường vệ tinh, tạo điều kiện cho người học dễ dàng rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

- Trường đã phát triển CTĐT theo hướng liên thông ngang và dọc, tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học lên sau đại học (SĐH) hoặc học cùng lúc 2 chương trình cũng như lập kế hoạch học tập dễ dàng. Đảm bảo tính thống nhất trong định hướng nghề nghiệp cho người học trên nền tảng kiến thức chuyên môn vững chắc và kỹ năng, nghiệp vụ vững vàng được thiết kế đáp ứng các tiêu chí của chuẩn đầu ra.

- Các CTĐT đa dạng, được sắp xếp thời gian thích hợp phù hợp với nhu cầu của mọi đối tượng người học.

3. Điểm tồn tại

- Chưa thực hiện được chuẩn đầu ra nằm ngoài chuẩn nghề nghiệp cho các ngành sư phạm do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Một số chương trình đào tạo giáo viên chưa được mở mới đáp ứng nhu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới ở Việt Nam.

- Hệ thống cơ sở vật chất dành cho thực hành/ thí nghiệm và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm chưa đồng bộ và chưa hoàn toàn phù hợp với phổ thông.

- Kỹ năng thực hành sư phạm của sinh viên và kiến thức thực tiễn tại trường phổ thông của giảng viên chưa cao.

- Đội ngũ giảng viên chưa có kinh nghiệm tổ chức đào tạo, bồi dưỡng theo phương pháp hiện đại của các nước tiên tiến.

- Các chương trình bồi dưỡng dành cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông chưa được đa dạng, tính linh hoạt về mặt các hình thức tổ chức dạy học như: dạy học trực tuyến, dạy học từ xa chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Kết thúc
1	Phát huy điểm mạnh	Đánh giá 05 CTĐT và 05 bồi dưỡng dành giáo viên & cán bộ quản lý giáo dục theo chương trình ETEP	Phòng KT&ĐBCLGD, Phòng Đào tạo	1/2018	12/2018
2	Khắc phục tồn tại	Mở mới các chương trình đào tạo giáo viên đáp ứng nhu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới ở Việt Nam.	Các khoa có ngành sư phạm	2018	2019
3		Mở mới các chương trình sau đại học đáp ứng chuẩn quốc gia và quốc tế.	Các khoa có ngành sau đại học		
4		Xây dựng trang web học tập trực tuyến. - Xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại đáp ứng đào tạo và bồi dưỡng trực tuyến trên phạm vi lớn. - Xây dựng phòng học trực tuyến - Xây dựng phòng sản xuất tài liệu trực tuyến - Xây dựng chương trình, tài liệu học tập bồi dưỡng giáo viên	Trường		
5		Xây dựng kế hoạch, tăng kinh phí đầu tư cơ sở vật chất một cách đồng bộ với trường phổ thông, đáp ứng yêu cầu thực hành/ thí nghiệm của người học.	Phòng CSVC	2018	2019
6		- Tăng cường hệ thống trường vệ tinh - Tăng cường cơ chế thực tập tại các trường vệ tinh	Phòng ĐT	2018	2019
7		Cử cán bộ học tập ở trong và ngoài nước về khoa học xây dựng CTĐT theo chuẩn	Phòng TC-HC, Phòng Đào tạo, các Khoa	2018	2021

		quốc tế			
8		Phổ biến rộng rãi, chia sẻ kinh nghiệm xây dựng và tổ chức đào tạo các chương trình quốc tế đã được kiểm định cho các trường đại học trên toàn quốc	Phòng KT&ĐBCLGD, Phòng Đào tạo	2019	12/2021
9		Tự đánh giá và đánh giá ngoài các CTĐT theo bộ tiêu chuẩn Việt Nam (Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016)	Phòng KT&ĐBCLGD, Phòng Đào tạo, các Khoa	1/2018	12/2020

5. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 5	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 5.1			3				
Chỉ số 5.2				4			
Chỉ số 5.3				4			
Chỉ số 5.4				4			
Chỉ số 5.5				4			
Chỉ số 5.6				4			
Điểm TB của tiêu chí	3.8						

* **Kết luận tiêu chuẩn 2:**

Phát triển CTĐT là một trong những mối quan tâm của Trường nhằm hướng đến mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo. Các CTĐT cho tất cả các ngành và hệ đào tạo của Trường đều được xây dựng có hệ thống và theo các văn bản quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT ban hành. Các chương trình đảm bảo khối lượng kiến thức bắt buộc, vừa linh hoạt, vừa đảm bảo cho quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ. Trong từng giai đoạn, Nhà trường đã có cập nhật bổ sung CTĐT, từng bước nâng cao và phù hợp với yêu cầu phát triển ngành nghề của xã hội.

Chương trình đào tạo các ngành đều có mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, thiết kế theo hướng liên thông giữa các bậc học, giữa các phương thức đào tạo và giữa các trường đại học.

Bên cạnh đó, CTĐT liên thông ngày càng được củng cố và mở rộng theo hướng đáp ứng các nhu cầu khác nhau của người học và xã hội. Trong thời gian tới, Trường tiếp tục tham khảo các CTĐT tiên tiến, thường xuyên khảo sát ý kiến của người học và các cơ sở tuyển dụng, từng bước cải tiến CTĐT đang có hiện nay.

Tiêu chuẩn 3

NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN VÀ ĐỔI MỚI

Mở đầu

Nhận thức được vai trò là một trong những trường đại học sư phạm trọng điểm quốc gia, song song với nhiệm vụ đào tạo, Nhà trường xác định hoạt động nghiên cứu, phát triển và đổi mới là một nhiệm vụ trọng tâm để xây dựng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng thành một trung tâm nghiên cứu có chất lượng cao về các lĩnh vực khoa học giáo dục, khoa học tự nhiên và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn. Nhà trường luôn tạo mọi điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, tài chính, trang thiết bị... để cán bộ thực hiện nghiên cứu và đã ban hành nhiều chính sách khuyến khích, động viên cán bộ giảng viên trong trường tham gia nghiên cứu khoa học. Các kết quả nghiên cứu, phát triển của Nhà trường đã được ứng dụng vào trong thực tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực và giải quyết các vấn đề thực tiễn của địa phương, trong đó có nhiều đề tài được tích hợp và ứng dụng vào hoạt động dạy và học góp phần nâng cao chất lượng dạy và học, được phổ biến trong phạm vi cả nước.

Tiêu chí 6. Chính sách về nghiên cứu, phát triển và đổi mới

1. Mô tả

6.1. Trường có chính sách và kế hoạch dài hạn về nghiên cứu, phát triển và đổi mới phù hợp với tầm nhìn, kế hoạch chiến lược và nhiệm vụ mà Nhà trường giao phó.

Nhà trường đã ban hành Chiến lược phát triển giai đoạn 2010-2020 tầm nhìn 2030 trong đó có chiến lược về khoa học công nghệ. Xác định khoa học công nghệ là một trong 3 nhiệm vụ cốt lõi; Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển khoa học công nghệ của Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng vào năm 2016. Chiến lược khoa học công nghệ được xây dựng dựa trên cơ sở kế hoạch chiến lược phát triển và phù hợp với điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ nhân lực trong hiện tại và tương lai của Nhà trường. Chiến lược đã xác định rõ mục tiêu, định hướng các nhiệm vụ ưu tiên và cũng đã đề xuất các giải pháp chủ yếu để thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ [MC 03.06.01].

Trên cơ sở kế hoạch chiến lược về khoa học công nghệ, Nhà trường xây dựng kế hoạch khoa học công nghệ hàng năm. Kế hoạch hoạt động KHCN của Trường luôn bám sát kế hoạch của Đại học Đà Nẵng và phù hợp với chiến lược KHCN của Trường cũng như của ĐHQĐ. Các hoạt động KHCN luôn tuân thủ các quy định về quản lý hoạt động khoa học công nghệ và thực hiện đầy đủ trách nhiệm giải trình [MC 03.06.02].

Để quản lý hoạt động khoa học công nghệ cũng như cụ thể hóa các chính sách về nghiên cứu phát triển và đổi mới; Trường đã xây dựng ban hành các quy định về KHCN

nghị Hội thảo, quy định về biên soạn giáo trình [MC 03.06.03].

Các quy định về nghiên cứu khoa học đều được gửi về các đơn vị (Khoa, Phòng) góp ý và Nhà trường tổ chức cuộc họp thông qua để ban hành chính thức [MC.03.06.04]. Hàng năm, các đơn vị xây dựng kế hoạch KHCN của từng đơn vị, trên cơ sở đó Nhà trường lập kế hoạch hoạt động KHCN toàn trường báo cáo và lập dự toán ngân sách trình ĐHĐN phê duyệt [MC 03.06.05, MC 03.06.06, MC 03.06.07].

Bên cạnh đó, Nhà trường đã ban hành các chính sách khuyến khích cán bộ - giảng viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu và giảng dạy ngày càng cao của xã hội [MC.03.06.08]; Nhà trường tập trung mọi nguồn lực có thể để đầu tư cho hoạt động KHCN trong lĩnh vực khoa học giáo dục, ưu tiên xét chọn các đề tài nghiên cứu về khoa học giáo dục [MC.03.06.09]. Nhà trường đã đặt hàng các đơn vị trong Trường (Khoa) thực hiện các đề tài nghiên cứu trọng điểm mà Trường đang có nhu cầu như đổi mới phương pháp dạy học; xây dựng giáo trình, bài giảng môn học mới bằng tiếng Anh [MC.03.06.10].

6.2. Trường có chính sách ưu tiên về trang thiết bị và ngân sách phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới khoa học giáo dục

Trong những năm qua, Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN đã không ngừng đầu tư về CSVC, trang thiết bị phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và NCKH phù hợp với tầm nhìn.

Trường hiện có 33 phòng thí nghiệm và thực hành về Lý, Hóa và Sinh; trong đó có 12 phòng thí nghiệm của Khoa Vật lý; 15 phòng thuộc Khoa Hóa, 6 phòng thí nghiệm thuộc khoa Sinh – Môi trường và 1 phòng thí nghiệm khoa Địa lý. Nhà trường luôn tạo điều kiện cho cán bộ sử dụng CSVC của Nhà trường để thực hiện các đề tài KHCN [MC.03.06.11]. Nhà trường hiện có 2 phòng hội thảo mỗi phòng có sức chứa 150 chỗ ngồi, được trang bị hệ thống âm thanh, thiết bị trình chiếu hiện đại. Nhiều hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế đã được tổ chức tại Trường. Đặc biệt các khoa tự nhiên đã được trang bị nhiều thiết bị hiện đại như: Máy quang phổ hồng ngoại, sắc ký khí GCMS, sắc ký lỏng cao áp HPLC, quang phổ hấp thụ nguyên tử, máy đo COD, máy đo nồng độ ôxi hòa tan (DO)... hỗ trợ rất nhiều trong công tác nghiên cứu của cán bộ. Nhiều đề tài được thực hiện nghiên cứu tại các Phòng thí nghiệm, sử dụng các thiết bị giảng dạy của Nhà trường và đem lại các kết quả tốt khi nghiệm thu đề tài [MC.03.06.12, MC.03.06.13].

Từ năm 2015, Trường đã trích lập Quỹ phát triển khoa học công nghệ cụ thể: 3% nguồn thu phí, lệ phí và 5% nguồn thu phí, lệ phí và nguồn thu khác. Năm 2015: 5,9 tỷ; năm 2016: 6,66 tỷ; dự kiến năm 2017: 6,9 tỷ. Trường đã giao kinh phí thực hiện đề tài cấp trường theo nhóm đề tài, kinh phí 100 triệu/đề tài; các đề tài cấp trường theo cá nhân: 15 triệu/đề tài [MC.03.06.14]. Quỹ phát triển khoa học công nghệ dùng để đầu tư

phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học công nghệ, hỗ trợ sinh viên và người học hoạt động khoa học công nghệ, các hội thảo dự án khoa học công nghệ, khen thưởng trong hoạt động khoa học công nghệ... nhằm phát triển và đổi mới khoa học giáo dục, nghiên cứu phục vụ đổi mới hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của Trường [MC.03.06.15].

6.3 Kết quả nghiên cứu của Trường được tích hợp và ứng dụng vào hoạt động dạy và học

Hoạt động KHCN của Trường chủ yếu tập trung vào lĩnh vực khoa học cơ bản và khoa học giáo dục để gắn kết với công tác đào tạo. Các đề tài về khoa học giáo dục tập trung vào các vấn đề mang tính thời sự của ngành giáo dục như: đổi mới phương pháp dạy học; đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá. Nhiều đề tài đã ứng dụng trong công tác giảng dạy tích hợp. Các đề tài nghiên cứu thực trạng hiểu biết của giáo viên các trường THCS, THPT về dạy học tích hợp; phân tích chương trình, sách giáo khoa và đề xuất, thử nghiệm một số chủ đề tích hợp các môn học nhằm góp phần cung cấp nguồn dữ liệu khoa học cho việc đổi mới giáo dục và đào tạo [MC.03.06.16]. Kết quả của đề tài được áp dụng thực hành, thực nghiệm tại các Trường THPT trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Hàng loạt các đề tài về ứng dụng trắc nghiệm khách quan trong việc xây dựng ngân hàng đề thi, kết quả của đề tài là bộ câu hỏi trắc nghiệm, tự luận được dùng để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên [MC.03.06.17]. Nhiều đề tài nghiên cứu khoa học của cán bộ giảng viên đã được số hóa tạo thuận lợi cho sinh viên học tập, nghiên cứu [MC.03.06.18].

Nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập các môn học mới bằng tiếng Anh, Nhà trường đã đặt hàng và duyệt thực hiện các đề tài xây dựng chương trình các môn học: Địa lý du lịch, Lãnh đạo học, Ngữ âm tiếng Việt, Điện Hóa học, Công nghệ thực vật kiểm soát ô nhiễm.... Sản phẩm của đề tài là các giáo trình môn học bằng tiếng Anh đã được đưa vào giảng dạy tại Trường [MC.03.06.19]. Ngoài ra, Nhà trường đã đầu tư kinh phí cho các đề tài cấp trường trọng điểm với mục đích phổ biến các kết quả của đề tài ở cấp quốc tế. Nhà trường yêu cầu sản phẩm của đề tài phải là các công bố quốc tế. Kết quả của nhiều đề tài được công bố trong các tạp chí có uy tín ở trong nước và quốc tế [MC.03.06.20]. Nhà trường cũng rất chú trọng đến các đề tài về khoa học ứng dụng giải quyết các vấn đề liên quan đến sự phát triển KT-XH của thành phố Đà Nẵng, của tỉnh Quảng Nam và các địa phương khác [MC.03.06.21].

6.4 Kết quả nghiên cứu của Trường thúc đẩy sự phát triển, hoạch định chính sách, đổi mới khoa học giáo dục và được phổ biến trong phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế

Trong những năm qua, Nhà trường đã đạt được những thành tích đáng kể về nghiên cứu KHCN. Kết quả của đề tài đã được công bố trong nước và quốc tế được nhiều nhà khoa học trong nước và quốc tế quan tâm [MC.03.06.22]. Các kết quả nghiên cứu đã

góp phần đổi mới, phát triển khoa học giáo dục của Nhà trường nói riêng, địa phương và cả nước nói chung. Các kết quả nghiên cứu về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, xây dựng các chuyên đề và bồi dưỡng giáo viên tiếp cận chương trình đổi mới giáo dục, nâng cao năng lực dạy học tích hợp... đã đạt được nhiều kết quả tốt và ứng dụng thành công ở Trường, địa phương và cả nước [MC.03.06.23].

2. Điểm mạnh

- Trường có kế hoạch và chiến lược KHCN phù hợp với tầm nhìn và sứ mệnh của Trường. Hoạt động KHCN thực hiện theo đúng quy trình, quy định, đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

- Trường có kế hoạch và chính sách đầu tư các trang thiết bị, phòng thí nghiệm phục vụ nghiên cứu khoa học.

- Kết quả nghiên cứu từ các đề tài được Nhà trường ứng dụng vào thực tiễn để phát triển và đổi mới khoa học giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và đào tạo của Trường, phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo.

3. Điểm tồn tại

- Chưa thành lập được nhiều các nhóm nghiên cứu giảng dạy, nhóm nghiên cứu liên ngành.

- Việc thúc đẩy phổ biến các kết quả nghiên cứu ở cấp khu vực và quốc tế còn nhiều hạn chế, đặc biệt là lĩnh vực khoa học giáo dục và KHXH&NV. Hầu hết các công bố trên các tạp chí có chỉ số ISI và Scopus thuộc về KHTN (Toán, Lý, Hóa, Sinh và CNTT).

- Nguồn thu từ NCKH và chuyển giao KHCN còn thấp, chỉ có nguồn thu bằng số lượng đề tài chứ chưa có nguồn thu bằng sản phẩm đề tài.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Ưu tiên xét duyệt các đề tài phù hợp với chiến lược phát triển KHCN trường ĐHSP, các đề tài có ứng dụng vào đổi mới phương pháp giảng dạy	BGH P.KH&HTQT	2018	2022
2		Tổ chức các hội thảo quốc gia, quốc tế	BGH P.KH&HTQT Các đơn vị liên quan	2018	2022
3		Tăng số lượng bài báo đăng tạp chí quốc tế và trong nước	Các đơn vị P.KH&HTQT	2018	2022

			phối hợp		
4	Khắc phục tồn tại	Thành lập thêm các nhóm nghiên cứu - giảng dạy	Các đơn vị P.KH&HTQT phối hợp	2017	2022
5		Đầu tư kinh phí cũng như cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động KHCN	BGH	2017	2022
6		Tăng nguồn thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ	Các đơn vị P.KH&HTQT phối hợp	2019	2022
7		Điều chỉnh quy định khen thưởng KHCN để khuyến khích giảng viên tham gia viết bài đăng các Tạp chí quốc tế	P. KH&HTQT	10/2017	12/2017
8		Tìm kiếm, đấu thầu và triển khai các đề tài, chương trình KHCN có sự hợp tác quốc tế	P.KH&HTQT Các đơn vị và cá nhân có năng lực	2019	2022

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 6	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 6.1				4			
Chỉ số 6.2				4			
Chỉ số 6.3				4			
Chỉ số 6.4			3				
Điểm TB của tiêu chí	3.7						

Tiêu chí 7. Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và đổi mới

1. Mô tả

7.1. Trường thường xuyên hỗ trợ giảng viên về mặt tổ chức để thực hiện các đề tài nghiên cứu và chuyển giao công nghệ

Để tạo điều kiện cho CBGV được thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, Nhà trường thường xuyên hỗ trợ cho giảng viên về mặt tổ chức, cơ sở vật chất, kinh phí... khi thực hiện các đề tài NCKH. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản lý KHCN là Phòng Khoa học và Hợp tác Quốc tế [MC.03.07.01]. Các đề tài luôn được hội đồng đánh giá, tư vấn trước khi triển khai thực hiện [MC.03.07.02]. Trong quá trình triển khai nghiên cứu, Phòng chức năng thường xuyên kiểm tra, giám sát và báo cáo kịp thời lên BGH về

những khó khăn, vướng mắc phát sinh để có những biện pháp khắc phục, tạo điều kiện thuận lợi cho CBGV hoàn thành tốt nhiệm vụ. Công tác tổ chức kiểm tra tiến độ thực hiện của các hoạt động KHCN được đánh giá nghiêm túc, chặt chẽ và khách quan [MC.03.07.03].

Để động viên và tạo điều kiện cho CBGV tham gia nghiên cứu, Nhà trường đã có chế độ và chính sách khen thưởng các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong hoạt động NCKH [MC.03.07.04]. Quá trình thực hiện đề tài, dự án khoa học của các CBGV Trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐN được thể chế hóa bằng chế tài cộng hoặc trừ điểm đối với các hoạt động nghiên cứu khoa học vào giờ tiêu chuẩn. Trường đã đưa nghiên cứu khoa học thành tiêu chí xét danh hiệu thi đua - khen thưởng hàng năm [MC.03.07.05]. Để nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho cán bộ, Nhà trường đã tổ chức lớp tập huấn NCKH để cán bộ tham gia, nhiều cán bộ đã tự tin đăng ký thực hiện đề tài các cấp sau khi tham gia khóa học [MC.03.07.06].

Thông qua các biện pháp có hỗ trợ cán bộ, giảng viên trong nghiên cứu khoa học; hoạt động KHCN trong 5 năm qua đã đạt được nhiều kết quả cao như: Số lượng và chất lượng các đề tài được nâng cao. Đề tài cấp Bộ, cấp ĐHQĐN, cấp Trường đều nghiệm thu đúng thời hạn và có kết quả khá và tốt. Kết quả nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và uy tín cho CBVC nói riêng và Nhà trường nói chung. Nhiều CBGV đã đạt được học hàm, học vị cao thông qua việc nghiên cứu khoa học [MC.03.07.07].

7.2. Trường xác định các hoạt động nghiên cứu khác nhau để giảng viên có thể thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu phù hợp với hoàn cảnh của mình.

Trong những năm qua, Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động KHCN khác nhau phù hợp với bối cảnh của Nhà trường, phù hợp với năng lực và hoàn cảnh của CBGV. Nhà trường có chính sách khuyến khích cán bộ giảng viên có năng lực nghiên cứu tham gia thực hiện các đề tài ở cấp cao như đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, tham gia biên soạn giáo trình...; ưu tiên các giảng viên trẻ, chưa có kinh nghiệm nghiên cứu tham gia thực hiện đề tài KHCN cấp Trường [MC.03.07.08]. Nhà trường luôn công bằng trong công tác xét duyệt đề tài KHCN cấp Trường thể hiện ở tỉ lệ cán bộ GV tham gia thực hiện đề tài không trùng lặp trong vòng 2 năm [MC.03.07.09]. Công tác tổ chức seminar cấp bộ môn, cấp khoa được Nhà trường khuyến khích và hỗ trợ kinh phí khi thực hiện, ưu tiên tổ chức các seminar về dạy học tích hợp. Hoạt động này hỗ trợ tăng cường trao đổi kiến thức, kinh nghiệm nghiên cứu, trao đổi chuyên môn... [MC.03.07.10]. Nhà trường khuyến khích các giảng viên viết bài cho các tạp chí quốc tế và trong nước. Kết quả có nhiều bài báo được đăng trên tạp chí quốc tế trong danh mục ISI, Scopus... và các tạp chí uy tín trong nước [MC.03.07.11]. Nhà trường luôn tạo điều kiện, khuyến khích giảng viên tham gia các hoạt động NCKH khác nhau phù hợp với hoàn cảnh để đạt được giờ chuẩn NCKH bằng việc tính điểm nghiên cứu cho các hoạt động phản biện bài báo khoa học, bồi dưỡng đội tuyển tham gia olympic, báo cáo chuyên môn tại tổ bộ môn, khoa...

ngoài ra Trường còn có chế độ miễn giảm khối lượng giờ NCKH cho các đối tượng nữ trong chế độ thai sản, đi học nước ngoài, cán bộ quản lý... [MC.03.07.12].

7.3. Danh sách các đề tài, phương tiện, thiết bị phục vụ nghiên cứu được cập nhật và phổ biến toàn Trường.

Trong 5 năm qua 2012-2017, Trường đã có nhiều thành tích nổi bật về KHCN. Số lượng đề tài tăng cả về số lượng và chất lượng; đã có nhiều đề tài các cấp đang triển khai thực hiện và đã được nghiệm thu đạt kết quả tốt: 1 nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia, 26 đề tài cấp Bộ, 89 đề tài cấp ĐHĐN, 189 đề tài cấp Trường và cấp Trường trọng điểm, 7 đề tài cấp Tỉnh, Thành phố. Hằng năm, Trường ra thông báo đăng ký đề tài KHCN để CBVC tham gia đăng ký. Các đăng ký sẽ được Hội đồng Khoa học xét duyệt và chọn ra các đề tài đảm bảo các yêu cầu, có chất lượng để duyệt thực hiện. Danh sách các đề tài được thông báo rộng rãi đến các đơn vị trong trường bằng công văn, email hoặc đăng tải trên website của Phòng Khoa học & HTQT, trường ĐHSP [MC.03.07.13].

Hằng năm, số lượng đề tài và tình hình thực hiện các đề tài được Phòng KH&HTQT báo cáo tại hội nghị cán bộ viên chức và hội nghị tổng kết năm học [MC.03.07.14]. Nhà trường luôn hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị để cán bộ hoàn thành đề tài khoa học. Hầu hết các trang thiết bị đều được cập nhật trên website của Khoa, Trường để cán bộ biết và sử dụng cho việc nghiên cứu và dạy học [MC.03.07.15]. Cán bộ sẽ phản hồi đến Phòng chức năng nếu gặp trở ngại khi sử dụng trang thiết bị bằng văn bản hoặc báo qua điện thoại để Nhà trường kịp thời sửa chữa, bảo dưỡng [MC.03.07.16].

2. Điểm mạnh

- Trường đã có bộ phận chuyên trách hỗ trợ phát triển hoạt động nghiên cứu đáp ứng yêu cầu của Nhà trường.

- Trường luôn có chính sách cụ thể để hỗ trợ giảng viên về mặt tổ chức trong hoạt động KHCN và các chính sách đó phù hợp với hoàn cảnh của từng giảng viên.

3. Điểm tồn tại

- Việc phản hồi về các công cụ hỗ trợ nghiên cứu của cán bộ nghiên cứu, cán bộ GV chưa được thực hiện thường xuyên.

- Việc cập nhật các kết quả nghiên cứu khoa học và các trang thiết bị phục vụ dạy học và nghiên cứu trên các website của trường, và các đơn vị còn nhiều hạn chế do sự hạn chế về công nghệ thông tin.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Phát	Rà soát và xây dựng các chính	P.KH&HTQT	2018	2022

	huy điểm	sách hỗ trợ có hiệu quả cho hoạt động KHCN			
2	mạnh	Đầu tư trang thiết bị hiện đại để phục vụ nghiên cứu, đặc biệt đầu tư hướng nghiên cứu về đổi mới giáo dục	BGH Các đơn vị liên quan	2019	2022
3	Khắc phục tồn tại	Tăng đầu tư kinh phí cho hoạt động KHCN cũng như tăng nguồn kinh phí đầu tư trang thiết bị phục vụ nghiên cứu	BGH	2018	2022
4		Thực hiện chính sách phản hồi tích cực của cán bộ giảng viên về công cụ hỗ trợ nghiên cứu	P.KH & HTQT P.KT & ĐBCL	2018	2022

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 7	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 7.1				4			
Chỉ số 7.2				4			
Chỉ số 7.3				4			
Điểm TB của tiêu chí	4.0						

* Kết luận tiêu chuẩn 3:

Trong những năm qua, hoạt động khoa học công nghệ của Nhà trường đang từng bước phát triển cả về số lượng và chất lượng. Các kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn của Trường từng bước được triển khai và mang lại những hiệu quả tích cực. Các chính sách nghiên cứu của Nhà trường đã phát huy tác dụng tốt góp phần nâng cao hiệu quả của hoạt động nghiên cứu khoa học. Các kết quả nghiên cứu đã góp phần tích cực trong đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra đánh giá từ đó nâng cao chất lượng trong công tác đào tạo của Trường nói riêng và nền giáo dục nói chung.

Trong thời gian tới, Nhà trường tiếp tục nỗ lực phát triển khoa học công nghệ cả về chiều rộng và chiều sâu; mở rộng liên kết NCKH với các trường đại học trong nước và quốc tế; thành lập thêm các nhóm nghiên cứu nâng cao hiệu quả nghiên cứu, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo và sự phát triển kinh tế xã hội.

Tiêu chuẩn 4

HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI

Mở đầu

Trong xu hướng hội nhập toàn cầu như hiện nay, trao đổi và hợp tác là những hoạt động không thể thiếu đối với bất kỳ tổ chức nào. Trường ĐHSP-ĐHĐN luôn xác định đây là một trong những hoạt động trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học để bắt kịp xu hướng phát triển của khu vực và trên thế giới.

Trường mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều đối tác trong và ngoài nước ở nhiều cấp độ và trên nhiều lĩnh vực. Nhà trường thường xuyên trao đổi, hợp tác với các địa phương ở trong nước; với các tổ chức, các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước. Các lĩnh vực trao đổi hợp tác rất đa dạng từ đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật, phục vụ cộng đồng...

Các hoạt động hợp tác đã mang lại những lợi ích thiết thực, giúp nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ giảng viên, mở rộng được các mối quan hệ, nâng cao vị thế của Nhà trường ở trong và ngoài nước. Qua hợp tác Nhà trường cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các đối tác, phối hợp tổ chức được nhiều hội nghị, hội thảo cấp quốc gia và quốc tế, triển khai các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học đạt chất lượng.

Công tác thông tin và truyền thông cũng được Nhà trường đặc biệt chú trọng. Việc xuất bản các giáo trình, tài liệu luôn tuân thủ các quy định của quốc gia và quốc tế về luật bản quyền, sở hữu trí tuệ. Các thông tin Nhà trường công khai đều đảm bảo chính xác và có cơ sở.

Tiêu chí 8. Hợp tác vùng/ địa phương

1. Mô tả

8.1. Trường lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các khóa đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông

Nhà trường chủ động có kế hoạch và triển khai đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ giáo viên các cấp, năng lực quản lý của cán bộ quản lý giáo dục phổ thông. Kế hoạch tổ chức các chương trình bồi dưỡng thường xuyên là một nội dung được đề cập trong kế hoạch năm học của Trường [MC.04.08.01].

Nhằm góp phần hỗ trợ địa phương trong việc hoàn thành nhiệm vụ đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông; Nhà trường đã tổ chức nhiều đợt tập huấn đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá, tập huấn sử dụng hiệu quả phương tiện dạy học, tập huấn kỹ năng hướng dẫn thực hành, thí nghiệm cho giáo viên phổ thông [MC.04.08.02].

Hàng năm, Nhà trường phối hợp với Sở GD-ĐT và phòng Giáo dục các địa phương tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên các cấp về biên soạn ngân hàng câu hỏi, thiết kế bài giảng điện tử, bồi dưỡng cho giáo viên làm công tác thiết bị, thư viện trường học, bồi

đường nâng cao năng lực dạy học tích hợp... [MC.04.08.03].

Bên cạnh đó, Trường cũng thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản lý cơ sở giáo dục phổ thông dành cho đối tượng là cán bộ quản lý ở các Sở Giáo dục và Đào tạo, cán bộ quản lý trường học các cấp. Các chương trình bồi dưỡng được tiến hành có hiệu quả, nâng cao năng lực của đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông [MC.04.08.04].

8.2. Trường thường xuyên phối kết hợp với các trường đại học và các bên có liên quan triển khai các hoạt động và tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục.

Việc tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa nhà trường, địa phương và các doanh nghiệp trong nước triển khai các hoạt động và tổ chức các sự kiện trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ là rất quan trọng đối với các cơ sở giáo dục đại học trong xu thế hội nhập hiện nay. Chính vì vậy, Trường Đại học Sư phạm - ĐHQGHN đã xem đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu hội nhập và cạnh tranh với thị trường lao động trong nước.

Trường đã tổ chức các đoàn đi đến các Sở Giáo dục và Đào tạo các vùng: Tây Nam Bộ, Tây Nguyên, duyên hải miền Trung, Bắc Trung Bộ..., làm việc cùng với các Trung tâm thường xuyên cấp tỉnh bàn về công tác bồi dưỡng giáo viên, xúc tiến ký kết các hợp đồng liên kết. Đặc biệt là tổ chức bồi dưỡng giáo viên nâng hạng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp theo các Thông tư 20, 21, 22, 23 của liên Bộ Nội vụ và Bộ GD&ĐT [MC.04.08.05].

Nhà trường đã phối hợp với các đơn vị trường học khác tổ chức nhiều hội thảo về Khoa học giáo dục. Tiêu biểu là Hội thảo khoa học cán bộ trẻ các trường Đại học – Cao đẳng Sư phạm, Hội thảo phát triển chương trình đào tạo ngành Cử nhân Công tác Xã hội tại trường ĐHSPT, Hội thảo quốc tế “Tâm lý học đường”, Hội thảo “Xác xuất thống kê: Nghiên cứu, ứng dụng và giảng dạy”.... Hằng năm, Trường cử các giảng viên tham gia các hội thảo cùng với các trường đại học, cao đẳng trong cả nước, nhất là tham gia các đợt tập huấn do các trường sư phạm trọng điểm đăng cai tổ chức [MC.04.08.06].

Hình thức hợp tác quốc tế trong NCKH của Trường được thực hiện chủ yếu thông qua việc thực hiện các dự án NCKH với đối tác nước ngoài, tổ chức các hội thảo quốc tế tại Trường có sự tham gia của nhiều quốc gia. Trường cũng đã phối hợp tốt với Quỹ dân số Thế giới triển khai dự án Giáo dục giới tính, khai trương và đưa vào sử dụng sách “Hành trang Tuổi hồng” đã được xuất bản và đưa vào giảng dạy ở các cơ sở giáo dục phổ thông. chính thức Website Giáo dục giới tính tại địa chỉ <http://www.giaoducgioitinh.org.vn> từ tháng 10 năm 2009. Đây là kết quả của quá trình hợp tác và làm việc nghiêm túc trong dự án SEDUE giữa Quỹ dân số Thế giới và Trường Đại học Sư phạm - ĐHQGHN (đồng chủ trì dự án) [MC.04.08.07].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có kế hoạch cụ thể và triển khai hiệu quả công tác bồi dưỡng thường

xuyên cho giáo viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục phổ thông.

- Trường thường xuyên hợp tác nghiên cứu và trao đổi giảng viên với các trường khác trong khu vực trong nước và quốc tế.

- Trường thường xuyên tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục với các trường đại học trong và ngoài nước.

3. Điểm tồn tại

- Nguồn lực về cơ sở vật chất, trang thiết bị chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu phục vụ công tác bồi dưỡng cho các cơ sở giáo dục phổ thông, cũng như tiếp cận các phương pháp hiện đại phục vụ nâng cao chất lượng chuyên môn.

- Trường đã phối hợp với các trường sư phạm để tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục, tuy nhiên chưa thể hiện sự liên kết bằng biên bản ghi nhớ, thỏa thuận, hay hợp đồng chính thức.

- Chưa có viện nghiên cứu sư phạm để nghiên cứu sâu về các vấn đề lý luận và thực tiễn giáo dục Việt Nam và thế giới.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Kết thúc
1	Phát huy điểm mạnh	Liên kết nghiên cứu khoa học, với các trường đại học tiên tiến trong khu vực	BGH P.KH&HTQT P.Đào tạo Các Khoa	1/2018	12/2020
2		Liên kết đào tạo với các trường đại học tiên tiến trong khu vực	BGH P.KH&HTQT P.Đào tạo Các Khoa	1/2019	12/2020
3	Khắc phục tồn tại	Tiếp cận nhiều nguồn dự án và nguồn kinh phí khác nhau nhằm xây dựng, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị và bồi dưỡng giảng viên phục vụ cho công tác bồi dưỡng thường xuyên.	BGH P. TC-HC P.Đào tạo P. KH&HTQT	9/2017	12/2020
4		Phối kết hợp với mạng lưới các trường sư phạm để tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục, qua đó xây dựng mối quan hệ đối tác với các trường sư phạm trong khu vực	BGH P.KH&HTQT P. Đào tạo, Các Khoa	1/2018	12/2020

5	Thành lập Viện nghiên cứu sư phạm, là một trong ba trung tâm nghiên cứu về khoa học giáo dục để thực hiện các dự án liên kết, chuyển giao công nghệ giáo dục, đầu mối giới thiệu giáo viên, nhà nghiên cứu chất lượng cao cho các nước trong khu vực	P.KH&HTQT P. Đào tạo Các khoa	1/2018	12/2019
---	--	-------------------------------------	--------	---------

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 8	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 8.1				4			
Chỉ số 8.2				4			
Điểm TB của tiêu chí	4.0						

Tiêu chí 9. Hợp tác quốc tế

1. Mô tả

9.1. Trường có chính sách khuyến khích giảng viên và người học tham gia mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản trong các mạng lưới này

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, Trường Đại học Sư phạm luôn coi trọng việc học tập kinh nghiệm giáo dục từ các nước phát triển, đây là một giải pháp quan trọng trong kế hoạch phát triển nhà trường. Vì vậy để tạo điều kiện cho nhiều giảng viên trong Trường được tham quan, học hỏi kinh nghiệm giảng dạy, quản lý của các trường quốc tế, Trường đã tổ chức nhiều chuyến tham quan, học tập kinh nghiệm về tổ chức quản lý, chương trình đào tạo tại các trường đại học ở Singapore, Hàn Quốc, Trung Quốc, Pháp, Đài Loan, Thái Lan, Lào, Hà Lan, Đức, Nhật... [MC.04.09.01]. Thông qua các đợt viếng thăm thực tế, cán bộ giảng viên trong Trường có thêm hiểu biết về chương trình đào tạo, cách thức tổ chức, quản lý của các trường đại học nước ngoài, từ đó có thể vận dụng những mặt tích cực vào công tác quản lý, giảng dạy trong Nhà trường. Đối với sinh viên, Nhà trường cũng luôn tạo điều kiện để sinh viên tham gia trao đổi văn hóa với các nước trong khu vực và quốc tế [MC.04.09.02]

Trường cũng đã phối hợp với các trường đại học nước ngoài, các tổ chức nước ngoài đăng cai tổ chức các Hội thảo quốc tế như Hội thảo Địa Tin học quốc tế năm 2014 (GIS IDEAS) phối hợp với Hội Địa Tin học Việt – Nhật; Hội thảo quốc tế Tâm lý học đường phối hợp với trường Đại học Aichi Gkuin – Nhật Bản... [MC.04.09.03]. Bên cạnh

đó, Nhà trường cũng luôn tạo điều kiện và hỗ trợ kinh phí cho cán bộ tham dự các hội nghị, hội thảo quốc tế [MC.04.09.04].

9.2. Trường hỗ trợ các chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với các trường đại học và đối tác nước ngoài; tích hợp các vấn đề toàn cầu về giới tính, môi trường, toàn cầu hoá trong chương trình đào tạo và bồi dưỡng

Từ hợp tác một chiều ban đầu là chỉ nhận sự giúp đỡ của các đối tác nước ngoài bằng việc gửi giảng viên ra nước ngoài học tập hay nhận giúp đỡ về chuyên môn, cơ sở vật chất; đến nay, hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường ngày một đa dạng và bền vững. Trường đã ký thoả thuận (MOU) với nhiều viện nghiên cứu và trường đại học trên thế giới, bao gồm các lĩnh vực nghiên cứu về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và khoa học giáo dục [MC.04.09.05]. Các thoả thuận đều ghi rõ nội dung hợp tác song phương, quyền lợi và trách nhiệm của mỗi bên trên nguyên tắc cả hai cùng có lợi. Trên cơ sở các MOU đã ký, Trường đã tiếp nhận 20 sinh viên và giảng viên Đan Mạch sang học tập thực tế 1 tháng tại Trường và thực tập thiên nhiên dưới sự hướng dẫn, giảng dạy của giảng viên Khoa Sinh- Môi trường [MC.04.09.06]; đào tạo nhân lực cho nước bạn Lào, đào tạo tiếng Việt cho LHS Đại học dân tộc Quảng Tây, Trung Quốc [MC.04.09.07]; phối hợp với các chuyên gia nước ngoài cùng thực hiện đề tài nghiên cứu tại Trường và địa phương [MC.04.09.08]; mời các giáo sư nước ngoài đến giảng dạy, sinh hoạt học thuật thông qua các diễn đàn, hội thảo... [MC.04.09.09]. Nhà trường đã chủ động phối hợp và liên kết đào tạo trong việc tổ chức hội thảo, ký kết thoả thuận hợp tác về chương trình giảng dạy với các đối tác nước ngoài, cụ thể như Hội thảo phát triển bền vững do DAAD tài trợ, hội thảo về đào tạo ngành Công tác Xã hội với Đại học Brockport – New York, Hoa Kỳ [MC.04.09.10]. Hội thảo Quốc tế “Tâm lý học đường” phối hợp với tổ chức Liên hiệp phát triển tâm lý học học đường thế giới (CASP-I) [MC.04.09.11].

Ngoài ra, Nhà trường đã có nhiều dự án giáo dục được các tổ chức nước ngoài tài trợ như: Dự án Giáo dục của Hà Lan; Các chương trình hợp tác với Đại học Osaka, Jica, WPF, DAAD, Aichi Gakuin, Tổng lãnh sự Hoa kỳ tại TP.HCM... đã mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho cán bộ, giảng viên và sinh viên Nhà trường [MC.04.09.12]. Thông qua các chương trình hợp tác, nhiều cán bộ, giảng viên đã được mời ra nước ngoài tham quan, nghiên cứu, trao đổi hợp tác tại các nước như Nhật bản, Úc, Đức, Mỹ [MC.04.09.13]. Việc xây dựng chương trình đào tạo của Nhà trường có tích hợp các vấn đề toàn cầu như vấn đề môi trường, giới tính.... Trường đã bổ sung các học phần “Giáo dục giới tính”, “Môi trường và con người”,... vào các chương trình đào tạo [MC.04.09.14]. Với định hướng dạy học tích hợp, các vấn đề toàn cầu được giảng viên lồng ghép trong các học phần khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học giáo dục [MC.04.09.15]. Các vấn đề toàn cầu thường được lựa chọn là chủ điểm cho các hoạt động ngoại khoá được tiến hành trong CTĐT. Trường thường xuyên tổ chức các hoạt

động cho SV tuyên truyền về các vấn đề môi trường, nước sạch, vấn đề giới và phát triển, vấn đề bạo hành gia đình... Các cuộc thi tìm hiểu về vấn đề toàn cầu hoá cũng thường xuyên được tổ chức với mục đích tạo sân chơi, cơ hội cho người học tìm hiểu về các vấn đề mang tính toàn cầu, giúp trường đánh giá hiệu quả của việc đưa các nội dung mang tính toàn cầu vào giảng dạy [MC.04.09.16].

9.3 Trường có chính sách và triển khai thực hiện để giảng viên và người học đạt được mức độ thông thạo ngoại ngữ theo quy định.

Các hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường tập trung vào các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật; các chương trình trao đổi giảng viên và người học, các hoạt động tham quan khảo sát, hỗ trợ, nâng cấp cơ sở vật chất, thực hiện đề án hợp tác nghiên cứu khoa học, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học chung, vì vậy đội ngũ giảng viên phải thông thạo ngoại ngữ là yêu cầu tất yếu.

Theo quy định của Trường, tiêu chuẩn để tuyển dụng vào vị trí giảng viên phải có trình độ ngoại ngữ B1 hoặc tương đương trở lên [MC.04.09.17]. Để khuyến khích cán bộ, giảng viên nâng cao năng lực ngoại ngữ, ĐHQĐN đã có Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức Đại học Đà Nẵng trong đó quy định cán bộ tham gia học tập sau đại học ở trong nước phải đạt chuẩn ngoại ngữ theo quy định, cụ thể là thạc sĩ, tiến sĩ phải đạt IELTS lần lượt từ 5.0 và 5.5 trở lên và giảng viên sau khi được tuyển dụng phải có lộ trình cụ thể để được đào tạo sau đại học ở nước ngoài [MC.04.09.18]. Trường đã cử nhiều cán bộ giảng viên tham gia các khóa bồi dưỡng về ngoại ngữ do Đại học Đà Nẵng, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức [MC.04.09.19]. Trường cũng tổ chức nhiều khóa bồi dưỡng về ngoại ngữ cho cán bộ giảng viên và sinh viên do các tình nguyện viên người nước ngoài trực tiếp giảng dạy [MC.04.09.20]. Thông qua các khóa bồi dưỡng, cán bộ giảng viên có thêm kỹ năng về ngoại ngữ để vận dụng vào công tác nghiên cứu, giảng dạy trong Nhà trường. Nhiều giảng viên đã tham gia giảng dạy bằng tiếng Anh trong các chương trình chất lượng cao và chương trình tiên tiến [MC.04.09.21].

Bên cạnh đó Nhà trường đã có các chính sách quy định về trình độ ngoại ngữ đối với sinh viên học tại trường như Quy định về chuẩn đầu ra tiếng anh đối với SV, theo đó sinh viên phải có chứng chỉ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung tham chiếu châu Âu mới đủ điều kiện được xét công nhận tốt nghiệp [MC.04.09.22]. Để tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội học ngoại ngữ, Trường mở các lớp ngoại ngữ cho SV học; thiết kế lộ trình học anh văn trong chương trình đào tạo (Tiếng Anh dự bị, A2.1; A2.2) [MC.04.09.23].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường chủ động phối hợp và liên kết trong việc tổ chức các hội thảo quốc tế, kí kết thỏa thuận hợp tác với các đối tác nước ngoài.
- Nhà trường luôn khuyến khích giảng viên và người học tham gia các mạng lưới quốc tế; tham gia các hội thảo hội nghị quốc tế.
- Trường thường xuyên tổ chức các diễn đàn, hội nghị để GV, SV trao đổi phương

pháp dạy và học hiệu quả.

- Đã tích hợp các vấn đề toàn cầu hoá về giới tính, môi trường trong chương trình đào tạo và bồi dưỡng.

- Một số giảng viên có thể tham gia giảng dạy các chương trình chất lượng cao bằng tiếng Anh, hoặc các môn học tiếng Anh chuyên ngành.

3. Điểm tồn tại

- Các khóa bồi dưỡng về ngoại ngữ cho cán bộ giảng viên do Trường tổ chức chưa thường xuyên.

- Chưa triển khai được nhiều nội dung hợp tác với các trường đại học quốc tế thông qua các MOU đã ký.

- Ngân sách hỗ trợ cho cán bộ tham dự các dự án, các Hội thảo quốc tế còn hạn chế.

- Trường chưa có chương trình liên kết đào tạo với các đối tác quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện trao đổi giảng viên trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu	P.KH&HTQT Các đơn vị	2018	2022
2		Tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế, đặc biệt là các Trường ĐH thuộc các nước phát triển	BGH P.KH&HTQT Các đơn vị	2018	2022
3		Tổ chức Hội thảo quốc tế	BGH, P.KH&HTQT Các đơn vị	2019	2022
4	Khắc phục tồn	Triển khai các cam kết đã ký với các trường ĐH và tổ chức KHCN quốc tế	BGH, P.KH&HTQT Các đơn vị	2018	2022
5		Xây dựng một số chương trình đào tạo có sự tham gia của các giảng viên quốc tế; các chương trình đào tạo liên kết	BGH, P.KH&HTQT Các đơn vị	2019	2022
6		Tổ chức bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ cho giảng	BGH P.KH&HTQT	2018	2022

	tại	viên thông qua tổ chức các lớp học do người nước ngoài phụ trách			
7		Xây dựng chính sách hỗ trợ cho cán bộ giảng viên tham dự hội thảo, hội nghị quốc tế	P.KH&HTQT P.TC-HC P.KH.Tài chính	2019	2022

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 9	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 9.1				4			
Chỉ số 9.2			3				
Chỉ số 9.3			3				
Điểm TB của tiêu chí	3.3						

Tiêu chí 10: Hợp tác với các tổ chức khác

1. Mô tả

10.1. Trường cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cho các trường đại học sư phạm và các trường đại học khác theo nhiều mục tiêu khác nhau

Sứ mạng của Trường được xác định là “*thực hiện trọng trách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao và nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trên các lĩnh vực khoa học giáo dục, khoa học tự nhiên và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn; phục vụ cộng đồng...*”; với nguồn lực cả nhân lực và tài lực hiện có của Nhà trường đã và đang thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ chiến lược. Từ năm 2012 đến 2017, Nhà trường đã đào tạo được 7.913 cử nhân khoa học, 1.190 Thạc sĩ, tiến sĩ, đây là nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động khu vực miền Trung – Tây nguyên và cả nước [MC.04.10.01]. Người học sau khi tốt nghiệp làm việc ở nhiều ngành nghề khác nhau và đóng góp tích cực vào sự phát triển của xã hội. Trong đó, rất nhiều sinh viên tốt nghiệp đang làm việc cho các trường đại học sư phạm, các trường đại học khác ở nhiều vị trí và vai trò khác nhau từ lãnh đạo quản lý, giảng dạy, chuyên viên ... [MC.04.10.02].

Bên cạnh các hệ đào tạo chính quy, để đáp ứng yêu cầu của xã hội, Nhà trường đào tạo các hệ vừa làm vừa học và liên thông [MC.04.10.03]. Nhà trường cũng rất chú trọng đến công tác bồi dưỡng, thường xuyên mở các lớp chứng chỉ đào tạo ngắn hạn: Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm dành cho giảng viên các trường đại học, Bồi dưỡng cán bộ Quản lý Giáo dục, Bồi dưỡng nghiệp vụ cô nuôi dạy trẻ, Quản lý Hành chính Nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục đào tạo [MC.04.10.04]. Các lớp bồi dưỡng này có sự tham gia của rất nhiều cán bộ đến từ các đơn vị khác nhau và trong đó có nhiều người

học là các cán bộ, giảng viên đang công tác tại các trường đại học, cao đẳng, TCCN trong cả nước đặc biệt là khu vực miền Trung và Tây nguyên [MC.04.10.05].

10.2. Trường tham gia mạng lưới các trường đại học sư phạm và các trường đại học khác nhằm chia sẻ kinh nghiệm và thực tế.

Nhà trường là đơn vị đào tạo các cử nhân sư phạm, những người sẽ tham gia giảng dạy ở các trường phổ thông. Do đó, Trường luôn chú trọng xây dựng mối liên hệ với các trường phổ thông. Hiện nay, Nhà trường liên kết với các trường THPT, THCS, Tiểu học và Mầm non để xây dựng hệ thống trường học vệ tinh nhằm tạo điều kiện cho sinh viên xuống các trường phổ thông thăm quan thực tế, dự giờ và thực hiện việc thực tập nghề thực hành nghề, từ đó giúp sinh viên sau khi ra trường có thể đáp ứng được công việc. Hàng năm, Trường tổ chức các hội nghị hội thảo về thực tập sư phạm, liên kết đào tạo để tạo mối quan hệ gắn bó, từ đó xác định được các yêu cầu, nhu cầu của các bên liên quan để có cơ sở xây dựng những nội dung đáp ứng được [MC.04.10.06].

Với tư cách là một trong 07 trường Đại học Sư phạm trọng điểm của cả nước, Trường đã tham gia câu lạc bộ Hiệu trưởng các Trường ĐHSP, đồng thời tích cực tham gia các hoạt động của mạng lưới các Trường ĐHSP [MC.04.10.07, MC.04.10.08]. Nhà trường cũng đóng góp những ý kiến tích cực đối với mô hình phát triển các Trường ĐHSP [MC.04.10.09].

10.3. Trường hỗ trợ giảng viên của mình đóng góp cho các hoạt động chuyên môn trong ngành

Trường luôn luôn tạo điều kiện về thời gian và có chính sách cụ thể về kinh phí để đội ngũ giảng viên có thể tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ như giảng dạy, NCKH trong và ngoài nước, tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học. Quy chế chi tiêu nội bộ của ĐHĐN và Phụ lục Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ĐHSP đã quy định rõ các mục chi cho từng hoạt động của Nhà trường trong đó có quy định về mức chi cho hoạt động hỗ trợ giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ cũng như tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học ở trong và ngoài nước để nâng cao trình độ đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu đổi mới giáo dục. Trường hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng; được thanh toán tiền mua tài liệu, thanh toán tiền tàu xe, được hỗ trợ thêm tiền ăn cho cán bộ, giảng viên tham gia bồi dưỡng [MC.04.10.10].

Từ năm 2015, Trường đã trích lập Quỹ phát triển KHCN cụ thể: 3% nguồn thu phí, lệ phí và 5% nguồn thu phí, lệ phí và nguồn thu khác. Năm 2015: 5,9 tỷ; năm 2016: 6,66 tỷ; dự kiến năm 2017: 6,9 tỷ. Quỹ phát triển KHCN dùng để đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KHCN, hỗ trợ sinh viên và người học hoạt động KHCN, các hội thảo, dự án KHCN, khen thưởng trong hoạt động KHCN... [MC.04.10.11]. Trường đã giao kinh phí thực hiện đề tài cấp trường theo nhóm đề tài, kinh phí 100 triệu/đề tài; các đề tài cấp trường theo cá nhân: 15 triệu/đề tài [MC.04.10.12].

10.4. Trường khuyến khích các hoạt động hợp tác với các tổ chức và cá nhân

thông qua đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Ngoài việc giảng dạy cho SV của Trường, giảng viên ở các bộ môn khoa học cơ bản như: Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học; Khoa học Xã hội - Nhân văn, Tâm lý - Giáo dục của Nhà trường tham gia giảng dạy cho các cơ sở giáo dục thành viên trong Đại học Đà Nẵng [MC.04.10.13].

Trường cũng tổ chức liên kết đào tạo hệ VLVH ở các bậc đại học, cao đẳng với các TTGDTH trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, Tỉnh Quảng Nam và các trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Đức Trọng (Lâm Đồng), Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Phương Nam (Đắc Nông), Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Quảng Đông (Quảng Nam), Đại học Quảng Nam, Phân hiệu ĐHQĐN tại Kon Tum [MC.04.10.14].

Để đáp ứng nhu cầu của ngành giáo dục ở các địa phương, Nhà trường đã xây dựng chương trình và triển khai bồi dưỡng chuyên môn cho các địa phương như bồi dưỡng cho nhân viên thí nghiệm, bồi dưỡng chuyên đề hiệu trưởng [MC.04.10.15].

Trường cũng thường xuyên phối hợp với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học [MC.04.10.16].

2. Điểm mạnh

- Hoạt động đào tạo của Trường đã góp phần cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cho các trường sư phạm và các trường đại học khác trong cả nước.
- Trường tích cực tham gia mạng lưới các trường đại học sư phạm và các trường đại học khác từ đó đã học hỏi được và chia sẻ kinh nghiệm từ các đối tác, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.
- Trường đã có những chính sách cụ thể hỗ trợ giảng viên và người học của mình tham gia, đóng góp cho các hoạt động chuyên môn trong ngành
- Trường khuyến khích các hoạt động hợp tác với các tổ chức và cá nhân thông qua đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

3. Điểm tồn tại

- Số phó giáo sư, tiến sĩ tham gia bồi dưỡng đội ngũ cho các trường đại học sư phạm và các trường đại học khác chưa nhiều.
- Chính sách hỗ trợ giảng viên của mình đóng góp cho các hoạt động chuyên môn trong ngành còn khiêm tốn.
- Trường chưa liên kết được với nhiều cơ sở đào tạo, cơ quan, đơn vị để khai thác tối đa nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có để tăng thêm nguồn thu cho Nhà trường, tăng thêm thu nhập hợp pháp cho cán bộ và giảng viên.
- Chưa thương mại hóa các kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ của Trường cho địa phương.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị,	Thời gian thực hiện
----	----------	----------	---------	---------------------

			người thực hiện	Bắt đầu	Hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Nâng cao chất lượng cán bộ quản lý và giảng viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đại học và giáo dục phổ thông - 10 cán bộ quản lý được đào tạo trong nước và nước ngoài; - 50 giảng viên được đào tạo về xây dựng và phát triển chương trình đào tạo.	Trường	2018	2021
1		Trường tích cực tham gia mạng lưới các trường đại học sư phạm và các trường đại học khác từ đó đã học hỏi được và chia sẻ kinh nghiệm từ các đối tác, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.	P.TC-HC	2017	2021
2		Khuyến khích các hoạt động hợp tác với các tổ chức và cá nhân thông qua đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ: có ít nhất 05 nhóm nghiên cứu được hình thành phù hợp với sứ mệnh và tầm nhìn của Nhà trường.	P.ĐT, P.KH & HTQT	2018	2021
3		Nâng cao hiệu quả hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu khoa học: - 5-10 Biên bản ghi nhớ ký kết với các trường đại học nước ngoài liên quan đến phát triển giảng viên, đảm	P. KH & HTQT	2018	2021

		bảo chất lượng và nghiên cứu giáo dục; - 04 hội nghị quốc tế về nghiên cứu và phát triển giáo dục hợp tác với các trường đại học nước ngoài;			
1	Khắc phục tồn tại	Nâng số lượng phó giáo sư, tiến sĩ tham gia bồi dưỡng đội ngũ cho các trường đại học sư phạm và các trường đại học khác	Phòng TC-HC và các Khoa	2017	2021
2		Nâng cao chính sách hỗ trợ giảng viên của mình đóng góp cho các hoạt động chuyên môn trong ngành	P.KH-TC	2018	2021
3		Liên kết được với nhiều cơ sở đào tạo, cơ quan, đơn vị để khai thác tối đa nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có để tăng thêm nguồn thu cho Nhà trường, tăng thêm thu nhập hợp pháp cho cán bộ và giảng viên:	P.ĐT, KH-HTQT & P. KH-TC	2017	2021
4		Thương mại hóa các kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ của Trường cho địa phương.	P.KH&HTQT	2018	2021

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 10	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 10.1				4			
Chỉ số 10.2				4			
Chỉ số 10.3				4			
Chỉ số 10.4				4			

Tiêu chí 11. Thông tin và truyền thông**1. Mô tả**

11.1. Trường đảm bảo việc xuất bản các ấn phẩm chuyên môn tuân thủ các quy định quốc gia và quốc tế về luật bản quyền, sở hữu trí tuệ, chống đạo văn và tôn trọng quyền riêng tư.

Trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐHN nhận thức rất rõ vai trò quan trọng của thông tin và truyền thông, đặc biệt là trong giai đoạn bùng nổ thông tin hiện nay. Chủ trương của Nhà trường đối với thông tin truyền thông là nhanh, đủ và chính xác. Từ năm 2015, Trường đã thành lập Tổ Truyền thông nhằm chuyên nghiệp hóa công tác truyền thông, thông tin của Trường, Tổ do một Phó Hiệu trưởng phụ trách với các thành viên chủ chốt là giảng viên ngành báo chí và công nghệ thông tin. Tổ có quy chế hoạt động, chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động được nêu rõ trong quy chế. Hoạt động của tổ được vận hành như một tờ báo mạng chuyên nghiệp trong đó có người viết tin, duyệt bài, đăng bài và chi trả nhuận bút [MC.04.11.01]. Nhà trường còn phối hợp với Đài truyền hình TW và địa phương đưa tin về các sự kiện lớn của Trường (VTV1, VTV8, DRT...)

Các vấn đề về bản quyền và sở hữu trí tuệ được nhà trường tuân thủ chặt chẽ, các thông tin nhà trường sử dụng luôn được trích dẫn nguồn một cách đầy đủ. Việc xuất bản các ấn phẩm, thông tin website, tạp chí khoa học, xuất bản sách, giáo trình, tài liệu tham khảo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, được Trường quy trình hóa theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008. Đại học Đà Nẵng đã ban hành quy định về Quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ ở Đại học Đà Nẵng và các cơ sở giáo dục thành viên [MC.04.11.02].

Nhà trường đã ban hành quy định về biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình giáo dục sau đại học, đại học; trong đó quy định rõ các loại tài liệu, giáo trình, bài giảng, các bước xây dựng, thẩm định và đưa vào sử dụng một cách chặt chẽ và tuân thủ các quy định của Nhà nước. [MC.04.11.03]

Tạp chí Khoa học và Giáo dục của Trường bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 8 năm 2011 theo giấy phép số 1282/GP-BTTTT ngày 15 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và truyền thông. Tạp chí hoạt động trên cơ sở pháp luật và quy định của nhà nước về nghiên cứu khoa học và xuất bản, mỗi năm xuất bản 4 số và ngày càng nhận được sự quan tâm gửi bài của các nhà khoa học uy tín. Quy trình tiếp nhận bài báo, phản biện, đăng bài được xây dựng rõ ràng, đảm bảo tính chính xác, khoa học và bảo mật [MC.04. 11.04].

11.2. Trường công khai các thông tin có cơ sở, đặc biệt là dữ liệu về đội ngũ giảng viên, sinh viên nhập học, sinh viên tốt nghiệp và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm.

Các thông tin của Nhà trường khi được công bố ra bên ngoài (đặc biệt là các số liệu thống kê về tình hình nhà trường) luôn được kiểm tra và sử dụng số liệu tin cậy. Các số liệu như tỉ lệ sinh viên nhập học, sinh viên tốt nghiệp và đội ngũ được quản lý thông qua hệ thống phần mềm, các số liệu thông tin ra bên ngoài đều được trích xuất từ phần mềm, đảm bảo nhanh và chính xác, đáp ứng các yêu cầu về thông tin, báo cáo định kỳ cũng như đột xuất khi có yêu cầu [MC.04.11.05]. Ngoài ra, Trường còn phân công cán bộ chịu trách nhiệm về việc tổng hợp, báo cáo, thông tin và truyền thông ra bên ngoài, đảm bảo các thông tin được trao đổi với bên ngoài một cách chính thống và có cơ sở [MC.04. 11.06].

Trường xây dựng một website riêng dành cho các thông tin về tuyển sinh đại học, sau đại học, vừa học vừa làm và bồi dưỡng, người học trước khi vào Trường đã được cung cấp những thông tin đầy đủ về ngành học, chương trình học (tuyensinh.ued.udn.vn). Sau khi nhập học, người học được Trường cung cấp các thông tin toàn diện về ngành học, chương trình học, chế độ chính sách...ngay từ ngày đầu nhập học thông qua tuần sinh hoạt chính trị công dân đầu khóa. Người học được cung cấp thông tin qua nhiều kênh khác nhau (sinh hoạt chính trị hàng năm, giáo viên chủ nhiệm, website của Trường và các đơn vị chức năng, sổ tay sinh viên) đảm bảo người học biết và hiểu rõ về các quy định đào tạo, chế độ chính sách được thụ hưởng khi theo học tại Trường [MC.04.11.07]. Tổ Truyền thông xây dựng các video clip giới thiệu về Trường, ngành học nhằm chia sẻ và quảng bá các thông tin chuẩn xác về Trường

2. Điểm mạnh

- Hoạt động thông tin, truyền thông được Nhà trường tổ chức chuyên nghiệp, có đơn vị và cá nhân phụ trách, chịu trách nhiệm
- Các thông tin được trao đổi, cung cấp đảm bảo nhanh chóng, toàn diện và tin cậy cả bên trong và bên ngoài Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

- Các thông tin, dữ liệu còn phân tán ở các phần mềm, website khác nhau, người học phải xem ở nhiều địa chỉ mới cập nhật đủ thông tin.
- Cơ sở vật chất chuyên dụng cho hoạt động truyền thông còn hạn chế

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Kiện toàn Tổ truyền thông, tuyên dụng cán bộ chuyên trách truyền thông	Phòng Tổ chức Hành chính	2017	2018
2	Khắc phục tồn tại	Mua phần mềm quản lý đào tạo mới, thống nhất	Phòng Đào tạo	2017	2017

		cơ sở dữ liệu dùng chung, đảm bảo các thông tin được lưu trữ đồng bộ và thống nhất			
3		Trường xây dựng lại Sổ tay sinh viên và Sổ tay giáo viên nhằm cập nhật các thông tin đầy đủ và toàn diện trên một địa chỉ duy nhất	Phòng Công tác Sinh viên	2017	2018
4		Trang bị hệ thống phần mềm phim trường ảo phục vụ cho công tác truyền thông và thực hành ngành Báo chí.	Phòng Cơ sở vật chất	2017	2019
5		Xây dựng kênh truyền thông riêng của Trường trên internet (dạng kênh truyền hình).	Tổ Truyền thông	2017	2020

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 11	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 11.1			3				
Chỉ số 11.2				4			
Điểm TB của tiêu chí	3.5						

* *Kết luận tiêu chuẩn 4:*

Trường có mối quan hệ hợp tác với nhiều địa phương, các tổ chức, các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước. Trường đã liên kết với các địa phương để tổ chức các khóa đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên, cán bộ quản lý ở các trường phổ thông. Trường phối hợp với các tổ chức và các trường đại học ở trong nước và quốc tế thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học có giá trị và đồng tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị cấp quốc gia và quốc tế.

Trường đã ký được nhiều các biên bản ghi nhớ hợp tác với các đối tác nước ngoài để triển khai các hoạt động hợp tác trao đổi sinh viên, giảng viên, cán bộ và hợp tác tổ chức các hội thảo tiến đến liên kết đào tạo.

Nhà trường đã ban hành các Quy định cụ thể rõ ràng để đảm bảo việc xuất bản các

giáo trình, tài liệu được thực hiện theo đúng các quy định của quốc gia và quốc tế về luật bản quyền, sở hữu trí tuệ. Trường có Tạp chí Khoa học và Giáo dục được tính điểm công trình khoa học tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giảng viên và người học của Nhà trường công bố các kết quả khoa học.

Trong những năm tới, Nhà trường sẽ chủ động và dành nguồn kinh phí thích đáng cho việc mở rộng các mối quan hệ hợp tác trong nước và quốc tế, tận dụng các cơ hội do hợp tác mang lại và tiếp tục đẩy nhanh quá trình hội nhập, nâng cao vị thế của Nhà trường ở trong nước và quốc tế.

Tiêu chuẩn 5

MÔI TRƯỜNG SỰ PHẠM VÀ CÁC NGUỒN LỰC

Mở đầu

Nhà trường xác định môi trường sự phạm là một trong các yếu tố tạo thành cấu trúc hoạt động dạy và học, chi phối trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả của hoạt động dạy và học. Cảnh quan, môi trường, khuôn viên của Nhà trường được quan tâm đầu tư xây dựng dựa trên cơ sở lấy người học làm trung tâm, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho việc dạy, học và nghiên cứu của giảng viên và người học. Các nguồn lực bao gồm cả nhân lực, vật lực và tài chính là điều kiện tiên quyết giúp Nhà trường thực hiện được sứ mạng và tầm nhìn. Nhà trường thường xuyên đầu tư cơ sở vật chất, tài nguyên dạy và học được Trường thực hiện thường xuyên để đảm bảo cho các hoạt động của Nhà trường được thực hiện có hiệu quả, cũng như đã triển khai nhiều biện pháp nhằm tăng cường những nguồn thu hợp pháp từ các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, dịch vụ, nghiên cứu khoa học từ đó có nguồn kinh phí ổn định để đầu tư phát triển Nhà trường.

Tiêu chí 12: Môi trường sự phạm

1. Mô tả:

12.1. Cảnh quang, môi trường giảng dạy và học tập phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của Trường

Căn cứ theo chiến lược phát triển giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn 2030, Nhà trường đã lập quy hoạch tổng thể 1:500 và đã được UBND TP. Đà Nẵng, Viện Quy hoạch xây dựng TP. Đà Nẵng phê duyệt năm 2015 [MC.05.12.01]. Hiện nay, toàn bộ cảnh quan, các công trình xây dựng của Nhà trường đều thực hiện dựa trên định hướng của quy hoạch tổng thể.

Triết lý trong xây dựng quy hoạch của Nhà trường là lấy người học làm trung tâm, đảm bảo người học có được môi trường tốt nhất để học tập và nghiên cứu. Bên cạnh các phòng học, Nhà trường chú trọng xây dựng các phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ hoạt động học tập nghiên cứu khoa học của sinh viên và giảng viên; xây dựng KTX cho sinh viên, bố trí các phòng tự học và những vị trí nghỉ ngơi, giải trí cho sinh viên sau những giờ học căng thẳng; xây dựng Nhà thi đấu đa năng, các sân thể dục, thể thao phục vụ cho các hoạt động phong trào của sinh viên [MC.05.12.02].

12.2. Khuôn viên, môi trường tự nhiên của nhà trường, được quy hoạch và xây dựng phù hợp với hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên

Cảnh quan, môi trường, công năng của các tòa nhà quy hoạch sử dụng phù hợp với hoạt động quản lý, đào tạo và bồi dưỡng giáo viên. Trường đã đầu tư xây dựng hệ thống điện chiếu sáng, nước sạch, cống rãnh thoát nước và bê tông hóa kiên cố toàn bộ đường

đi, sân trường và khuôn viên KTX; giúp khuôn viên Nhà trường được thông thoáng; cảnh quan cây xanh được đầu tư chăm sóc và đảm bảo tốt về vệ sinh – môi trường. Vệ sinh môi trường trong các giảng đường, khu vệ sinh, hội trường được bộ phận phục vụ và các công ty dịch vụ vệ sinh thực hiện thường xuyên đảm bảo [MC.05.12.03].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức hoạt động đối thoại với sinh viên về các hoạt động đào tạo, công tác sinh viên trong đó có nội dung về cảnh quan môi trường phục vụ cho hoạt động học tập, văn hóa, thể dục, thể thao, giải trí của sinh viên. Ngoài ra, Nhà trường cũng tiến hành khảo sát hàng năm đối với sinh viên sắp tốt nghiệp về cơ sở vật chất, cảnh quan của Trường [MC.05.12.04]. Những ý kiến phản hồi của sinh viên và giảng viên cũng cho thấy một số những tồn tại đối với cảnh quan của Trường. Cụ thể như những dãy nhà cấp 4 hiện có của Nhà trường không còn đảm bảo chất lượng cho hoạt động dạy và học cần phải được xây dựng mới. Trong các cuộc họp giao ban thủ trưởng các đơn vị, Nhà trường cũng thảo luận về vấn đề cơ sở vật chất phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập, trên cơ sở đó Trường xây dựng kế hoạch và tìm nguồn kinh phí sửa chữa, nâng cấp [MC.05.12.05].

Nhà trường duy trì nếp văn hóa học đường thường xuyên, công tác kiểm tra, đánh giá được Tổ Thanh tra – Pháp chế và Đoàn Thanh niên thực hiện thường xuyên, nhằm đảm bảo môi trường sư phạm [MC.05.12.06].

Nhà trường có các biện pháp hữu hiệu để bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học. Công tác phòng chống bão hàng năm, phòng chống dịch bệnh được Nhà trường được quan tâm nhằm giữ gìn và bảo vệ cảnh quan môi trường anh, sạch đẹp. Nhà trường thường xuyên phối hợp chặt chẽ với công an và chính quyền địa phương nơi Trường đóng địa bàn về công tác an ninh trật tự để quản lý và đảm bảo an toàn cho cán bộ và người học của Trường. Cho đến thời điểm hiện tại, chưa xảy ra sự cố nào về an toàn, an ninh trật tự đối với giảng viên và người học trong khuôn viên Nhà trường [MC.05.12.07]. Cán bộ, giảng viên, người học của Nhà trường hoàn toàn yên tâm và cảm thấy thoải mái trong khuôn viên của Nhà trường. Nhà trường chưa nhận được phản ánh nào về vấn đề mất an toàn trong khuôn viên Nhà trường [MC.05.12.08].

2. Điểm mạnh

- Cảnh quan môi trường trong khuôn viên Nhà trường thông thoáng, xanh - sạch - đẹp và luôn được tôn tạo thường xuyên.

- Các điều kiện an ninh trật tự, điều kiện làm việc, dịch vụ lưu trú và dịch vụ ăn uống khép kín đảm bảo môi trường tốt và an toàn cho người học.

- An ninh trật tự trong Nhà trường được đảm bảo, giảng viên sinh viên hoàn toàn yên tâm về điều kiện học tập và làm việc.

3. Điểm tồn tại

- Khuôn viên nhà trường được đầu tư xây dựng trong nhiều giai đoạn khác nhau nên còn nhiều điểm chưa đảm bảo tính hài hòa và đồng bộ về cảnh quan kiến trúc.
- Nguồn kinh phí còn hạn hẹp, Nhà trường chưa đầu tư nâng cấp các dãy nhà cấp IV đang xuống cấp nghiêm trọng.
- Bãi đỗ xe cho sinh viên chưa đáp ứng được yêu cầu.
- Nhà trường chưa có dịch vụ lưu trú cho giáo viên bồi dưỡng ở xa về học tại trường. Các dịch vụ hậu cần, căn tin chưa đáp ứng nhu cầu của giáo viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Kết thúc
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện kế hoạch điều chỉnh công năng các tòa nhà, quy hoạch mạng lưới giao thông nội bộ và cải tạo mở rộng các bãi đỗ xe.	Phòng CSVC	2017	2018
2		Chỉnh trang khuôn viên khu vực thư viện và các vườn hoa cây cảnh toàn trường.	Phòng CSVC	2018	2019
3		Thực hiện quy hoạch nhà trường thay thế tất cả các tòa nhà cấp IV.	Phòng CSVC	2018	2021
4		Nâng cấp dịch vụ lưu trú, dịch vụ hậu cần và căn tin.	Phòng CSVC	2018	2021

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 12	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 12.1				4			
Chỉ số 12.2			3				
Điểm TB của tiêu chí	3.5						

Tiêu chí 13: Cơ sở vật chất, tài nguyên dạy và học

1. Mô tả

13.1. Các tòa nhà, giảng đường, phòng học, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, máy tính, trang thiết bị và tài liệu học tập được trang bị, bảo trì và sử dụng phù hợp với các mục đích giáo dục của Trường

Nhà trường luôn ưu tiên các nguồn kinh phí đầu tư cho phát triển CSVC tạo điều kiện tốt nhất cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và công tác quản lý. Các trang thiết bị được quản lý phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và NCKH phù hợp với tầm

nhìn, mục tiêu chiến lược. Trong đó, đặc biệt chú trọng phù hợp với lĩnh vực phương pháp giảng dạy và đổi mới phương pháp giảng dạy. Trường đã đầu tư nhiều thiết bị phân tích chuyên sâu cho các phòng thực hành thí nghiệm phục vụ cho hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên và giảng viên [MC.05.13.01].

13.2. Các tòa nhà, giảng đường, phòng học, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, máy tính, trang thiết bị và tài liệu học tập được sử dụng linh hoạt để đáp ứng tính sáng tạo và đổi mới của giảng viên và người học, phù hợp cho từng khóa đào tạo, tập huấn bồi dưỡng thường xuyên cụ thể

Phần lớn các thiết bị trong Nhà trường được quản lý theo phương thức dùng chung CSVC giữa các đơn vị trong Nhà trường và sử dụng chung CSVC trong ĐHĐN [MC.05.13.01]. Nhờ đó, tăng tần suất và hiệu quả sử dụng thiết bị, linh hoạt trong quản lý. Ngoài ra, phương thức quản lý tốt CSVC góp phần giúp 100% đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục và khoa học cơ bản đã được triển khai hiệu quả, hoàn thành đúng tiến độ và chuyển giao cho các đơn vị [MC.05.13.02]. Đội ngũ kỹ sư phục vụ và giảng dạy thực hành được tạo điều kiện bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ [MC.05.13.03]. Các phòng thí nghiệm, thực hành có bảng thời khóa biểu, sổ theo dõi để đánh giá thiết bị sử dụng [MC.05.13.04].

Qua nhiều năm xây dựng, hiện Nhà trường có tổng diện tích phòng học là 19.526 m², bao gồm 107 phòng học, đủ cho công tác đào tạo. Trong đó, có 10 giảng đường lớn có từ 100 - 150 chỗ ngồi, 1 giảng đường lớn 600 chỗ, 33 phòng thí nghiệm và thực hành; 01 thư viện với hệ thống phòng đọc, phòng mượn, phòng nghiệp vụ thông tin thư mục và kho lưu trữ sách, tài liệu riêng biệt [MC.05.13.05].

Tổng số máy tính toàn trường hiện có 777 máy, trong đó có 177 máy phục vụ công tác quản lý và văn phòng, và 600 máy được trang bị tại 6 phòng được nối mạng và 1 phòng máy chủ. Hàng năm Nhà trường đã tiến hành kỳ kiểm kê, đánh giá tình trạng và hiệu quả sử dụng thiết bị. Từ đó có kế hoạch sửa chữa, bảo trì thường xuyên và định kỳ để đảm bảo hiệu quả sử dụng các trang thiết bị. Các báo cáo tổng kết thực hiện đánh giá việc thực hiện đầu tư CSVC đáp ứng với Quy hoạch và chiến lược phát triển của nhà trường từ đó có định hướng điều chỉnh phù hợp [MC.05.13.05, MC.05.13.06].

Từ năm 2012 đến nay, Nhà trường đã được Bộ GD&ĐT phê duyệt và ĐHĐN đã tổ chức đấu thầu 3 dự án thiết bị gồm: Dự án tăng cường năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu; dự án thiết bị PPGD Dự án thiết bị thuộc chương trình mục tiêu các trường ĐHSP gồm: thiết bị phục vụ đổi mới PPGD và cho các khoa: Vật lý, Hóa học, Địa lý, Giáo dục Mầm non và thiết bị phục vụ giảng dạy dùng chung [MC.05.13.05, MC.05.13.07].

Nhà trường đã lập quy hoạch tổng thể 1:500 và được UBND TP. Đà Nẵng, Viện Quy hoạch xây dựng TP. Đà Nẵng phê duyệt năm 2015. Từ đó đến nay Nhà trường đã được Bộ GD&ĐT đầu tư các dự án như: Nâng cấp và cải tạo KTX sinh viên nhà III,

công trình cải tạo nhà A, xây mới KTX nối nhà I và nhà II, xây mới giảng đường nhà A6 [MC.05.13.08].

Năm 2017 Nhà trường có kế hoạch quy hoạch và điều chỉnh công năng các tòa nhà phù hợp với chức năng và hướng đến mỗi tòa nhà phục vụ một công năng, từ đó tăng cường hiệu quả đầu tư và đồng bộ trong sử dụng CSVC và quản lý.

Hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối internet được đầu tư nâng cấp hàng năm. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều máy chủ đã cũ sử dụng từ 5 - 15 năm. Công tác quản lý cán bộ, quản lý công văn đến và đi, bảo hiểm xã hội đều thực hiện trên phần mềm quản lý trực tuyến do ĐHĐN và cơ quan Bảo hiểm xã hội Đà Nẵng thiết lập và vận hành tại trường. Công tác quản lý sinh viên và đoàn viên được thực hiện trên phần mềm quản lý được Nhà trường phát triển có thể quản lý từng sinh viên nội trú, ngoại trú, nhập học, khám sức khỏe, theo dõi học bổng. [MC.05.13.05, MC.05.13.09].

13.3. Môi trường trực tuyến của nhà trường đảm bảo các khóa đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến và thực hành giảng dạy ảo được thực hiện có chất lượng với các phương pháp dạy học tích hợp

Trường khuyến khích các giảng viên xây dựng website học tập (e-learning) bằng việc thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường. Từ cơ sở đó chất lượng của các khoa học trực tuyến được nâng cao, điển hình như web của khoa Sinh - Môi trường, web học tập, kiểm tra đánh giá, học tập trực tuyến sử dụng cho các lớp đại học và sau đại học [MC.05.13.10].

Từ năm 2015, Trường bắt đầu xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình thực tập vệ tinh ở cả 4 cấp học từ mầm non đến THPT, các trường thực tập vệ tinh được Nhà trường xây dựng một phòng học có chức năng truyền thông tin, hình ảnh về Trường ĐHSP giúp cho sinh viên thực tập có thể rút kinh nghiệm trong có trình thực tập giảng dạy và nhà trường có thể quản lý tốt hoạt động thực tập của sinh viên. Từ mô hình này mà sinh viên có điều kiện tốt nghiệp trước tiến độ trước 6 tháng.

Nhà trường đang tiến hành xây dựng đề án phòng dạy học phim trường ảo nhằm xây dựng các bài giảng trực tuyến đưa lên mạng với chất lượng tương đương các chương trình dạy học trên truyền hình.

Các trang thiết bị phòng học, phòng thí nghiệm thực hành được nhà trường quản lý thông qua phần mềm quản lý công sản. Hàng năm đều có báo cáo đánh giá chất lượng và hiệu quả sử dụng theo biểu mẫu quản lý của Bộ Tài chính và ĐHĐN. Quản lý sử dụng các giảng đường, phòng máy thông qua phần mềm Quản lý đào tạo. Giảng viên có thể đăng nhập và lựa chọn phòng học, đăng ký hoặc hủy bỏ lịch học trên hệ thống trực tuyến [MC.05.13.05, MC.05.13.09].

Học liệu của thư viện được quản lý và vận hành qua phần mềm quản lý thư viện. Các tài liệu nội sinh được số hóa và tham khảo trực tuyến. Sinh viên tra cứu và mượn sách trên hệ thống phần mềm quản lý online. Các nguồn học liệu liên kết với các thư

viện lớn và các CSDL học liệu lớn trong và ngoài ĐHĐN. Số lượng đầu sách tham khảo và giáo trình phong phú và đầy đủ cho tất cả các môn học [MC.05.13.05, MC.05.13.09, MC.05.13.10].

Trong khi hệ thống KTX cho sinh viên mới đáp ứng được 20% tổng số sinh viên chính quy, chưa có hệ thống KTX đủ tiêu chuẩn dành cho giáo viên bồi dưỡng, sinh viên không chính quy. Các dịch vụ căng tin chưa chuyên nghiệp, các thiết chế văn hóa phục vụ sinh viên mới đáp ứng một phần nhu cầu của người học [MC.05.13.11].

Nhà trường cũng đã tiến hành khảo sát về mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất, các trang thiết bị của Nhà trường phục vụ hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên. Kết quả cho trên 80% GV, SV hài lòng về các trang thiết bị của Nhà trường [MC.05.13.12]. Tuy nhiên, nhiều ý kiến đánh giá chất lượng các phòng học ở dãy nhà cấp 4 chưa đảm bảo chất lượng, một số thiết bị quá cũ (gần 15 năm) hư hỏng nhưng không còn linh kiện thay thế trên thị trường nên vẫn chưa được sửa chữa.

Trường đã định kỳ khảo sát ý kiến sinh viên về mức độ hài lòng đối với chất lượng phục vụ của Thư viện. Đa số ý kiến GV và SV hài lòng về chất lượng phục vụ của thư viện (>80%); tuy nhiên cũng có các ý kiến về việc diện tích của thư viện còn hạn chế, các tài liệu ngoại văn chưa phong phú cần bổ sung, cập nhật [MC.05.13.13].

2. Điểm mạnh

- Trường đã có quy hoạch tổng thể 1:500 được UBND TP. Đà Nẵng, Viện Quy hoạch xây dựng TP. Đà Nẵng phê duyệt làm cơ sở để đề xuất và tập trung các nguồn lực đầu tư CSVC đáp ứng nhu cầu phát triển quy mô đào tạo và chiến lược phát triển của Nhà trường.

- Trường đang vận hành nhiều phần mềm quản lý hiện đại, hiệu quả phục vụ đắc lực cho công tác quản lý của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

- Nhà trường hiện vẫn còn nhiều dãy nhà tạm cấp IV không còn phù hợp với tiêu chuẩn hiện nay.

- Thiếu không gian cho sinh viên hoạt động kỹ năng, trải nghiệm, sáng tạo và khởi nghiệp.

- Nguồn học liệu cho các khóa học trực tuyến còn hạn chế, chỉ được biên soạn cho số lượng môn học hạn chế và chưa tiếp cận được với các chuẩn học liệu trực tuyến của thế giới.

- Hạ tầng CNTT còn chưa đồng bộ, hệ thống cáp quang và đường truyền đã hoạt động trên 10 năm mức độ ổn định của hệ thống thấp; còn đang sử dụng một lượng lớn là máy tính quá cũ, các máy chủ cũ đã sử dụng từ 5 - 15 năm. Chưa có các phần mềm quản lý học trực tuyến hiện đại và quản lý hiệu quả ở quy mô đào tạo lớn.

- Hệ thống máy chiếu, âm thanh, thiết bị dạy học trên giảng đường cũ, lạc hậu.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Kết thúc
1	Khắc phục tồn tại	- Nhà trường mua phần mềm Hệ thống tích hợp thông tin Quản lý đào tạo.	Phòng CSVC	2017	2017
		- Lập đề án xây nhà đơn nguyên 2 nhà A6; Dự án mở rộng Thư viện Trường.		2017	2018
		- Nhà sinh hoạt đa năng phục vụ kỹ năng mềm của sinh viên đã được ĐHĐN phê duyệt.		2017	2018
		- Thực hiện Dự án thiết bị dạy học 2017 đã được bộ phê duyệt.		2017	2017
2		Đầu tư nâng cấp hệ thống hạ tầng CNTT từ dự án Đầu tư của Bộ GD&ĐT và Chương trình ETEP.	Phòng CSVC	2018	2019
3		Xây dựng cơ sở dữ liệu học trực tuyến phục vụ đào tạo và bồi dưỡng giáo viên. Đầu tư nâng cấp hệ thống căng tin, các dịch vụ và thiết chế văn hóa phục vụ sinh viên.	Phòng CSVC	2018 2018	2019 2019

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 13	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 13.1				4			
Chỉ số 13.2			3				
Chỉ số 13.3			3				
Chỉ số 13.4			3				
Điểm TB của tiêu chí	3.3						

Tiêu chí 14. Nguồn tài chính

1. Mô tả:

14.1. Trường có các nguồn thu đa dạng và hợp pháp từ các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phù hợp với sứ mạng và kế hoạch chiến lược của mình.

Kế hoạch chiến lược, tự chủ tài chính của Nhà trường nhằm hướng đến mục tiêu

phát triển hoạt động tài chính, được xây dựng trên cơ sở kế hoạch chiến lược phát triển của Trường giai đoạn 2010-2020, nhiệm vụ thu chi ngân sách hằng năm và kế hoạch giai đoạn 2012-2017, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2017-2020, hằng năm Trường xây dựng kế hoạch tài chính, dự toán phân bổ ngân sách cho các hoạt động của nhà trường nhằm đảm bảo chủ động nguồn kinh phí cho các hoạt động [MC.05.14.01].

Các nguồn tài chính của Trường đều hợp pháp và sử dụng đúng mục đích, phục vụ cho hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của Trường, hoạt động tài chính của Trường dựa trên các văn bản quy định của Bộ Tài chính, Bộ GD&ĐT [MC5.14.02], Quy chế chi tiêu nội bộ của ĐHĐN và Phụ lục chi tiêu nội bộ của Trường ĐHSP [MC.05.14.03]. Nguồn thu tài chính của Trường chủ yếu từ hai nguồn chính là Ngân sách Nhà nước cấp và kinh phí thu sự nghiệp; ngoài ra còn có các nguồn thu từ một số hoạt động khác nhưng chiếm tỷ trọng không đáng kể. Các nguồn thu tài chính của Trường bao gồm:

- Nguồn ngân sách Nhà nước cấp: Kế hoạch phân bổ kinh phí Ngân sách được Nhà nước cấp hằng năm thông qua quyết định giao dự toán thu chi ngân sách. Bao gồm phục vụ cho hoạt động chi thường xuyên và nghiên cứu khoa học [MC.05.14.04]

- Nguồn thu sự nghiệp: Chủ yếu là học phí từ 3 loại hình đào tạo: Chính quy, vừa học, vừa làm và liên kết đào tạo giữa Trường với các cơ sở giáo dục ở các tỉnh, thành trong cả nước. Mức thu học phí không vượt quá các quy định của Nhà nước. [MC.05.14.05]

- Nguồn thu khác: Từ các hợp đồng đào tạo bồi dưỡng cấp chứng chỉ ngắn hạn, đào tạo Tiếng Việt và chuyên ngành cho lưu học sinh Lào, Hàn Quốc... và một số hoạt động khác tạo nguồn thu cho Trường. Ngoài ra Trường có các nguồn thu từ các hoạt động quan hệ và hợp tác quốc tế thông qua các chương trình tài trợ: Chương trình Giáo dục giới tính của quỹ dân số thế giới, hỗ trợ kinh phí bồi dưỡng giảng viên, xây dựng giáo trình, tài liệu, tiến hành bồi dưỡng cho giáo viên các trường phổ thông. Quỹ động vật Frankfurt tài trợ chương trình nghiên cứu linh trưởng, xây dựng phòng đọc, mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho mục đích nghiên cứu và dạy học [MC.05.14.06].

Các khoản thu trên được thực hiện đúng với các văn bản qui định về tài chính theo sự phân cấp của các cơ quan có thẩm quyền ban hành. Nguồn thu của Trường được tập hợp đầy đủ, hợp pháp, chính xác, theo đúng dự toán. [MC.05.14.07, MC.05.14.08, MC.05.14.09, MC.05.14.10].

14.2. Nguồn thu từ các hoạt động quan hệ, hợp tác quốc tế được sử dụng nhằm tăng cường năng lực nghiên cứu, dạy và học.

Các nguồn thu của Trường được sử dụng, phân bổ hợp lý cho các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế. Nhà trường luôn có chiến lược khai thác các nguồn tài chính khác nhau để đáp ứng có hiệu quả các hoạt động

và tái đầu tư phát triển. Chiến lược phát triển nguồn lực tài chính đóng vai trò quan trọng để xây dựng và phát triển Nhà trường. Phân bổ hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn thu nhằm đảm bảo đủ kinh phí chi thường xuyên cho hoạt động của Trường, trong đó không ngừng nâng cao, ổn định thu nhập cho CBVC, tăng cường chi cho các hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo, tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và đáp ứng nhu cầu chi đầu tư phát triển. Các nguồn thu hợp pháp của Trường ngày càng tăng đáp ứng các hoạt động của Trường và phục vụ tái đầu tư phát triển thông qua các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, cụ thể tổng kinh phí các nguồn thu từ phí, lệ phí và nguồn thu khác hằng năm là: năm 2009 là 17,80 tỷ; năm 2010 là 20,20 tỷ; năm 2011 là 30,61 tỷ; năm 2012 là 36,32 tỷ; năm 2013 là 45,14 tỷ; năm 2014 là: 53,37 tỷ; năm 2015 là: 57,37 tỷ; năm 2016 là: 67,84 tỷ [MC.05.14.10, MC.05.14.11].

Trường thành lập các nhóm nghiên cứu để thực hiện các đề tài lớn gắn với việc giải quyết các vấn đề thực tiễn của địa phương, đơn vị sản xuất kinh doanh thông qua các hợp đồng khoa học công nghệ nhằm đem lại nguồn thu cho Trường đồng thời khai thác các thế mạnh của Trường, tăng cường hợp tác quốc tế để tìm kiếm các nguồn tài trợ quốc tế và trong nước. Cụ thể Trường đã giao kinh phí thực hiện đề tài cấp trường theo nhóm đề tài, kinh phí 100 triệu/đề tài; các đề tài cấp trường theo cá nhân: 15 triệu/đề tài [MC.05.14.12, MC.05.14.13].

Trên cơ sở nguồn kinh phí cấp được từ ngân sách nhà nước, nguồn thu sự nghiệp, nguồn thu từ hoạt động NCKH và hợp tác quốc tế, Nhà trường đã phân bổ và sử dụng hợp lý nguồn thu phục vụ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế [MC.05.14.14, MC.05.14.15, MC.05.14.16].

2. Điểm mạnh

- Trường có kế hoạch chiến lược, tự chủ về tài chính, tạo được các nguồn tài chính hợp pháp đáp ứng được cơ bản các hoạt động thường xuyên của Trường.
- Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính của Trường được tiến hành theo đúng các quy định, xây dựng một cách có hệ thống, đầy đủ, chính xác, kịp thời.
- Tài chính của Trường được phân bổ, sử dụng hợp lý, hiệu quả, đúng qui định đáp ứng được nhiệm vụ trọng tâm của một trường đại học.

3. Điểm tồn tại

Nguồn thu từ hoạt động hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành

1	Phát huy điểm mạnh	Mở rộng thêm 8 ngành sau đại học bao gồm 6 chuyên ngành thạc sĩ và 2 chuyên ngành tiến sĩ.	Các khoa, P. Đào tạo	2017	2020
2		Xây dựng các đề án mở 05 ngành đào tạo ngành chất lượng cao.	Phòng ĐT, các khoa	2017	2021
3		Mở các lớp đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ, bồi dưỡng nâng hạng nâng ngạch cho giáo viên theo đơn đặt hàng của các địa phương để đẩy mạnh các nguồn thu học phí của Trường.	Các khoa, P. Đào tạo	2017	2020
4		- Mở được các lớp bồi dưỡng phát triển chương trình, tài liệu bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (côt cán và đại trà); - Mở được các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực giảng viên QLGD và giảng viên SP ở khu vực 6 tỉnh Miền Trung và Tây Nguyên.	Các khoa, P. Đào tạo	2015	2021
5	Khắc phục tồn tại	Thành lập Trung tâm đào tạo Tiếng Việt tại Lào. Kết hợp với Đại học Đà Nẵng tích cực mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, đào tạo lưu học sinh để tạo nguồn thu từ các nước trong khu vực như Lào, Hàn Quốc, Philippin...	Các khoa, P. Đào tạo, Phòng Khoa học và HTQT	2018	2019
6		Thành lập được 5 nhóm nghiên cứu để thực hiện các đề tài lớn, thông qua các hợp đồng KHCN nhằm đem lại nguồn thu cho Trường.	Các khoa, P. Đào tạo	2017	2021

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 14	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 14.1				4			
Chỉ số 14.2				4			
Điểm TB của tiêu chí	4						

Tiêu chí 15. Nguồn nhân lực

1. Mô tả

15.1. Chính sách tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực và khen thưởng kỷ luật gắn kết với tầm nhìn và mục tiêu chiến lược.

Từ năm 2012, Trường Đại học Sư phạm đã xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2010 – 2020 [MC.05.15.01], trong đó phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên được Trường xác định là chiến lược trung tâm, là nhân tố quyết định để nâng cao chất lượng đào tạo. Trường phấn đấu có đội ngũ cán bộ bảo đảm yêu cầu về cơ cấu, chất lượng của một trường đại học đa ngành ở khu vực miền Trung và Tây nguyên. Sự tồn tại và phát triển của Nhà trường phụ thuộc rất nhiều vào chiến lược tuyển chọn, đào tạo, sử dụng, đánh giá và đào thải cán bộ. Đội ngũ cán bộ của Trường phải đạt các tiêu chí cơ bản:

- Có trình độ chuyên môn giỏi, có năng lực sáng tạo, tư duy đổi mới;
- Có đạo đức tốt, sức khỏe tốt;
- Có ý thức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước công việc;
- Yêu nghề, gắn bó với nhà trường.

Để thực hiện chính sách phát triển nguồn nhân lực, Trường xây dựng *Đề án Vị trí việc làm* để xác định được nhu cầu đáp ứng về số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên so với yêu cầu công việc [MC.05.15.02]. Qua đó, Trường thực hiện các chính sách phát triển đội ngũ như:

- Thu hút các cán bộ và nhà giáo có trình độ cao về Trường thông qua mời gọi và tuyên truyền các chính sách ưu đãi của địa phương. Nhà trường đã tiếp nhận các nhà giáo có trình độ tiến sĩ về Trường công tác thông qua việc tuyển dụng đặc cách tiến sĩ [MC.05.15.03].

- Tuyển mới giảng viên trẻ và có năng lực đã được đào tạo sau đại học tại các cơ sở giáo dục uy tín trong và ngoài nước để trở thành cán bộ nguồn [MC.05.15.04]. Thực hiện việc tạo nguồn giảng viên từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc thông qua biên bản cam kết thỏa thuận giữa cá nhân và Khoa [MC.05.15.05]. Đội ngũ GV từng bước được trẻ hóa nhưng vẫn đảm bảo sự kế thừa giữa các thế hệ.

Hiện nay, Trường đang thực hiện tuyển dụng nguồn nhân lực theo Quy định tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc, tập sự và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp ban hành theo Quyết định số 1983/QĐ-ĐHĐN của Giám đốc Đại học Đà Nẵng; trong đó quy định rõ các nguyên tắc tuyển dụng, hình thức tuyển dụng, quy trình tuyển dụng. Những quy định này được sử dụng chung cho các đơn vị thành viên của Đại học Đà Nẵng [MC.05.15.06].

15.2. Trường có chiến lược và kế hoạch tuyển dụng, sử dụng đội ngũ minh bạch,

cạnh tranh và hiệu quả để phát triển các nhà giáo dục xuất sắc.

Trong những năm qua, Trường đã thực hiện tốt các quy định và quy trình về tuyển dụng, qua đó kịp thời bổ sung đội ngũ viên chức cho các đơn vị. Căn cứ vào quy hoạch phát triển của Nhà trường, chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường, hàng năm Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng cán bộ viên chức đáp ứng nhu cầu về nhân lực cho các đơn vị. Vị trí và đối tượng tuyển dụng được thông báo công khai bằng văn bản và trên website của Trường và của Đại học Đà Nẵng [MC.05.15.07]. Tất cả số giảng viên này đều trải qua kỳ thi tuyển viên chức và sát hạch về chuyên môn.

Từ tháng 01/2015, Trường được ĐHĐN phân cấp quản lý trong công tác tuyển dụng VC nên Trường đã chủ động trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyển dụng viên chức đáp ứng được yêu cầu công việc của Trường [MC.05.15.08]. Hiện tại, Nhà trường có đủ GV giảng dạy cho tất cả các chuyên ngành đào tạo. Tỷ lệ giảng viên quy chuẩn đạt tỉ lệ sau khi quy đổi là 24,01 SV/1GV [MC.05.15.09]. Nhờ thực hiện đúng quy trình với các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, minh bạch đã giúp cho Trường tuyển chọn được giảng viên có chất lượng bổ sung cho đội ngũ giảng viên của Trường để từ đó nhà trường có cơ sở phát triển được các nhà giáo dục xuất sắc.

Bên cạnh chính sách tuyển dụng, Nhà trường còn xây dựng kế hoạch sử dụng và phát triển chất lượng đội ngũ, quan tâm bồi dưỡng, ưu đãi đội ngũ cán bộ hiện có và chủ động xây dựng phát triển đội ngũ kế cận bằng cách cử giảng viên theo học các lớp bồi dưỡng về ngoại ngữ, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, đồng thời đề xuất lên Đại học Đà Nẵng, Bộ Giáo dục và Đào tạo cử hàng trăm cán bộ giảng viên đi đào tạo tiến sĩ và thạc sĩ trong và ngoài nước bằng nhiều nguồn kinh phí khác nhau nhằm đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện của Trường [MC.05.15.10]. Tỉ lệ giảng viên của Trường có trình độ tiến sĩ tăng lên nhanh chóng từ tỷ lệ tiến sĩ trên giảng viên của Nhà trường chỉ đạt 14,6 % vào năm 2012 đã tăng lên 32,2 % vào năm 2017 và đến năm 2020 dự kiến sẽ đạt ở mức trên 45%. Lực lượng này đã phát huy tích cực trong việc đổi mới giáo trình, phương pháp giảng dạy và nghiên cứu khoa học [MC.05.15.11].

Các cán bộ giảng viên, nhân viên của Nhà trường đều được làm việc theo chuyên môn được đào tạo, bồi dưỡng. Các giảng viên được phân công giảng dạy theo đúng chuyên môn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên phát huy hết năng lực chuyên môn của bản thân [MC.05.15.12].

Hàng tháng, Nhà trường bố trí buổi tiếp công dân để những cán bộ, viên chức, người lao động và người học của Nhà trường có thể đưa ra những ý kiến phản ánh, góp ý cho Nhà trường [MC.05.15.13]. Nhà trường cũng có hộp thư góp ý để thu nhận ý kiến của các bên liên quan. Đầu các năm học, Nhà trường đều tổ chức Hội nghị cán bộ viên chức ở cấp khoa và cấp trường để tiếp nhận và trao đổi ý kiến và những đóng góp của các bên liên quan đối với các hoạt động của Nhà trường. Đối với người học, Nhà trường

tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo các khoa, trường với sinh viên để các sinh viên có thể trao đổi trực tiếp những tâm tư nguyện vọng đối với lãnh đạo khoa và lãnh đạo Nhà trường.

Trong 05 năm qua, các đơn thư khiếu nại, tố cáo trong Trường hầu như không có [MC.05.15.14].

Nhà trường đã xây dựng được bộ tiêu chí đánh giá CBVC của Trường. Thông qua việc đánh giá, Nhà trường xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, giảng viên, nhân viên và cán bộ quản lý. Kết quả xếp loại này là cơ sở đề nghị các danh hiệu thi đua và xét mức độ hưởng mức lương tăng thêm. Đây là chính sách tạo ra sự cạnh tranh, phấn đấu của cán bộ viên chức. Song song với việc đánh giá, xếp loại VC, Nhà trường cũng có chính sách khen thưởng đối với GV có thành tích cao trong nghiên cứu khoa học, các giảng viên hoàn thành nhiệm vụ đào tạo đúng tiến độ hoặc được công nhận chức danh Phó Giáo sư và kỷ luật VC không hoàn thành nhiệm vụ [MC.05.15.15, MC.05.15.16].

15.3. Trường có chính sách và kế hoạch đảm bảo chất lượng trong cơ chế tuyển dụng và sử dụng giảng viên thỉnh giảng

Hiện nay, Nhà trường có chính sách rõ ràng trong việc tuyển dụng và sử dụng giảng viên thỉnh giảng. Cụ thể, Nhà trường đã áp dụng Quy định 2823/QĐ-ĐHĐN của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về Quy định mời thỉnh giảng và quản lý công tác thỉnh giảng, trong đó quy định rõ về tiêu chuẩn của giảng viên thỉnh giảng, các quy trình hoạt động quản lý thỉnh giảng [MC.05.15.17].

Ngoài việc áp dụng các tiêu chuẩn theo quy định đối với giảng viên thỉnh giảng, để đảm bảo chất lượng Nhà trường còn tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên hàng năm trong đó có những giảng viên thỉnh giảng. Những ý kiến này được Nhà trường xác định là kênh thông tin quan trọng trong việc xác định chất lượng của giảng viên thỉnh giảng để từ đó xác định việc có tiếp tục mời giảng viên thỉnh giảng đó tham gia giảng dạy tại trường hay không [MC.05.15.18].

2. Điểm mạnh

- Trường có chính sách tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực và khen thưởng, kỷ luật gắn kết với tầm nhìn chiến lược.
- Trường đã có Quy trình về tiêu chuẩn tuyển chọn tuyển dụng viên chức, Quy trình thể hiện được tính kế hoạch, công khai, minh bạch, rõ ràng, dân chủ, sát thực với điều kiện của Trường.
- Công tác tuyển dụng và bồi dưỡng CBVC của Nhà trường có hiệu quả; tỷ lệ giảng viên của trình độ tiến sĩ tăng nhanh hàng năm.
- Đội ngũ cán bộ, giảng viên của Nhà trường được sử dụng có hiệu quả, phát huy hết năng lực để đóng góp vào sự phát triển của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

- Nhà trường chưa có chính sách riêng để thu hút, tuyển chọn được nhiều giảng viên giỏi, có trình độ tiến sĩ về làm việc tại Trường.

- Nguồn kinh phí chi cho hoạt động NCKH, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn thường xuyên để nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ và giảng viên nhà trường còn khiêm tốn.

- Tính hiệu quả trong cơ chế hợp đồng và sử dụng giảng viên thỉnh giảng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện chính sách tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực và khen thưởng, kỷ luật gắn kết với tầm nhìn chiến lược	Nhà trường	2017	2021
2		Xây dựng một kế hoạch tuyển dụng có tính cạnh tranh và hiệu quả để hỗ trợ sự phát triển của các nhà giáo dục giỏi	Nhà trường	2018	2021
3		Xây dựng và thực hiện chiến lược thu hút giảng viên, các nhà khoa học có trình độ cao về làm việc tại trường.	P.TC-HC	2017	2021
4		Tăng tỷ lệ GV có trình độ tiến sĩ của Nhà trường đạt 45% vào năm 2020.	Các Khoa	2017	2021
5		- Tuyển dụng được 20 giảng viên có học vị tiến sĩ (Giáo dục) - Đội ngũ cán bộ, giảng viên mới được tuyển dụng, có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu công việc; - 70% giảng viên đạt trình độ 2 của tiêu chuẩn giảng viên	P.TC-HC; P. Đào tạo và các Khoa	2018	2021
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường xây dựng chính sách riêng để thu hút, tuyển chọn được nhiều giảng viên giỏi, có trình độ tiến sĩ, nhà khoa học có	P.TC-HC	2018	2021

		trình độ cao về làm việc tại Trường.			
2		Tăng tỷ lệ % kinh phí chi cho hoạt động NCKH đi đôi với nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học của đội ngũ VC.	P. KH -TC & P.KH &HTQT	2018	2021
3		Xây dựng kế hoạch kinh phí để tổ chức bồi dưỡng, tập huấn thường xuyên cho đội ngũ cán bộ và giảng viên nhà trường	P. KH -TC & P.TC-HC	2018	2021
4		Theo dõi và giám sát tính hiệu quả trong cơ chế hợp đồng và sử dụng giảng viên thỉnh giảng.	P.ĐT	2017	2021

5. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 15	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 15.1				4			
Chỉ số 15.2				4			
Chỉ số 15.3				4			
Điểm TB của tiêu chí	4						

Kết luận tiêu chuẩn 5:

Trường Đại học Sư phạm – ĐHĐN đảm bảo các điều kiện về cảnh quan môi trường giảng dạy và học tập phù hợp với môi trường sư phạm. Nhà trường có đủ các phòng học, phòng thực hành thí nghiệm đảm bảo cho các hoạt động dạy và học diễn ra một cách hiệu quả. Trường đã triển khai nhiều các hoạt động nhằm tăng nguồn thu về cho trường như mở rộng các loại hình đào tạo, bồi dưỡng; tăng cường nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, tìm kiếm các nguồn tài trợ từ các dự án trong và ngoài nước. Các nguồn tài chính của trường được quản lý chặt chẽ, hợp lý. Nhà trường đặc biệt chú trọng đến phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ đã tăng nhanh chóng trong các năm vừa qua. Đội ngũ cán bộ của Trường được thường xuyên nâng cao trình độ và đáp ứng tốt yêu cầu công việc.

Tiêu chuẩn 6

HỖ TRỢ DẠY HỌC

Mở đầu

Nhà trường đã tiến hành nhiều biện pháp hỗ trợ dạy học hiệu quả, giúp các giảng viên tập sự và giảng viên mới làm quen với môi trường giáo dục đại học, phát huy chuyên môn và rèn luyện nghiệp vụ. Phát triển đội ngũ là một trong những nội dung quan trọng được xác định trong Chiến lược phát triển của Trường. Bên cạnh việc tuyển dụng mới đội ngũ giảng viên có trình độ cao, Nhà trường thường xuyên xây dựng và triển khai các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chuyên môn, rèn luyện nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên.

Giảng viên Nhà trường được khuyến khích và thể hiện tốt vai trò là người hướng dẫn người học trong học tập, nghiên cứu khoa học cũng như các hoạt động phong trào. Bên cạnh đó, Nhà trường tạo điều kiện tốt nhất về cơ sở vật chất, thời gian và tài chính để giảng viên đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng dạy học, cũng như tạo điều kiện để tham gia, phản biện các vấn đề giáo dục và xã hội với vai trò là nhà khoa học.

Tiêu chí 16. Hỗ trợ, bồi dưỡng giảng viên

1. Mô tả

16.1. Trường có hệ thống hỗ trợ hiệu quả các giảng viên tập sự và giảng viên mới

Nhà trường đã xây dựng phát triển đội ngũ giảng viên đảm bảo thực hiện tốt các CTĐT, bồi dưỡng. Trong những năm qua, Trường đã tuyển dụng được nhiều giảng viên mới có năng lực và đã thực hiện nhiều biện pháp hỗ trợ giảng viên tập sự và giảng viên mới một cách hiệu quả [MC.06.16.01].

Để đáp ứng tốt nhiệm vụ được giao, giảng viên mới tuyển dụng được thực hiện chế độ tập sự theo quy định số 1983/QĐ-ĐHĐN về việc tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc, tập sự và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp. Nhà trường ra Quyết định cử giảng viên có kinh nghiệm hướng dẫn tập sự cho các giảng viên mới [MC.06.16.02]. Trong thời gian tập sự, GV tập sự được hướng dẫn soạn bài giảng, tham gia giờ dạy của các GV có kinh nghiệm và thực hiện các tiết dạy có dự giờ của khoa, bộ môn, quá trình này giúp GV tập sự làm quen với hoạt động dạy học ở đại học [MC.06.16.03]. GV tập sự được ký hợp đồng làm việc, được hưởng 85% mức lương của chức danh nghề nghiệp tương ứng với vị trí việc làm được tuyển dụng. Các khoản phụ cấp khác được hưởng theo quy định của Pháp luật, quy định của Đại học Đà Nẵng và của Trường Đại học Sư phạm [MC.06.16.04].

Các chính sách của Nhà trường mang lại hiệu quả trong việc hỗ trợ GV tập sự, GV mới, kết quả cho thấy tất cả các GV được tuyển dụng đều hoàn thành tập sự đúng

thời hạn. Các GV sau khi tập sự đều đạt mức xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trong các đợt đánh giá, xếp loại viên chức hằng năm [MC.06.16.05].

Hằng năm Trường thường xuyên tổ chức các lớp nghiệp vụ sư phạm đại học dành cho GV tập sự nhằm giúp GV tập sự làm quen với quá trình tổ chức hoạt động dạy học ở môi trường đại học. Các khoá học này trang bị cho GV tập sự khả năng sử dụng hiệu quả các phương pháp dạy học, rèn luyện kỹ năng đứng lớp cho GV, đảm bảo hiệu quả của quá trình dạy học [MC.06.16.06].

Ngoài ra, đối với cán bộ, giảng viên trẻ được cử đi đào tạo sau đại học, thạc sĩ, nghiên cứu sinh; ngoài chế độ quy định của Nhà nước và quy định của ĐHĐN; Nhà trường đã thực hiện chính sách hỗ trợ cho CBGV trẻ vay vốn không tính lãi để phục vụ việc học tập nâng cao trình độ từ nguồn quỹ tự nguyện đóng góp của tất cả CBVC và người lao động trong toàn Trường [MC.06.16.04, MC.06.16.07]. Nhiều CBGV trẻ sau khi được tuyển dụng đã tích cực học ngoại ngữ, đạt được các chứng chỉ quốc tế và xin được các học bổng học tập sau đại học ở nước ngoài. Nhiều cán bộ trẻ đã học xong chương trình sau đại học ở trong và ngoài nước, bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao cho Nhà trường [MC.06.16.08].

16.2. Giảng viên được khuyến khích và thực hiện được vai trò là người hướng dẫn một cách hiệu quả

Bên cạnh hoạt động giảng dạy, giảng viên của Trường còn đảm nhận vai trò cố vấn học tập cho người học, cố vấn học tập có trách nhiệm thông tin đến người học các quy chế, quy định đào tạo hiện hành, tư vấn người học xây dựng kế hoạch học tập hợp lý. GV làm nhiệm vụ cố vấn học tập được tính hệ số tiết tương ứng với 45 tiết/năm học [MC.06.16.04, MC.06.16.09]. Nhờ vào hoạt động tư vấn học tập hiệu quả nên số lượng sinh viên ra trường đúng thời hạn của trường luôn ở mức cao và số lượng sinh viên xếp loại tốt nghiệp hàng năm đạt mức khá và giỏi chiếm tỉ lệ cao [MC.06.16.10].

Trong các đợt kiến tập, thực tập sư phạm, giảng viên hướng dẫn SV làm quen với hoạt động giáo dục phổ thông và nâng cao năng lực giảng dạy, hoàn thiện kỹ năng nghề nghiệp cho người học [MC.06.16.11].

Giảng viên của Nhà trường được giao nhiệm vụ hướng dẫn sinh viên thực hiện các đề tài và được hưởng những quyền lợi theo Quy định về hỗ trợ giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học [MC.06.16.12]. Nhiều sinh viên của Trường đã thực hiện nhiều đề tài NCKH các cấp, có những đề tài có chất lượng đạt nhiều giải cao trong các cuộc thi các cấp [MC.06.16.13].

16.3. Lãnh đạo trường cam kết và triển khai kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên nhằm nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên, gắn với thực tế trong các trường phổ thông

Để thực hiện yêu cầu đổi mới giảng dạy gắn với thực tế trong các trường phổ thông, Nhà trường chủ trương triển khai kế hoạch, tổ chức bồi dưỡng thường xuyên

nhằm phát triển năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên. Trường luôn luôn tạo điều kiện về thời gian và hỗ trợ kinh phí để đội ngũ giảng viên được tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ như giảng dạy, NCKH trong và ngoài nước [MC.06.16.14].

Nhà trường có chiến lược phát triển đội ngũ thể hiện định hướng và cam kết của Nhà trường trong việc triển khai bồi dưỡng và nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ GV [MC.06.16.14].

Trong 5 năm qua, Nhà trường đã mở các lớp tập huấn bồi dưỡng về chuyên môn, phương pháp dạy học tích cực để nâng cao chất lượng giảng dạy cho đội ngũ GV, tăng cường năng lực chuyên môn gắn với thực tế trong các trường đại học sư phạm và các trường phổ thông [MC.06.16.06]. Trường cũng đã xây dựng quy hoạch đào tạo đội ngũ; cử hàng trăm lượt cán bộ quản lý và GV đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước [MC.06.16.15]. Những đợt tập huấn này đã giúp nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm của đội ngũ giảng viên, từ đó giúp nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Trong các đợt kiến tập, thực tập sư phạm của giáo sinh, giảng viên bộ môn phương pháp tham gia hướng dẫn kiến tập và thực tập sư phạm. Qua quá trình hướng dẫn kiến tập, thực tập sư phạm; giảng viên được tiếp xúc thực tế với các vấn đề giáo dục phổ thông. Cuối các đợt thực tập sư phạm Nhà trường đều tổ chức hội nghị tổng kết công tác thực tập, đây là cơ hội để Nhà trường tiếp thu những yêu cầu về đổi mới giáo dục phổ thông từ đó có những điều chỉnh trong việc thực hiện chương trình và bồi dưỡng cán bộ, GV một cách phù hợp [MC.06.16.16].

Trường áp dụng mô hình thực tập sư phạm vệ tinh và khuyến khích GV tham gia dự giờ tiết dạy của giáo viên phổ thông cũng như thực hiện các tiết dạy tại các trường phổ thông giúp GV có điều kiện tìm hiểu, trao đổi hoạt động chuyên môn với các giáo viên phổ thông. Việc thực tập theo hình thức trường thực hành vệ tinh giúp SV sớm được trải nghiệm thực tế về môi trường giáo dục phổ thông [MC.06.16.17].

16.4. Trường hỗ trợ giảng viên sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy thích hợp, đặc biệt là các phương pháp thực nghiệm trong các chương trình bồi dưỡng thường xuyên

Nhà trường đặc biệt chú trọng tới hoạt động đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên và có nhiều biện pháp hỗ trợ GV trong việc đa dạng hóa phương pháp giảng dạy và sử dụng những phương pháp giảng dạy mới nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động giảng dạy.

Trường thường xuyên tổ chức các khoá tập huấn, cử GV tham gia các khoá bồi dưỡng về đổi mới PPDH, soạn bài giảng điện tử, sử dụng hiệu quả các PPDH tích cực giúp GV giúp giảng viên nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ [MC.06.16.06].

Để hoạt động đổi mới PPDH đạt hiệu quả, Nhà trường chú trọng phát triển hệ thống cơ sở vật chất, các trang thiết bị dạy học trực quan giúp GV dạy học theo phương

pháp thực nghiệm một cách hiệu quả. Trường đầu tư thư viện điện tử, các phòng tự học ở ký túc xá, phủ sóng wireless, các phòng máy tính được cài đặt các phần mềm chuyên dụng dạy học cho các chuyên ngành phục vụ hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy của giảng viên [MC.06.16.18].

Trường tiến hành định kỳ đánh giá thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nhằm xây dựng phương án đầu tư cơ sở vật chất hỗ trợ hoạt động dạy học thực nghiệm của GV [MC.06.16.19].

Đối với các CTĐT, đặc biệt là các chương trình bồi dưỡng GV chú trọng sử dụng phương pháp thực nghiệm giúp người học tự tìm hiểu và chiếm lĩnh tri thức, việc đánh giá người học thường được tiến hành qua các bài tiểu luận, bài tập lớn hoặc các yêu cầu thực hiện nhiệm vụ giáo dục [MC.06.16.20].

Định kỳ, Nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV qua đó giúp Nhà trường đánh giá hiệu quả sử dụng các phương pháp giảng dạy của GV. Kết quả khảo sát cho thấy GV sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy và được sinh viên đánh giá cao [MC.06.16.21].

16.5. Trường cung cấp các cơ hội chuyên nghiệp hoá đội ngũ giảng viên để đáp ứng các nhu cầu đặc biệt, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm

GV được Nhà trường hỗ trợ trong việc phát triển chuyên môn, được tạo cơ hội để chuyên nghiệp hoá nghề nghiệp và tham gia vào các vấn đề giáo dục, xã hội.

Nhà trường có chính sách phát triển đội ngũ hợp lý, phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường. Bên cạnh việc tuyển dụng GV có năng lực chuyên môn cao, Nhà trường chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ hiện có [MC.06.16.06, MC.06.16.15].

Hàng năm, Trường cử nhiều CBGV tham gia các khoa đào tạo sau đại học ở trong và ngoài nước. Trường hỗ trợ giảng viên kinh phí để tham gia các tập huấn, hội nghị về các vấn đề giáo dục, đổi mới giáo dục, các vấn đề xã hội hoá giáo dục. Bên cạnh đó GV Nhà trường được tạo điều kiện tham gia các dự án, đề án về đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, nâng cao hiệu quả quản lý công tác giáo dục phổ thông [MC.06.16.06, MC.06.16.15].

Giảng viên của Trường tích cực tham gia hướng dẫn người học trong các hoạt động kiến tập và thực tập, qua đó GV có được cái nhìn toàn diện về giáo dục phổ thông từ đó đề xuất điều chỉnh hoạt động giáo dục một cách thích hợp. Kết thúc các đợt kiến tập, thực tập sư phạm, Nhà trường đều tổ chức rút kinh nghiệm thông qua các hội nghị tổng kết thực tập sư phạm, đây là dịp để Nhà trường và các GV đánh giá hiệu quả của việc tìm hiểu môi trường giáo dục phổ thông và có những điều chỉnh nhằm mục đích nâng cao hiệu quả [MC.06.16.22].

Giảng viên cũng được tạo điều kiện tham gia các vấn đề xã hội, giáo dục và thời sự như: Bảo tồn bán đảo Sơn trà, các chương trình bảo tồn linh trưởng thế giới; Tham gia tư vấn tâm lý trẻ tự kỷ; Bồi dưỡng Olympic Toán quốc tế [MC.06.16.23].

2. Điểm mạnh

- GV tập sự được Nhà trường, các khoa chuyên môn tạo điều kiện trong việc nâng cao chuyên môn, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, hoàn thành tập sự đúng thời hạn và thực hiện các CTĐT, bồi dưỡng hiệu quả. Nhiều GV có năng lực ngoại ngữ tốt.

- Trường có chính sách phát triển đội ngũ hợp lý, gắn với sứ mạng của Nhà trường, nhiều biện pháp hiệu quả được Nhà trường thực hiện để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực của đội ngũ GV, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học giáo dục.

3. Điểm tồn tại

- Chỉ một số GV bộ môn phương pháp dạy học tham gia hướng dẫn SV trong các đợt kiến tập, thực tập, phần lớn cán bộ giảng dạy tham gia các CTĐT chưa có nhiều cơ hội tiếp xúc, tìm hiểu môi trường giáo dục phổ thông.

- Nhà trường chưa xây dựng được quỹ phát triển đội ngũ nhằm mục đích hỗ trợ GV trẻ trong việc học tập và phát triển chuyên môn một cách hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	- 100% giảng viên tập sự và giảng viên mới được đào tạo đặc biệt trong nước và quốc tế để nâng cao năng lực chuyên môn. - 100% cán bộ tập sự đáp ứng được yêu cầu chuyên môn sau một năm	P. TC-HC Các khoa	Tháng 9/2017	Năm 2021
2		Số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ chuyên ngành giáo dục tăng lên trên 60 người.	P. TC-HC Các khoa	Tháng 9/2017	Năm 2021
3		- 10% giảng viên đạt trình độ C1 - 20% giảng viên đạt trình độ B2 - 70% giảng viên đạt trình độ B1	P. TC-HC Các khoa	Tháng 9/2017	Năm 2021
3	Khắc phục tồn tại	Xây dựng và áp dụng quy định về việc tìm hiểu giáo dục phổ thông, tham gia hướng dẫn SV kiến tập và thực tập sư phạm ở trường phổ thông dành cho GV.	P. TC-HC P. Đào tạo	Tháng 9/2017	Năm 2021

		- Giáo viên, học sinh có thể theo dõi các bài học ở trường thông qua hệ thống trực tuyến. - Có ít nhất 12 bài học kiến tập và nghiên cứu thông qua hệ thống trực tuyến sẽ được tiến hành và chia sẻ với các trường khác mỗi năm.			
4		Mở rộng quy mô các trường thực tập sư phạm về tinh, tăng cường hoạt động tìm hiểu môi trường giáo dục, hướng dẫn kiến tập, thực tập của GV.	P. TC-HC P. Đào tạo	Tháng 9/2017	Tháng 12/2018
5		Trích lập quỹ phát triển đội ngũ từ các nguồn thu hợp pháp ngoài ngân sách	P. KHTC P. TC-HC	Tháng 9/2017	Tháng 12/2018

5. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 16	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 16.1				4			
Chỉ số 16.2				4			
Chỉ số 16.3				4			
Chỉ số 16.4				4			
Chỉ số 16.5				4			
Điểm TB của tiêu chí	4.0						

Tiêu chí 17. Đánh giá và công nhận giảng viên

1. Mô tả

17.1. Trường có chính sách đánh giá giảng viên một cách chính xác, công khai và minh bạch

Đánh giá giảng viên được Nhà trường xác định là công cụ đảm bảo chất lượng dạy học, đào tạo. Nhà trường thường xuyên tiến hành đánh giá GV nhằm giúp GV có thông tin phản hồi về hoạt động dạy học và các công tác khác qua đó có những điều chỉnh hoạt động dạy học, cải tiến nâng cao chất lượng dạy học và chất lượng đào tạo tại Trường.

Nhà trường tiến hành đánh giá GV thông qua nhiều nguồn thông tin khác nhau: Đánh giá năng lực chuyên môn, nghiệp vụ thông qua việc tổ chức các tiết dạy có dự giờ chuyên môn đối với giảng viên tập sự và giảng viên mới; Khảo sát ý kiến phản hồi của SV về hiệu quả tổ chức hoạt động dạy học của GV và đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức hằng năm [MC.06.17.01]. Thông qua các hoạt động đánh giá, kết quả đánh giá

được phản hồi trực tiếp đến GV thông qua các ý kiến nhận xét, các báo cáo đánh giá là căn cứ giúp GV có những điều chỉnh để nâng cao chất lượng dạy học nói riêng và chất lượng đào tạo tại Trường nói chung [MC.06.17.02].

Đối với các GV trẻ, Nhà trường yêu cầu trong vòng 03 năm kể từ ngày ký hợp đồng làm việc phải đạt đầu vào nghiên cứu sinh để được tiếp tục ký hợp đồng làm việc [MC.06.17.03].

Việc sử dụng nhiều kênh thông tin khác nhau giúp đánh giá năng lực GV một cách chính xác. Kết quả đánh giá phản ánh đúng năng lực của GV, được GV thừa nhận và dùng làm căn cứ để điều chỉnh hoạt động dạy học, nâng cao chuyên môn của GV phù hợp. Các hoạt động đánh giá GV được tiến hành công khai trong toàn Trường, kế hoạch và kết quả đánh giá xếp loại cán bộ viên chức được thông báo rộng rãi đến toàn bộ viên chức, đảm bảo tính minh bạch và công khai của kết quả đánh giá [MC.06.17.04]. Kết quả khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV được thông báo đến từng GV và cán bộ quản lý các cấp cũng đảm bảo tính công khai và minh bạch của hoạt động đánh giá [MC.06.17.05].

Các quy định về đánh giá, nội dung đánh giá, hình thức đánh giá GV được Nhà trường công khai rộng rãi trong toàn bộ CBVC, các hoạt động đánh giá được thực hiện công khai, đảm bảo tính minh bạch và công bằng. CBGV giữ nhiệm vụ quản lý được đánh giá với các tiêu chí mang tính chất đặc thù công việc đảm bảo tính chính xác của các kết quả đánh giá [MC.06.17.06]. Trên cơ sở kết quả đánh giá, Nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn một cách phù hợp, giúp GV hoàn thiện về chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng [MC.06.17.07, MC.06.17.08].

Nội dung, hình thức đánh giá dành cho GV thường xuyên được rà soát, điều chỉnh phù hợp với thực tế Nhà trường giúp đánh giá xác thực về thực trạng, năng lực đội ngũ GV [MC.06.17.09].

17.2. Trường có cơ chế công nhận, đãi ngộ thành tích của giảng viên, khuyến khích các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học

Trường có quy định rõ ràng trong việc đánh giá, công nhận năng lực và khuyến khích GV trong các hoạt động dạy học và nghiên cứu khoa học.

Nhà trường tiến hành đánh giá và xếp loại cán bộ viên chức hằng năm, tùy theo hiệu quả các công việc được giao mà GV được đánh giá và xếp loại từ “không hoàn thành nhiệm vụ” đến “hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” [MC.06.17.010]. Kết quả xếp loại viên chức hằng năm được sử dụng để tính hệ số lương tăng thêm như là một cơ chế để khuyến khích toàn bộ GV Nhà trường hoàn thành trách nhiệm giảng dạy và nghiên cứu khoa học với chất lượng cao nhất [MC.06.17.11].

Để khuyến khích GV thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, Nhà trường quy định khối lượng giờ chuẩn dành cho GV toàn Trường trong một học kỳ, những GV đạt đủ số lượng

giờ chuẩn sẽ được nhận thêm phụ cấp ưu đãi bằng 40% lương, phần giờ giảng vượt định mức giờ chuẩn cũng được Nhà trường thanh toán với mức chi là 70.000 đồng cho một tiết giảng [MC.06.17.12].

Nghiên cứu khoa học của GV cũng là một nội dung được Nhà trường khuyến khích. Nhà trường có quy định các GV tham gia thực hiện các CTĐT phải tiến hành nghiên cứu khoa học với giờ định mức quy đổi tương ứng với 600 giờ/năm, những GV thực hiện đủ định mức nghiên cứu khoa học được cộng thêm phần điểm thưởng do hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong quá trình đánh giá và xếp loại viên chức hằng năm. Nhà trường đã ban hành Quy định về khen thưởng hoạt động khoa học công nghệ thường niên theo quyết định số 213/QĐ-ĐHSP vào ngày 07 tháng 3 năm 2017 làm căn cứ để khen thưởng, khuyến khích các GV có thành tích NCKH tốt [MC.06.17.13, MC.06.17.14].

Hằng năm, những GV đạt thành tích cao trong việc nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ được Nhà trường tuyên dương và trao thưởng. Trong lễ kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20 tháng 11, những cán bộ GV vừa bảo vệ thành công luận án tiến sĩ hoặc được phong hàm phó giáo sư, giáo sư được Lãnh đạo Nhà trường tuyên dương và trao thưởng cho những thành tích mà GV đạt được [MC.06.17.15].

Các chính sách về đánh giá, công nhận năng lực của GV thường xuyên được rà soát và điều chỉnh, việc đánh giá và công nhận năng lực không chỉ nhằm mục đích xếp loại GV mà còn mang tính khuyến khích cao để GV hoàn thành các nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học được Nhà trường giao phó [MC.06.17.16].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đánh giá năng lực GV một cách hệ thống với nhiều nguồn thông tin khác nhau. Kết quả đánh giá thể hiện chính xác năng lực của GV.

- Kết quả đánh giá đảm bảo tính chính xác, được GV thừa nhận và dùng làm căn cứ để điều chỉnh hoạt động dạy học.

- Chính sách đánh giá và công nhận GV có tính khuyến khích GV tham gia các công việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học, thu hút GV tham gia và hoàn thành các nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

- Nguồn kinh phí khuyến khích GV của Trường còn hạn chế.

- Trường chưa có hệ thống theo dõi sự cải tiến của giảng viên sau đánh giá, chưa giám sát được sự điều chỉnh của GV căn cứ trên các kết quả đánh giá.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành

1	Phát huy điểm mạnh	Nghiên cứu, xây dựng hệ thống khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về GV, tích hợp các công cụ xử lý số liệu, báo cáo kết quả khảo sát vào hệ thống. Xây dựng 01 công cụ đánh giá mới và các thủ tục đánh giá với ý kiến đóng góp từ tư vấn quốc tế và phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia. 100% giảng viên hàng năm sẽ được đánh giá bằng công cụ đánh giá mới từ năm 2019 trở đi.	P. KT&ĐBC LGD	Tháng 9/2017	Năm 2020
2		Thu nhập của giảng viên, theo các tiêu chí dựa trên kết quả thực hiện liên quan đến nghiên cứu và kết quả giảng dạy, tăng ít nhất 5-7% mỗi năm	Nhà trường	Tháng 9/2017	Năm 2021
3	Khắc phục tồn tại	Trích lập quỹ thi đua khen thưởng thường niên từ các nguồn kinh phí hợp pháp ngoài ngân sách cho các hoạt động thi đua, khen thưởng và khuyến khích GV.	P. KHTC P. TC-HC	Tháng 9/2017	Tháng 9/2018
4		Xây dựng cơ sở dữ liệu về đánh giá và công nhận GV, tạo giải pháp giám sát sự cải tiến của GV trên các kết quả đánh giá.	P. TC-HC P. KT&ĐBC LGD	Tháng 9/2017	Tháng 9/2018

5. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 17	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 17.1				4			
Chỉ số 17.2				4			
Điểm TB của tiêu chí	4.0						

Kết luận tiêu chuẩn 6:

Chất lượng giảng viên một trong những nhân tố quyết định chất lượng đào tạo của Nhà trường. Nhà trường đã có nhiều biện pháp để hỗ trợ giảng viên về nhiều mặt từ tài chính, thời gian và các nguồn lực để giảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Các giảng viên từ khi mới vào Trường được các giảng viên lâu năm của Trường hướng dẫn chỉ bảo. Giảng viên của Trường thường xuyên tham gia các khóa tập huấn, các hội thảo để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Bên cạnh các hoạt động chuyên môn, GV của Nhà trường còn được khuyến khích tham gia các hoạt động xã hội với tư cách là các nhà khoa học tham gia phản biện, đóng góp chính sách cho các vấn đề kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước. Trường có cơ chế đánh giá công bằng khách quan và có chính sách khen thưởng, phê bình kịp thời.

Các hoạt động hỗ trợ giảng viên của Nhà trường đã có tác động tích cực. Số lượng và chất lượng giảng viên của Trường ngày càng được nâng cao, giảng viên tâm huyết với nghề và cam kết gắn bó và phấn đấu để đưa Nhà trường ngày càng phát triển.

Tiêu chuẩn 7

HỖ TRỢ HỌC TẬP

Nhà trường luôn xác định người học là đối tượng trung tâm trong các hoạt động. Để đảm bảo đạt được mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội, ngay từ khi nhập học, Nhà trường đã hướng dẫn đầy đủ cho sinh viên về chương trình, quy chế đào tạo; sinh viên được tư vấn và đảm bảo đúng và đủ các chế độ, chính sách do Nhà nước quy định; được tạo điều kiện tốt về rèn luyện chính trị, tư tưởng và tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, TDTT; được đảm bảo an toàn trong trường học; được thụ hưởng nhiều biện pháp hỗ trợ trong học tập và được tư vấn tuyển dụng, việc làm sau khi ra trường.

Tiêu chí 18. Tuyển sinh và hỗ trợ người học

1. Mô tả

18.1. Quy trình tuyển sinh cho các chương trình đào tạo và bồi dưỡng được thông báo công khai, được thực hiện công bằng và minh bạch.

Hàng năm, Trường xây dựng đề án tuyển sinh theo yêu cầu của Bộ GDĐT, các chính sách tuyển sinh đều hướng tới thực hiện sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, hoạt động tư vấn tuyển sinh tập trung chủ yếu tại các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên. Trường xây dựng, công bố đề án tuyển sinh và thực hiện đúng theo đề án, tuân thủ tuyệt đối các quy định của Bộ GDĐT về chỉ tiêu, ngành học cũng như các chế độ ưu tiên. Ngoài ra, Trường còn xây dựng các chính sách hỗ trợ cho tân sinh viên như tuyển thẳng, tặng học bổng cho tân sinh viên điểm cao (từ 27 điểm trở lên), miễn phí nội trú, giới thiệu học bổng [MC.07.18.01].

Trường xây dựng một website riêng về tuyển sinh, các thông tin tuyển sinh về sau đại học, đại học, vừa học vừa làm, bồi dưỡng ngắn hạn đều được công khai trên web để người học có thể dễ dàng tìm hiểu. Trường cử 2 cán bộ thường xuyên trực và tư vấn trực tuyển cũng như qua điện thoại cho người học có nhu cầu. Hàng năm, Trường đều tổ chức các đoàn tư vấn về các Trường THPT để giới thiệu, quảng bá và tư vấn trực tiếp cho thí sinh [MC.07.18.02].

18.2. Các thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, bồi dưỡng, chương trình môn học và việc tổ chức thực hiện phải rõ ràng, đầy đủ và dễ tìm.

Các thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, bồi dưỡng, chương trình môn học được cung cấp đầy đủ cho sinh viên ngay từ những ngày đầu nhập học thông qua tuần sinh hoạt công dân của Trường và giao lưu gặp gỡ tân sinh viên của các khoa. Các thông tin này còn được đăng tải trên các website của phòng Đào tạo giúp sinh viên dễ dàng tra cứu, tìm kiếm [MC.07.18.03].

18.3. Trường có các chương trình hỗ trợ và tư vấn cho những người học có vấn đề khó khăn trong học tập, chậm tiến bộ, người học thuộc các nhóm thiệt thòi, dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và người nước ngoài.

Người học có vấn đề khó khăn trong học tập/chậm tiến bộ, người học thuộc các nhóm thiệt thòi, dân tộc thiểu số, vùng khó khăn là đối tượng luôn được nhà Trường quan tâm, chăm sóc. Trường thực hiện tốt các chế độ chính sách dành cho người học, không có trường hợp bị sai sót. Đối với SV khuyết tật theo học tại Trường thì lớp học tập luôn được ưu tiên bố trí cho phù hợp với điều kiện học tập của sinh viên đó, ngoài ra các em còn được ưu tiên ở nội trú trong KTX Nhà trường [MC.07.18.04].

Những SV có hoàn cảnh khó khăn được Nhà trường và các tổ chức Đoàn thể quan tâm, hỗ trợ như: Giới thiệu việc làm thêm, giới thiệu dự xét và nhận các học bổng ngoài ngân sách (ước tính 1,2 - 1,5 tỉ/năm) giúp cho nhiều SV có hoàn cảnh khó khăn yên tâm theo học. Trường cũng tiến hành thu học phí thành nhiều đợt trong học kỳ nhằm tạo điều kiện cho SV khó khăn có thể hoàn thành quy định về đóng học phí. Để hỗ trợ thêm điều kiện học tập cho SV, Nhà trường đã ủy quyền cho Phòng Công tác SV thực hiện thường xuyên công tác làm thủ xác nhận tục vay vốn tín dụng giáo dục cho SV, đảm bảo cho 100% SV thuộc đối tượng vay vốn được làm đúng thủ tục tại Trường [MC.07.18.05] .

Đoàn Thanh niên Trường tổ chức chương trình đôi bạn cùng tiến nhằm hỗ trợ các sinh viên người Lào học tập tốt hơn các môn chuyên ngành do các bạn chưa hiểu hết được ngôn ngữ chuyên môn [MC.07.18.06].

Định kỳ mỗi học kỳ 1 lần, Nhà trường tổ chức các buổi tiếp xúc với đại diện SV các lớp, các chi đoàn để lắng nghe ý kiến của SV, từ đó có những biện pháp điều chỉnh thích hợp nhằm tìm ra các biện pháp hỗ trợ tốt hơn cho SV [MC.07.18.07].

18.4. Trường công khai thông tin về lộ trình học tập, các chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ trong đào tạo liên thông giữa các ngành học với nhau và giữa các trường đại học trong và ngoài nước.

Các thông tin về ngành học, chương trình học, sự liên thông giữa các môn học, môn học tiên quyết, bắt buộc và tự chọn được cung cấp đầy đủ cho sinh viên ngay từ ngày đầu nhập học và SV còn thường xuyên được tư vấn bởi cố vấn học tập và các đơn vị chức năng trong nhà trường. SV còn có thể tìm kiếm các thông tin này trên website của phòng Đào tạo. Trường đã làm tốt công tác này thể hiện qua số lượng sinh viên đăng ký học chương trình 2 tại trường ngày càng tăng [MC.07.18.08].

Ngoài việc được cung cấp đầy đủ các văn bản, hướng dẫn cụ thể liên quan đến kế hoạch và tập và đăng ký tín chỉ thông qua hệ thống thông tin của nhà trường (website phòng Đào tạo), các buổi sinh hoạt công dân đầu năm, đầu khóa và các buổi đối thoại với sinh viên hàng kỳ; Nhà trường còn bố trí mỗi lớp sinh hoạt của SV có một giáo viên chủ nhiệm kiêm cố vấn học tập. Cố vấn học tập có nhiệm vụ tư vấn, hướng dẫn và cùng xây dựng lộ trình học tập cho SV, hướng dẫn SV đăng ký tín chỉ, lựa chọn các học phần

bắt buộc, học phần tiên quyết và các học phần tự chọn. Những việc làm này đã giúp cho SV của Trường hoàn thành tốt công việc đăng ký tín chỉ và học tập của mình, tỉ lệ SV tốt nghiệp trước hạn ngày càng tăng, số lượng sinh viên tốt nghiệp muộn chiếm tỉ lệ thấp so với các trường đại học khác [MC.07.18.09] .

18.5. Trường cung cấp các dịch vụ tư vấn về kế hoạch học tập, lựa chọn học phần, hướng nghiệp và hỗ trợ sau tốt nghiệp cho người học.

Thông qua các buổi sinh hoạt công dân đầu năm, đầu khóa và các hoạt động phong trào đoàn thể, Nhà trường luôn mời các chuyên gia về tham gia chia sẻ, hướng dẫn và tạo động lực cho sinh viên trong vấn đề hướng nghiệp, khởi nghiệp. SV được giới thiệu địa điểm làm thêm, thực tập nghề nghiệp nhằm trau dồi thêm khả năng làm việc sau tốt nghiệp. Nhà trường thường xuyên làm việc với các đơn vị sử dụng lao động nhằm tạo điều kiện cho sinh viên kiến tập, thực tập cũng như định hướng nghề nghiệp [MC.07.18.10].

Nhà trường đã thành lập Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp, đang xúc tiến thành lập Trung tâm tư vấn tâm lý và hướng nghiệp cho SV, với mong muốn chuẩn hóa công tác tư vấn tâm lý và hướng nghiệp trong thời gian tới [MC.07.18.11].

Nhà trường thường xuyên liên lạc với sinh viên sau khi tốt nghiệp nhằm tìm hiểu về tình hình việc làm, cũng như khảo sát các ý kiến của cựu sinh viên. Đối với những sinh viên chưa có việc làm, Nhà trường thường xuyên gửi các thông tin tuyển dụng qua email của sinh viên, Ngoài ra, Trường thường xuyên tiếp nhận các thông tin tuyển dụng từ doanh nghiệp và đăng trên website của Phòng Công tác sinh viên và trang fanpage giới thiệu việc làm của Trường [MC.07.18.12].

2. Điểm mạnh

- Trường và ĐHĐN đã tổ chức tuyển sinh theo đúng quy định, đảm bảo công khai minh bạch, khách quan, lựa chọn được đúng những thí sinh có năng lực vào học tại Trường.

- Việc quảng bá tuyển sinh được thực hiện rộng rãi với nhiều hình thức khác nhau giúp người học dễ dàng nắm bắt được thông tin của Nhà trường.

- Người học được hỗ trợ và tư vấn thường xuyên, đầy đủ khi theo học tại Trường.

- Các loại hình hỗ trợ sinh viên của Trường đa dạng, phù hợp với nhiều đối tượng người học khác nhau.

- Thông tin được cung cấp qua nhiều kênh khác nhau, giúp người học có thể nắm bắt đầy đủ.

3. Điểm tồn tại

- Công tác hỗ trợ việc làm cho sinh viên sau tốt nghiệp chưa đáp ứng được hết yêu cầu của sinh viên tốt nghiệp.

- Công tác tư vấn hướng nghiệp chưa thực sự hiệu quả như mong muốn của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tìm kiếm các học bổng ngoài ngân sách nhằm hỗ trợ tốt hơn cho người học (1,5 tỉ/năm)	Phòng Công tác sinh viên	2017	2021
2		Hoàn thiện các trang thông tin phục vụ người học mang tính chuyên nghiệp, đa dạng kết nối (Máy tính, tablet, mobile, tin nhắn tự động)	Tổ Truyền thông	2017	2018
3	Khắc phục tồn tại	Kiện toàn nhân sự của Trung tâm HTSV và QHDN, xây dựng kế hoạch chi tiết về việc tổ chức các hoạt động giới thiệu việc làm. Thành lập bộ phận tiếp nhận thông tin và giới thiệu việc làm	Trung tâm HTSV & QHDN	2017	2018
4		Thành lập trung tâm tư vấn tâm lý và hướng nghiệp cho người học.	Phòng Tổ chức Hành chính	2018	2020

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 18	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 18.1				4			
Chỉ số 18.2				4			
Chỉ số 18.3			3				
Chỉ số 18.4				4			
Chỉ số 18.5				4			
Điểm TB của tiêu chí	3.8						

Tiêu chí 19. Đánh giá và công nhận kết quả học tập

1. Mô tả

19.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo tính chính xác, công bằng, minh bạch, phù hợp với mục tiêu học tập và chuẩn đầu ra.

Hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được Nhà trường thực hiện và tuân thủ đúng theo quy định của Bộ Giáo dục Đào tạo và Đại học Đà Nẵng [MC.07.19.01]. Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định cụ thể để triển khai thực hiện hoạt động đào tạo cũng như kiểm tra đánh giá phù hợp với bối cảnh của Nhà trường và cho từng loại hình đào tạo. Cụ thể, Nhà trường đã ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học và cao đẳng, hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quy định thực hiện Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hình thức Vừa làm vừa học của Trường; Quy định về đào tạo Thạc sĩ tại Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng; Quy định về công tác tổ chức thi kết thúc học phần hệ đại học chính quy. Trên cơ sở những quy định này, Nhà trường triển khai các hoạt động kiểm tra đánh giá theo đúng quy trình và đảm bảo tính chính xác công bằng và khách quan [MC.07.19.02].

Hiện nay, Nhà trường đánh giá kết quả học tập của sinh viên bằng cả hai loại hình là đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết. Tùy theo tính chất của học phần, điểm của học phần được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần. Mỗi học phần phải đảm bảo có đủ các điểm bộ phận: Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, seminar, thực hành trọng số là 0,4 (tách ra 0,1+0,1+0,2 hoặc 0,2+0,2 hoặc 0,4 tùy theo giảng viên), điểm thi kết thúc học phần có trọng số bắt buộc là 0,6 [MC.07.19.03].

Trường đã thực hiện đa dạng hóa loại hình kiểm tra đánh giá. Các hình thức kiểm tra đánh giá bao gồm: tự luận, trắc nghiệm khách quan, tiểu luận, đồ án môn học, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp, báo cáo thực tế chuyên môn hoặc kết hợp các loại hình kiểm tra đánh giá [MC.07.19.04]. Để đảm bảo tính tính xác, công bằng và minh bạch; Nhà trường đã quy định rõ ràng về quy trình ra đề thi, tổ chức thi cho các loại hình đào tạo của Trường. Các đề thi được xây dựng trên cơ sở ma trận đề thi đã được các bộ môn xây dựng và phê duyệt. Việc xây dựng ma trận đề thi đảm bảo nội dung các đề thi đúng trọng tâm, nằm trong khu vực của học phần và đáp ứng chuẩn đầu ra, mục tiêu của học phần. Ma trận đề thi được xây dựng dựa trên nội dung chi tiết của học phần và mức độ năng lực nhận thức theo thang Bloom từ mức độ nhận thức bậc thấp đến mức độ nhận thức bậc cao. Các đề thi đều được làm theo mẫu quy định và được trưởng bộ môn duyệt trước khi thi [MC.09.19.05]. Hoạt động khảo thí được Nhà trường tách ra khỏi hoạt động đào tạo, các bài thi đều được cất phách trước khi chuyển giảng viên chấm. Sinh viên có thắc mắc về điểm thi được phúc khảo bài thi [MC.09.19.06]. Để đảm bảo tính khách quan, Trường tổ chức thanh tra, kiểm tra hoạt động tổ chức thi vào cuối mỗi học kỳ. Kết quả kiểm tra cho thấy việc tổ chức thi thực hiện theo đúng quy trình và đảm bảo chính xác và khách quan [MC.09.19.07].

Các quy định về đào tạo và kiểm tra đánh giá được Nhà trường phổ biến tới sinh viên qua nhiều kênh khác nhau: thông qua các buổi học tập chính trị đầu khóa, đầu năm học; thông qua cố vấn học tập. Trong buổi học đầu tiên của học phần, giảng viên thông báo cho sinh viên về cách thức kiểm tra đánh giá. Các quy định về đào tạo, kiểm tra đánh giá cũng được nhà trường đưa lên website giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận [MC.09.19.08]. Nhờ vậy, sinh viên nắm rõ được quy định và thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà trường [MC.09.19.09].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến của sinh viên về hoạt động giảng dạy và sinh viên sắp tốt nghiệp về khóa học trong đó có hoạt động kiểm tra đánh giá. Kết quả cho thấy, đại đa số sinh viên (trên 95%) hài lòng về hoạt động kiểm tra đánh giá, cho rằng phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá là công bằng và khách quan [MC.09.19.10].

19.2. Việc công nhận năng lực của người học trong các chương trình đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên, trong đó có năng lực giảng dạy và sử dụng công nghệ thông tin, phù hợp với kết quả đánh giá.

Hoạt động đào tạo của Nhà trường thực hiện theo học chế tín chỉ. Sinh viên hệ đào tạo đại học chính quy của Trường được công nhận đạt năng lực để có thể tốt nghiệp phải tích lũy đủ 135 tín chỉ trong đó phải hoàn thành tất cả các tín chỉ bắt buộc (chưa tính đến các điều kiện về chương chỉ giáo dục quốc phòng, chuẩn đầu ra tin học và ngoại ngữ). Chương trình đào tạo của Nhà trường được thiết kế để mỗi học phần sẽ đáp ứng một hoặc một số chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và sinh viên sau khi hoàn thành đủ các tín chỉ theo quy định sẽ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo [MC.09.19.11]. Đối với hệ vừa làm vừa học, sinh viên hoàn thành hết các học phần trong chương trình đào tạo sẽ tham gia làm khóa luận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp và nếu đạt yêu cầu trong kỳ thi tốt nghiệp sẽ được xét và công nhận tốt nghiệp [MC.09.19.12].

Đối với các ngành sư phạm, năng lực giảng dạy là yếu tố đặc biệt quan trọng. Trong chương trình đào tạo các ngành sư phạm của Trường, các học phần về kiến thức và kỹ năng sư phạm chiếm tỷ trọng lớn trên 30% tổng số tín chỉ. Các học phần rèn luyện kỹ năng sư phạm sử dụng kết hợp nhiều hình thức kiểm tra đánh giá trong đó phương pháp thực hành luôn được sử dụng để xác định năng lực giảng dạy của sinh viên [MC.09.19.13]. Ngoài việc đánh giá năng lực giảng dạy của sinh viên bằng các học phần ở Trường; sinh viên còn được đánh giá bởi các giáo viên phổ thông thông qua hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm tại các trường phổ thông [MC.09.19.14].

Trường đang áp dụng mô hình thực tập vệ tinh, nhờ đó sinh viên được tiếp xúc với môi trường giảng dạy ở trường phổ thông từ rất sớm (học kỳ 1, năm thứ 3). Việc đánh giá năng lực sư phạm của sinh viên qua thực tập mang tính toàn diện bao gồm đánh giá về năng lực giảng dạy, năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục, năng lực tìm hiểu

đối tượng giáo dục, năng lực làm giáo viên chủ nhiệm và được đánh giá từ đầu học kỳ 6 của khóa học [MC.09.19.15].

Nhà trường đã xây dựng chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ cho tất cả các ngành và đưa kỹ năng tin học, ngoại ngữ vào CTĐT. Điều kiện để sinh viên tốt nghiệp là phải đạt chuẩn ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực Việt Nam, đạt chuẩn tin học cơ bản và tin học chuyên ngành [MC.09.19.16].

2. Điểm mạnh

- Hoạt động kiểm tra đánh giá của Trường được thực hiện chính xác, công bằng, minh bạch.

- Trường đã phân tích kết quả thi làm căn cứ để đánh giá chất lượng đề thi của giảng viên.

3. Điểm tồn tại

- Trường chưa xây dựng được nhiều ngân hàng đề thi được chuẩn hóa để phục vụ hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học.

- Phương pháp kiểm tra đánh giá trong đánh giá kết thúc học phần theo hình thức tự luận vẫn chiếm đa số; các loại hình kiểm tra khác vẫn còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
1	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức xây dựng thêm 20 ngân hàng câu hỏi chuẩn hóa của 20 học phần.	Các khoa	2017	2021
2		Trang bị và vận hành hiệu quả phần mềm quản lý ngân hàng câu hỏi thi	Phòng ĐT, Khảo thí & ĐBCL, Các khoa	2017	2019
3	Khắc phục tồn tại	Sử dụng ngân hàng câu hỏi thi được chuẩn hóa như một công cụ học tập của sinh viên.	Các khoa	2017	2021

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 19	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 19.1				4			
Chỉ số 19.2				4			
Điểm TB của tiêu chí	4.0						

Tiêu chí 20. Các hoạt động ngoại khóa

1. Mô tả

20.1. Trường khuyến khích người học thực hành, tham gia vào các hoạt động văn hóa, xã hội, thể dục thể thao nhằm hỗ trợ cải tiến chất lượng giáo dục và phát triển năng lực giảng dạy.

Nhà trường luôn tạo điều kiện cho người học có điều kiện thực hành, tham gia vào các hoạt động văn hóa, xã hội, thể thao. Phong trào SV của Nhà trường luôn được đánh giá là đơn vị xuất sắc của ĐHĐN và thành phố Đà Nẵng. SV của trường luôn đạt các thành tích cao trong các hội thi văn nghệ thể thao do ĐHĐN và Thành phố Đà Nẵng tổ chức [MC.07.20.01].

SV được tạo điều kiện tham gia và tổ chức các hoạt động rèn luyện kỹ năng, tham gia công tác xã hội, tình nguyện. Điều này giúp cho SV trang bị thêm các kỹ năng mềm hữu ích cho công việc và đời sống sau khi tốt nghiệp [MC.07.20.02].

Các CLB, Đội, Nhóm trong sinh viên được thành lập và hoạt động dưới sự quản lý hỗ trợ của Hội Sinh viên Trường. Sinh viên khi tham gia các hoạt động được Hội sinh viên tư vấn và hỗ trợ kinh phí hoạt động. Những sinh viên có thành tích tốt được Nhà trường và các tổ chức Đoàn thể cấp giấy chứng nhận và đề nghị khen thưởng [MC.07.20.03].

Trường luôn quan tâm và cải thiện các công trình phục vụ cho người học rèn luyện và sinh hoạt văn nghệ, TDTT. Số lượng và chất lượng các công trình luôn được nâng cao qua hàng năm, đến nay cơ sở vật chất phục vụ cho các hoạt động phong trào đã khá đầy đủ và phong phú, bao gồm: 1 Hội trường Nhà A5 thiết kế theo kiểu sân khấu lớn, 1 Hội trường Nhà B4 thiết kế theo kiểu sân khấu nhỏ, 2 phòng Hội thảo, 1 Nhà tập TDTT đa năng, 1 sân bóng đá, 2 sân bóng chuyền, 2 sân bóng rổ và hàng chục điểm có trang bị dụng cụ tập luyện TDTT khác. Về cơ bản, các công trình trên đảm bảo nhu cầu thiết yếu để người học tổ chức và duy trì được các hội thi văn nghệ, văn hóa, xã hội và các giải thể thao cấp khoa, cấp trường [MC.07.20.04].

20.2. Trường hỗ trợ việc thành lập ban liên lạc cựu sinh viên, các hoạt động của ban và việc tham gia cử cựu sinh viên vào các hoạt động giáo dục.

Từ năm 2015, Nhà trường đã tiến hành các thủ tục thành lập Hội Cựu sinh viên cấp trường, khoa. Tuy nhiên, do vướng các thủ tục hành chính nên việc thành lập bị gián đoạn [MC.07.20.05].

Nhận thức rõ vai trò và tầm quan trọng của cựu sinh viên đối với đơn vị, Nhà trường đã chỉ đạo các Khoa thành lập Ban liên lạc Cựu sinh viên cấp khoa, đang hoàn thành thủ tục thành lập Ban liên lạc Cựu SV cấp Trường. Cựu SV và Ban liên lạc Cựu SV đã có nhiều đóng góp tích cực cho Nhà trường như đóng góp xây dựng quỹ học bổng ở các khoa, tham gia đóng góp ý kiến phát triển Nhà trường, được mời tham gia đóng góp ý kiến nhằm xây dựng và cải tiến chương trình đào tạo. Định kỳ hàng năm, Nhà trường đều tiến hành lấy kiến kiến của cựu sinh viên đã tốt nghiệp sau 6 tháng và 1 năm, trên cơ sở ý kiến của Cựu SV nhà trường có những cải tiến phù hợp về chương trình

cũng như cơ sở vật chất nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của xã hội [MC.07.20.06].

2. Điểm mạnh

- Sinh viên được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao đa dạng.
- Phong trào sinh viên của Trường là đơn vị mạnh của thành phố Đà Nẵng.

3. Điểm tồn tại

- Cơ sở vật chất dành cho hoạt động phong trào của sinh viên còn hạn chế, nhiều thiết bị đã xuống cấp.
- Hoạt động của Ban Liên lạc Cựu sinh viên chưa mạnh và đồng đều ở các khoa.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hỗ trợ các hoạt động phong trào và rèn luyện kỹ năng của sinh viên bằng nhiều hình thức (sử dụng CSVC, hỗ trợ kinh phí, khen thưởng...)	Đoàn Thanh niên và Phòng Công tác Sinh viên	2017	2021
2		Đẩy mạnh hoạt động của Ban liên lạc Cựu sinh viên, đặc biệt là hoạt động giới thiệu việc làm và thực tập, kiến tập.	Phòng Công tác Sinh viên và các Khoa	2017	2021
3	Khắc phục tồn tại	Kiện toàn Ban liên lạc Cựu sinh viên các Khoa, xây dựng cơ chế hoạt động cụ thể cho Ban liên lạc Cựu sinh viên.	Phòng Công tác Sinh viên và các Khoa	2017	2018
4		Xây dựng, sửa chữa các sân tập văn nghệ, thể thao theo hướng chuẩn hóa nhằm đáp ứng yêu cầu rèn luyện ngày càng cao của người học.	Phòng Cơ sở vật chất	2017	2019

5. Tự đánh giá tiêu chí

Tiêu chí 20	Mức độ đạt được						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 20.1				4			
Chỉ số 20.2				4			
Điểm TB của tiêu chí	4.0						

*** Kết luận tiêu chuẩn 7:**

Trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐN đã có những quan tâm thích đáng nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo. Trường đã có những biện pháp cụ thể giúp SV hiểu rõ về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các yêu cầu kiểm tra đánh giá; thực hiện tốt quy chế đào tạo, rèn luyện và những vấn đề liên quan đến người học. Nhà trường luôn đảm bảo tốt các chế độ chính sách xã hội, thực hiện nhiều biện pháp hiệu quả hỗ trợ SV và đầu tư kinh phí cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ - TDTT trong SV.

Đảng ủy, BGH trường luôn quan tâm và tạo mọi điều kiện cho công tác Đoàn, Hội và phong trào SV, bằng cách tạo cơ chế, điều kiện và hỗ trợ kinh phí hoạt động để SV có điều kiện học tập tốt, tham gia NCKH tốt.

Trong thời gian học tập và sinh hoạt tại Trường, SV được cung cấp đầy đủ thông tin về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Pháp luật Nhà nước, được tư vấn kế hoạch học tập, lựa chọn học phần, hướng nghiệp và hỗ trợ cho người học sau tốt nghiệp.

Việc đánh giá và công nhận năng lực của người học đảm bảo tính chính xác, công bằng và khách quan, phù hợp với mục tiêu học tập và chuẩn đầu ra.

Trường thường xuyên quan tâm đến việc nâng cao chất lượng các hoạt động chăm lo cho người học ngày càng tốt hơn; trong đó tập trung vào việc hỗ trợ về học tập, việc làm và tạo môi trường cho SV học tập, rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống.

Trong thời gian tới, Trường chỉ đạo ĐTN, Hội SV đẩy mạnh hoạt động của Câu lạc bộ hỗ trợ SV, đặc biệt là những SV có hoàn cảnh khó khăn, thành lập các ban liên lạc cựu sinh viên để kết nối các thế hệ sinh viên của Nhà trường.

KẾT LUẬN

Nhận thức sâu sắc về công tác tự đánh giá đảm bảo chất lượng giáo dục có ý nghĩa quan trọng để xác định mức độ của Nhà trường so với yêu cầu của Bộ chỉ số phát triển các trường sư phạm TEIDI. Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường Đại học Sư phạm – ĐHDN đã triển khai tốt công tác tự đánh giá chất lượng Nhà trường.

Nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký và các Nhóm Chuyên trách để thực hiện các nhiệm vụ. Quá trình tự đánh giá của Nhà trường đã tập hợp được tất cả các thành phần trong Nhà trường cùng tham gia và đóng góp ý kiến từ cấp lãnh đạo, quản lý đến đội ngũ giảng viên, chuyên viên, nhân viên. Quá trình thực hiện tự đánh giá thực hiện theo đúng hướng dẫn của Ban Quản lý Dự án ETEP và chuyên gia tư vấn của Ngân hàng Thế giới. Nhà trường tự đánh giá các nội dung, hoạt động của Nhà trường theo Bộ chỉ số phát triển các trường sư phạm với 7 tiêu chuẩn, 20 tiêu chí. Mỗi tiêu chí đều được báo cáo thành 5 phần là mô tả, điểm mạnh, tồn tại, kế hoạch hành động và mức độ tự đánh giá.

Thông qua quá trình tự đánh giá, Nhà trường xác định được bức tranh toàn cảnh cũng như trong từng lĩnh vực:

Đối với lĩnh vực Tầm nhìn chiến lược, quản lý và đảm bảo chất lượng, Nhà trường đã xây dựng được sứ mạng, tầm nhìn phù hợp và xây dựng và thực hiện kế hoạch chiến lược, mô hình quản lý để thực hiện các hoạt động để thực hiện sứ mạng và đạt được các mục tiêu trong tầm nhìn đã xác định.

Đối với lĩnh vực Chương trình đào tạo, Nhà trường đã xây dựng và phát triển chương trình đào tạo đáp ứng được chuẩn đầu ra, nhu cầu xã hội và gắn kết với chuẩn nghề nghiệp, đảm bảo tính khoa học, hiện đại và cập nhật.

Đối với lĩnh vực nghiên cứu, phát triển và đổi mới, Trường đã triển khai nhiều hoạt động để thực hiện Chiến lược khoa học công nghệ. Kết quả nghiên cứu của Nhà trường được áp dụng có hiệu quả cao, góp phần thúc đẩy sự phát triển, đổi mới khoa học giáo dục và được công bố ở nhiều tạp chí khoa học uy tín ở trong nước và quốc tế.

Đối với hoạt động đối ngoại, Trường có mối quan hệ hợp tác với nhiều địa phương, các tổ chức, các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước. Trường đã liên kết với các địa phương để tổ chức các khóa đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên cho giảng viên, cán bộ quản lý ở các trường phổ thông; Trường phối hợp với các tổ chức và các trường đại học ở trong nước và quốc tế thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học có giá trị và đồng tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị cấp quốc gia và quốc tế được đánh giá cao. Trường đã ký được nhiều các biên bản ghi nhớ hợp tác với các đối tác nước ngoài để triển khai các hoạt động hợp tác trao đổi sinh viên, giảng viên, cán bộ và hợp tác tổ chức các hội thảo tiến đến liên kết đào tạo.

Đối với lĩnh vực Môi trường sư phạm và các nguồn lực, Trường đảm bảo các điều kiện về cảnh quan môi trường giảng dạy và học tập phù hợp với môi trường sư

phạm. Nhà trường có đủ các phòng học, phòng thực hành thí nghiệm đảm bảo cho các hoạt động dạy và học diễn ra một cách hiệu quả. Trường đã triển khai nhiều các hoạt động nhằm tăng nguồn thu về cho trường như mở rộng các loại hình đào tạo, bồi dưỡng; tăng cường nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, tìm kiếm các nguồn tài trợ từ các dự án trong và ngoài nước. Các nguồn tài chính của trường được quản lý chặt chẽ, hợp lý. Nhà trường đặc biệt chú trọng đến phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ đã tăng nhanh chóng trong các năm vừa qua.

Đối với lĩnh vực hỗ trợ giảng dạy và học tập, các hoạt động hỗ trợ được Nhà trường tiến hành mang lại hiệu quả cao trong hoạt động dạy học, đào tạo được tiến hành, GV được khuyến khích và tạo điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ dạy học và nghiên cứu khoa học. Các hoạt động bồi dưỡng nghiệp vụ, tập huấn chuyên môn được Nhà trường tiến hành hiện quả đã và đang nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên. Trường đã có nhiều biện pháp cụ thể giúp SV hiểu rõ về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các yêu cầu kiểm tra đánh giá; thực hiện tốt quy chế đào tạo, rèn luyện và những vấn đề liên quan đến người học. Nhà trường luôn đảm bảo tốt các chế độ chính sách xã hội, thực hiện nhiều biện pháp hiệu quả hỗ trợ SV và đầu tư kinh phí cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ - TDTT trong SV.

Bên cạnh những kết quả những thành tích đã đạt được, trong từng lĩnh vực Nhà trường vẫn còn những điểm còn hạn chế. Đối với lĩnh vực đào tạo, Nhà trường chưa có các chương trình liên kết với các đối tác nước ngoài để trao đổi sinh viên. Đối với lĩnh vực khoa học công nghệ và tài chính, Trường chưa có các nhiều các đề tài quy mô lớn mang lại nguồn thu cho Nhà trường.

Trên cơ sở những điểm mạnh và tồn tại, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch hành động cụ thể cho từng năm để phát huy được những điểm mạnh, khắc phục những điểm tồn tại để đưa Nhà trường không ngừng phát triển, trở thành một cơ sở giáo dục đại học có uy tín ở khu vực và trên thế giới.

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 8 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG

Phần 3. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

3.1. Tổng hợp điểm tự đánh giá các tiêu chuẩn, tiêu chí PHỤ LỤC

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Chỉ số	Mức đánh giá							Điểm tiêu chí	Điểm tiêu chuẩn
			1	2	3	4	5	6	7		
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1	Chỉ số 1.1				4				4.0	3.93
		Chỉ số 1.2				4					
	Tiêu chí 2	Chỉ số 2.1				4				4.0	
		Chỉ số 2.2				4					
		Chỉ số 2.3				4					
	Tiêu chí 3	Chỉ số 3.1				4				3.8	
		Chỉ số 3.2				4					
		Chỉ số 3.3				4					
		Chỉ số 3.4			3						
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 4	Chỉ số 4.1				4				3.7	3.75
		Chỉ số 4.2			3						
		Chỉ số 4.3				4					
	Tiêu chí 5	Chỉ số 5.1			3					3.8	
		Chỉ số 5.2				4					
		Chỉ số 5.3				4					
		Chỉ số 5.4				4					
		Chỉ số 5.5				4					
		Chỉ số 5.6				4					
Tiêu chuẩn 3	Tiêu chí 6	Chỉ số 6.1				4				3.8	3.90
		Chỉ số 6.2				4					
		Chỉ số 6.3				4					
		Chỉ số 6.4			3						
	Tiêu chí 7	Chỉ số 7.1				4				4.0	
		Chỉ số 7.2				4					
		Chỉ số 7.3				4					
Tiêu chuẩn 4	Tiêu chí 8	Chỉ số 8.1				4				4.0	3.70
		Chỉ số 8.2				4					
	Tiêu chí 9	Chỉ số 9.1				4				3.3	
		Chỉ số 9.2			3						
		Chỉ số 9.3			3						
	Tiêu chí 10	Chỉ số 10.1				4				4.0	
		Chỉ số 10.2				4					
		Chỉ số 10.3				4					
		Chỉ số 10.4				4					
	Tiêu chí 11	Chỉ số 11.1			3					3.5	
Chỉ số 11.2					4						
Tiêu chuẩn 5	Tiêu chí 12	Chỉ số 12.1				4				3.5	3.70
		Chỉ số 12.2			3						
	Tiêu chí 13	Chỉ số 13.1				4				3.3	
		Chỉ số 13.2			3						
		Chỉ số 13.3			3						
		Chỉ số 13.4			3						
	Tiêu chí 14	Chỉ số 14.1				4				4.0	
		Chỉ số 14.2				4					
		Chỉ số 15.1				4					

	Tiêu chí 15	Chỉ số 15.2				4				4.0	
		Chỉ số 15.3				4					
Tiêu chuẩn 6	Tiêu chí 16	Chỉ số 16.1				4				4.0	4.00
		Chỉ số 16.2				4					
		Chỉ số 16.3				4					
		Chỉ số 16.4				4					
		Chỉ số 16.5				4					
	Tiêu chí 17	Chỉ số 17.1				4				4.0	
		Chỉ số 17.2				4					
	Tiêu chuẩn 7	Tiêu chí 18	Chỉ số 18.1				4				
Chỉ số 18.2						4					
Chỉ số 18.3					3						
Chỉ số 18.4						4					
Chỉ số 18.5						4					
Tiêu chí 19		Chỉ số 19.1				4				4.0	
		Chỉ số 19.2				4					
Tiêu chí 20		Chỉ số 20.1				4				4.0	
		Chỉ số 20.2				4					
Tổng điểm			240								

3.2. Quy đổi mức năng lực các tiêu chuẩn, tiêu chí

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tiêu chuẩn	Mức năng lực
1	Tiêu chuẩn 1	3.93	4
	<i>Tiêu chí 1</i>	4.0	4
	<i>Tiêu chí 2</i>	4.0	4
	<i>Tiêu chí 3</i>	3.8	4
2	Tiêu chuẩn 2	3.75	4
	<i>Tiêu chí 4</i>	3.7	4
	<i>Tiêu chí 5</i>	3.8	4
3	Tiêu chuẩn 3	3.90	4
	<i>Tiêu chí 6</i>	3.8	4
	<i>Tiêu chí 7</i>	4.0	4
4	Tiêu chuẩn 4	3.70	4
	<i>Tiêu chí 8</i>	4.0	4
	<i>Tiêu chí 9</i>	3.3	3
	<i>Tiêu chí 10</i>	4.0	4
	<i>Tiêu chí 11</i>	3.5	3
5	Tiêu chuẩn 5	3.70	4
	<i>Tiêu chí 12</i>	3.5	3
	<i>Tiêu chí 13</i>	3.3	3
	<i>Tiêu chí 14</i>	4.0	4
	<i>Tiêu chí 15</i>	4.0	4
6	Tiêu chuẩn 6	4.00	4
	<i>Tiêu chí 16</i>	4.0	4
	<i>Tiêu chí 17</i>	4.0	4
7	Tiêu chuẩn 7	3.93	4
	<i>Tiêu chí 18</i>	3.8	4
	<i>Tiêu chí 19</i>	4.0	4
	<i>Tiêu chí 20</i>	4.0	4

Phần 4. KẾT LUẬN

Nhận thức sâu sắc về công tác tự đánh giá đảm bảo chất lượng giáo dục có ý nghĩa quan trọng để xác định mức độ của Nhà trường so với yêu cầu của Bộ chỉ số phát triển các trường sư phạm TEIDI. Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường Đại học Sư phạm – ĐHDN đã triển khai tốt công tác tự đánh giá chất lượng Nhà trường.

Nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký và các Nhóm Chuyên trách để thực hiện các nhiệm vụ. Quá trình tự đánh giá của Nhà trường đã tập hợp được tất cả các thành phần trong Nhà trường cùng tham gia và đóng góp ý kiến từ cấp lãnh đạo, quản lý đến đội ngũ giảng viên, chuyên viên, nhân viên. Quá trình thực hiện tự đánh giá thực hiện theo đúng hướng dẫn của Ban Quản lý Dự án ETEP và chuyên gia tư vấn của Ngân hàng Thế giới. Nhà trường tự đánh giá các nội dung, hoạt động của Nhà trường theo Bộ chỉ số phát triển các trường sư phạm với 7 tiêu chuẩn, 20 tiêu chí. Mỗi tiêu chí đều được báo cáo thành 5 phần là mô tả, điểm mạnh, tồn tại, kế hoạch hành động và mức độ tự đánh giá.

Thông qua quá trình tự đánh giá, Nhà trường xác định được bức tranh toàn cảnh cũng như trong từng lĩnh vực:

Đối với lĩnh vực Tầm nhìn chiến lược, quản lý và đảm bảo chất lượng, Nhà trường đã xây dựng được sứ mạng, tầm nhìn phù hợp và xây dựng và thực hiện kế hoạch chiến lược, mô hình quản lý để thực hiện các hoạt động để thực hiện sứ mạng và đạt được các mục tiêu trong tầm nhìn đã xác định.

Đối với lĩnh vực Chương trình đào tạo, Nhà trường đã xây dựng và phát triển chương trình đào tạo đáp ứng được chuẩn đầu ra, nhu cầu xã hội và gắn kết với chuẩn nghề nghiệp, đảm bảo tính khoa học, hiện đại và cập nhật.

Đối với lĩnh vực nghiên cứu, phát triển và đổi mới, Trường đã triển khai nhiều hoạt động để thực hiện Chiến lược khoa học công nghệ. Kết quả nghiên cứu của Nhà trường được áp dụng có hiệu quả cao, góp phần thúc đẩy sự phát triển, đổi mới khoa học giáo dục và được công bố ở nhiều tạp chí khoa học uy tín ở trong nước và quốc tế.

Đối với hoạt động đối ngoại, Trường có mối quan hệ hợp tác với nhiều địa phương, các tổ chức, các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước. Trường đã liên kết với các địa phương để tổ chức các khóa đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên cho giảng viên, cán bộ quản lý ở các trường phổ thông; Trường phối hợp với các tổ chức và các trường đại học ở trong nước và quốc tế thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học có giá trị và đồng tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị cấp quốc gia và quốc tế được đánh giá cao. Trường đã ký được nhiều các biên bản ghi nhớ hợp tác với các đối tác nước ngoài để triển khai các hoạt động hợp tác trao đổi sinh viên, giảng viên, cán bộ và hợp tác tổ chức các hội thảo tiến đến liên kết đào tạo.

Đối với lĩnh vực Môi trường sư phạm và các nguồn lực, Trường đảm bảo các điều kiện về cảnh quan môi trường giảng dạy và học tập phù hợp với môi trường sư

phạm. Nhà trường có đủ các phòng học, phòng thực hành thí nghiệm đảm bảo cho các hoạt động dạy và học diễn ra một cách hiệu quả. Trường đã triển khai nhiều các hoạt động nhằm tăng nguồn thu về cho trường như mở rộng các loại hình đào tạo, bồi dưỡng; tăng cường nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, tìm kiếm các nguồn tài trợ từ các dự án trong và ngoài nước. Các nguồn tài chính của trường được quản lý chặt chẽ, hợp lý. Nhà trường đặc biệt chú trọng đến phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ đã tăng nhanh chóng trong các năm vừa qua.

Đối với lĩnh vực hỗ trợ giảng dạy và học tập, các hoạt động hỗ trợ được Nhà trường tiến hành mang lại hiệu quả cao trong hoạt động dạy học, đào tạo được tiến hành, GV được khuyến khích và tạo điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ dạy học và nghiên cứu khoa học. Các hoạt động bồi dưỡng nghiệp vụ, tập huấn chuyên môn được Nhà trường tiến hành hiện quả đã và đang nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên. Trường đã có nhiều biện pháp cụ thể giúp SV hiểu rõ về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các yêu cầu kiểm tra đánh giá; thực hiện tốt quy chế đào tạo, rèn luyện và những vấn đề liên quan đến người học. Nhà trường luôn đảm bảo tốt các chế độ chính sách xã hội, thực hiện nhiều biện pháp hiệu quả hỗ trợ SV và đầu tư kinh phí cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ - TDTT trong SV.

Bên cạnh những kết quả những thành tích đã đạt được, trong từng lĩnh vực Nhà trường vẫn còn những điểm còn hạn chế. Đối với lĩnh vực đào tạo, Nhà trường chưa có các chương trình liên kết với các đối tác nước ngoài để trao đổi sinh viên. Đối với lĩnh vực khoa học công nghệ và tài chính, Trường chưa có các nhiều các đề tài quy mô lớn mang lại nguồn thu cho Nhà trường.

Trên cơ sở những điểm mạnh và tồn tại, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch hành động cụ thể cho từng năm để phát huy được những điểm mạnh, khắc phục những điểm tồn tại để đưa Nhà trường không ngừng phát triển, trở thành một cơ sở giáo dục đại học có uy tín ở khu vực và trên thế giới.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2017

HIỆU TRƯỞNG

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Số: 522/QĐ-ĐHSP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá
Bộ chỉ số phát triển năng lực trường sư phạm (TEIDI)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP, ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 05/TCCB ngày 06/01/1996 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về cơ cấu tổ chức Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Văn kiện Chương trình đã được Bộ trưởng bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt tại quyết định số 1822/QĐ-BGDĐT ngày 31/5/2016. Hiệp định vay vốn cho Chương trình được Chính phủ và Ngân hàng Thế giới kí ngày 06/02/2017

Căn cứ kế hoạch đánh giá Trường theo Bộ chỉ số TEIDI của Trường Đại học Sư phạm – ĐHDN;

Xét đề nghị của Trường phòng Tổ chức – Hành chính và Trường phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá Bộ chỉ số phát triển năng lực trường sư phạm (TEIDI) gồm các ông (bà) có tên sau đây: *(Danh sách kèm theo)*

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá Bộ chỉ số phát triển năng lực trường sư phạm (TEIDI) theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Các ông (bà) Trường phòng Tổ chức – Hành chính, Đào tạo, Công tác Sinh viên, Khoa học & Hợp tác Quốc tế, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Kế hoạch – Tài chính và các thành viên có tên ở điều 1 căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BGH (để chỉ đạo);
- Lưu VT; KT&ĐBCLGD.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. LƯU TRANG

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

Bộ chỉ số phát triển năng lực trường sư phạm (TEIDI)

(Kèm theo Quyết định số: 522/QĐ-ĐHSP ngày 16 tháng 5 năm 2017)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	PGS.TS.Lưu Trang	Hiệu trưởng	Chủ tịch HD
2	PGS.TS.Lê Quang Sơn	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	PGS.TS.Võ Văn Minh	Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên
4	TS.Nguyễn Quý Mười	Trưởng phòng Khoa học&HTQT	Ủy viên
5	PGS.TS.Trần Xuân Bách	Trưởng phòng Tổ chức - HC	Ủy viên
6	ThS.Trịnh Thế Anh	Trưởng phòng KT&ĐBCLGD	Ủy viên TT
7	ThS. Nguyễn Vinh San	Trưởng phòng CT Sinh viên	Ủy viên
8	CN.Nguyễn Thị Hồng Thanh	Trưởng phòng KH – Tài chính	Ủy viên
9	ThS.Trương Trung Phương	Bí thư Đoàn Trường ĐHSP	Ủy viên
10	TS. Phan Đức Tuấn	Trưởng Khoa Toán	Ủy viên
11	TS. Nguyễn Văn Hiếu	Trưởng Khoa Vật lý	Ủy viên
12	PGS.TS. Lê Tự Hải	Trưởng Khoa Hóa học	Ủy viên
13	TS. Nguyễn Trần Quốc Vinh	Trưởng Khoa Tin học	Ủy viên
14	TS. Võ Châu Tuấn	Trưởng Khoa Sinh học	Ủy viên
15	ThS. Nguyễn Mạnh Hồng	Trưởng Khoa Lịch sử	Ủy viên
16	TS. Trương Phước Minh	Trưởng Khoa Địa lý	Ủy viên
17	TS. Bùi Bích Hạnh	Trưởng Khoa Ngữ Văn	Ủy viên
18	TS. Vương Bích Thủy	Trưởng Khoa Giáo dục CT	Ủy viên
19	TS. Nguyễn Thị Trâm Anh	Trưởng Khoa Tâm lý GD	Ủy viên
20	TS. Hoàng Nam Hải	Trưởng Khoa Giáo dục Tiểu học	Ủy viên
21	TS. Đinh Thị Đoàn Hương	Trưởng Khoa Giáo dục Mầm non	Ủy viên
22	ThS. Đinh Xuân Lâm	Tổ trưởng Tổ thanh tra	Ủy viên
23	CN. Huỳnh Ngọc Minh Thi	Tổ trưởng Tổ Thư viện	Ủy viên
24	CN. Nguyễn Viết Hải Hiệp	Chủ tịch Hội Sinh viên	Ủy viên
25	ThS. Tôn Nữ Duy Hoàng	P. Trưởng phòng KT&ĐBCL	Thư ký

Danh sách có 25 thành viên

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. LƯU TRANG

Phụ lục 2: Quyết định thành lập Ban Thư ký, Nhóm chuyên trách

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
Số: 523/QĐ-ĐHSP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đà Nẵng, ngày 16 tháng 5 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Ban Thư ký & Nhóm công tác chuyên trách, minh chứng
Tự đánh giá Trường theo Bộ chỉ số Phát triển các trường Đại học Sư phạm (TEIDI)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định 32/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số: 05/TCCB ngày 06 tháng 01 năm 1996 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về Cơ cấu, tổ chức Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Văn kiện Chương trình đã được Bộ trưởng bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt tại quyết định số 1822/QĐ-BGDĐT ngày 31/5/2016. Hiệp định vay vốn cho Chương trình được Chính phủ và Ngân hàng Thế giới kí ngày 06/02/2017;

Căn cứ kế hoạch đánh giá Trường theo Bộ chỉ số TEIDI của Trường Đại học Sư phạm – ĐHĐN;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng TC-HC và Trưởng phòng Khảo thí & ĐBCLGD.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay thành lập và cử các ông (bà) có tên sau đây vào Ban Thư ký, Nhóm công tác chuyên trách và minh chứng Hội đồng Tự đánh giá Trường ĐHSP-ĐHĐN theo Bộ chỉ số Phát triển các Trường Đại học Sư phạm (danh sách kèm theo).

Điều 2. Các thành viên có tên ở Điều 1 có nhiệm vụ giúp việc cho Hội đồng Tự đánh giá Trường theo Bộ chỉ số Phát triển các trường Đại học Sư phạm.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng Phòng Tổ chức – Hành chính, Đào tạo, Công tác Sinh viên, Khoa học & Hợp tác Quốc tế, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Kế hoạch – Tài chính; Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các thành viên có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BGH (để chỉ đạo);
- Lưu VT, KT-ĐBCLGD.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. LƯU TRANG

**DANH SÁCH NHÓM CHUYÊN TRÁCH VÀ MINH CHỨNG TỰ ĐÁNH GIÁ
TRƯỜNG THEO BỘ CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN CÁC TRƯỜNG SƯ PHẠM - TEIDI**

(Kèm theo quyết định số: 523/QĐ-ĐHSP.../5/2017 của Hiệu trưởng Trường
Đại học Sư phạm- Đại học Đà Nẵng)

Nhóm 1:

TT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Trần Xuân Bách	Phòng Tổ chức – Hành chính	Trưởng nhóm
2	ThS. Trương Thị Thảo	Phòng Tổ chức – Hành chính	Thành viên
3	ThS. Nguyễn Thị Minh Ngọc	Phòng Tổ chức – Hành chính	Thành viên
4	ThS. Nguyễn Văn Khánh	Phòng Tổ chức – Hành chính	Thành viên
5	CN. Lê Văn Bình	Phòng Tổ chức – Hành chính	Thành viên
6	CN. Lê Thanh Hà	Phòng Tổ chức – Hành chính	Thành viên
7	CN. Trương Thị Phương Chi	Phòng Tổ chức – Hành chính	Thành viên
8	CN. Tấn Ngọc Lan	Phòng Tổ chức – Hành chính	Thành viên
9	ThS. Trịnh Thế Anh	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Thành viên
10	CN. Trương Minh Tú	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Thành viên

Nhóm 2:

1	PGS.TS. Võ Văn Minh	Phòng Đào tạo	Trưởng nhóm
2	TS. Lê Thanh Huy	Phòng Đào tạo	Thành viên
3	ThS. Hồ Thị Kim Loan	Phòng Đào tạo	Thành viên
4	ThS. Đàm Minh Anh	Phòng Đào tạo	Thành viên
5	ThS. Nguyễn Minh Phong	Phòng Đào tạo	Thành viên
6	ThS. Nguyễn Lương Vương	Phòng Đào tạo	Thành viên
7	CN. Nguyễn Thị Hạnh	Phòng Đào tạo	Thành viên
8	ThS. Trương Văn Thanh	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Thành viên

Nhóm 3

1	ThS. Nguyễn Vinh San	Phòng Công tác Sinh viên	Trưởng nhóm
2	ThS. Huỳnh Bọng	Phòng Công tác Sinh viên	Thành viên
3	ThS. Nguyễn Phú Nghi	Phòng Công tác Sinh viên	Thành viên
4	ThS. Đặng Văn Kiều	Phòng Công tác Sinh viên	Thành viên
5	ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung	Phòng Công tác Sinh viên	Thành viên
6	CN. Phạm Thị Kim Chi	Phòng Công tác Sinh viên	Thành viên
7	CN. Lê Trang Tin	Phòng Công tác Sinh viên	Thành viên
8	CN. Đỗ Thế Cường	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Thành viên



Nhóm 4

1	TS. Phạm Quý Mười	Phòng Khoa học & HTQT	Trưởng nhóm
2	TS. Trần Thị Mai An	Phòng Khoa học & HTQT	Thành viên
3	CN. Phan Trương Hoàng My	Phòng Khoa học & HTQT	Thành viên
4	CN. Nguyễn Thị Thu An	Phòng Khoa học & HTQT	Thành viên
5	CN. Huỳnh Ngọc Minh Thi	Tổ Thư viện	Thành viên
6	ThS. Tôn Nữ Duy Hoàng	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Thành viên

Nhóm 5

1	CN. Nguyễn Thị Hồng Thanh	Phòng Kế hoạch – Tài chính	Trưởng nhóm
2	CN. Trần Thị Minh Lựu	Phòng Kế hoạch – Tài chính	Thành viên
3	CN. Hoàng Thị Bạch Tuyết	Phòng Kế hoạch – Tài chính	Thành viên
4	CN. Phạm Thị Giang Thanh	Phòng Kế hoạch – Tài chính	Thành viên
5	CN. Thái Thị Ngọc Vỹ	Phòng Kế hoạch – Tài chính	Thành viên
6	CN. Võ Thị Hà An	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Thành viên

Nhóm 6

1	ThS. Trịnh Thế Anh	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Trưởng nhóm
2	ThS. Tôn Nữ Duy Hoàng	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Thành viên
3	ThS. Trương Văn Thanh	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Thành viên
4	CN. Đỗ Thế Cường	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Thành viên
5	CN. Võ Thị Hà An	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Thành viên
6	CN. Trương Minh Tú	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Thành viên

(Ghi chú: Ngoài việc tìm minh chứng phân công theo từng nhóm, các nhóm có nhiệm vụ hỗ trợ cho nhóm khác để hoàn thành minh chứng báo cáo Tự đánh giá) *heal*

HIỆU TRƯỞNG**PGS.TS. LƯU TRANG**

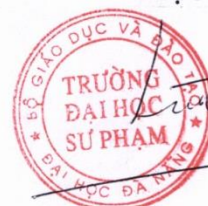
**DANH SÁCH BAN THƯ KÝ TỰ ĐÁNH GIÁ TRƯỜNG THEO BỘ CHỈ SỐ
PHÁT TRIỂN CÁC TRƯỜNG SƯ PHẠM - TEIDI**

(Kèm theo quyết định số: 523.../QĐ-ĐHSP.../16.../5/2017 của Hiệu trưởng Trường
Đại học Sư phạm- Đại học Đà Nẵng)

TT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS. Trịnh Thế Anh	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Trưởng ban
2	ThS. Tôn Nữ Duy Hoàng	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Phó ban
3	CN. Nguyễn Thị Hạnh	Phòng Đào tạo	Ủy viên
4	CN. Lê Văn Bình	Phòng Tổ chức – Hành chính	Ủy viên
5	CN. Phạm Thị Giang Thanh	Phòng Kế hoạch – Tài chính	Ủy viên
6	CN. Phan Trương Hoàng My	Phòng Khoa học & HTQT	Ủy viên
7	ThS. Võ Tá Trung	Tổ Thanh tra – Pháp chế	Ủy viên
8	ThS. Trương Văn Thanh	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Ủy viên
9	CN. Đỗ Thế Cường	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Ủy viên
10	CN. Võ Thị Hà An	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Ủy viên
11	CN. Trương Minh Tú	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Ủy viên
12	CN. Lê Trang Tin	Phòng Công tác Sinh viên	Ủy viên

Danh sách có 12 thành viên

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. LƯU TRANG